



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA**

DIỄN ĐÀN

KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP TRỰC TUYẾN

**TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC
TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN
CÓ CHỨNG NHẬN**

Hà Nội, tháng 9 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP TRỰC TUYẾN

**Chủ đề: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

Thời gian: ½ ngày, từ 08h00 ngày 30/9/2021 (Thứ Năm)

- Hình thức: Hội trực tuyến qua phần mềm Zoom

- Địa điểm:

+ Điểm cầu chính: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội;

+ Điểm cầu tại Cục Chăn nuôi, Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Cục Thú y, Viện Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam...

+ Điểm cầu tại 13 tỉnh/thành phố mời dự và các điểm cầu khác.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7 ^h 45 - 8 ^h 00	Mở phòng họp	Ban Tổ chức
8 ^h 00 - 8 ^h 05	Giới thiệu Đại biểu	TT Khuyến nông Quốc gia
8 ^h 05 - 8 ^h 15	Phát biểu Khai mạc Diễn đàn	Lãnh đạo TT Khuyến nông Quốc gia
8 ^h 15 - 9 ^h 30	Báo cáo đề dẫn:	TT Khuyến nông Quốc gia
	Các báo cáo tham luận:	
	1. Tình hình chăn nuôi hiện nay, giải pháp tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi	Cục Chăn nuôi
	2. Trình tự, thủ tục thực hiện một số chứng nhận trong chăn nuôi	Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản
	3. An toàn sinh học trong chăn nuôi	Tổ chức FAO Việt Nam
9 ^h 30 - 11 ^h 30	Trao đổi thảo luận: Các đại biểu đăng ký phát biểu trước, BTC sẽ tổng hợp (Lãnh đạo Sở NN&PTNT, TTKN, hộ chăn nuôi, doanh nghiệp...)	Chủ trì Diễn đàn, đại biểu
11 ^h 30 - 11 ^h 45	Tổng kết Diễn đàn	Lãnh đạo TTKNQG

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

1. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI HIỆN NAY VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI	7
<i>Cục Chăn nuôi</i>	
2. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG CHĂN NUÔI GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN SINH HỌC, AN TOÀN DỊCH BỆNH	14
<i>Phòng Khuyến nông Chăn nuôi và Thú y - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia</i>	
3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG NÔNG HỘ CHĂN NUÔI LỢN Ở VIỆT NAM	23
<i>Hà Minh Tuân¹, Ngô Thị Kim Cúc¹, Nguyễn Công Định¹, Trần Trung Thông¹, Nguyễn Văn Trung¹, Phạm Văn Sơn¹, Phạm Hải Ninh¹, Nguyễn Trọng Tuyển¹, Thái Khắc Thanh² và Nguyễn Ngọc Sơn³</i>	
¹ Viện Chăn nuôi	
² Trung tâm Giống Chăn nuôi Nghệ An	
³ Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội	
4. HỎI ĐÁP VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI	40
<i>Nguyễn Thị Tuyết Minh Tổ chức FAO tại Việt Nam</i>	
5. TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI	59
<i>Trung tâm Khuyến nông Hà Nội</i>	
6. KẾT QUẢ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC, MÔ HÌNH CHỨNG NHẬN VIETGAHP, AN TOÀN DỊCH BỆNH, CHỨNG NHẬN OCOP TẠI TỈNH NAM ĐỊNH	67
<i>Trung tâm Khuyến nông tỉnh Nam Định</i>	
7. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG	71
<i>Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hải Dương</i>	

***Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”***

8. TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN CÓ CHỨNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ 80
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Phú Thọ
9. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI VÀ THỰC HIỆN AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI 84
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Gia Lai
10. TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN CÓ CHỨNG NHẬN TẠI TỈNH ĐỒNG NAI 89
Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai
11. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC TẠI TỈNH AN GIANG 93
Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang

TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI HIỆN NAY VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI

Cục Chăn nuôi

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CHĂN NUÔI ĐẦU NĂM 2021

Ngành chăn nuôi triển khai thực hiện kế hoạch trong điều kiện đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: (1) Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động đến đời sống, kinh tế, xã hội, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu và gây ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và hoạt động xuất, nhập khẩu, tiêu thụ nông sản; (2) Dịch bệnh trên động vật diễn biến phức tạp; (3) Biến đổi khí hậu đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi, sản xuất chăn nuôi; (4) Thị trường tiêu thụ nông sản giảm và chịu tác động từ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, các nước gia tăng hàng rào kỹ thuật. Nhiều hàng hóa gặp khó khăn trong xuất khẩu.

Theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Chăn nuôi thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất, nguồn cung, nhu cầu và khả năng điều tiết, tiêu thụ thực phẩm thiết yếu; kịp thời hướng dẫn, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn; hỗ trợ các doanh nghiệp (DN) chăn nuôi trong vận chuyển sản phẩm liên tỉnh; cung cấp danh sách trang trại để kết nối cung-cầu thực phẩm. Đánh giá hiện trạng quản lý sản xuất thức ăn chăn nuôi (TACN).

- Đến tháng 8/2021 kết quả đạt được:

+ Tổng đàn lợn khoảng 26,67 triệu con, tăng 4,5%; đàn gia cầm 515 triệu con ước tăng 5,4%; đàn bò thịt trên 6,3 triệu con, tăng khoảng 1,8%; đàn bò sữa trên 331 ngàn con; đàn dê cừu trên 2,8 triệu con; riêng đàn trâu 2,4 triệu con giảm 3,8%;

+ Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt khoảng trên 4,5 triệu tấn, sản lượng trứng gia cầm đạt 11,4 tỷ quả, tăng 5%.

+ Sản lượng TACN công nghiệp 8 tháng đầu năm 2021 ước đạt khoảng 13,6 triệu tấn, tăng khoảng 5,5% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó thức ăn cho lợn đạt 6,7 triệu tấn, tăng 27% so với cùng kỳ 2020; thức ăn cho gia cầm đạt 6,0 triệu tấn, giảm 11% so với cùng kỳ 2020, 8 tháng đầu năm, tổng nguyên liệu TACN nhập khẩu khoảng 14,45 triệu tấn.

Nhìn chung, sản xuất chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2021 cơ bản chủ động được nhu cầu thực phẩm hiện tại của người dân các địa phương trên cả nước. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ, nhất là trong khâu lưu thông, vận chuyển sản phẩm và vật tư phục vụ sản xuất chăn nuôi để phục vụ cho duy trì đàn vật

***Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”***

nuôi và tái đàn, đảm bảo cung ứng đủ cho tiêu dùng trong nước những tháng cuối năm 2021, đầu năm 2022, dịp Tết Nguyên đán và một phần cho xuất khẩu trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

Kế hoạch sản xuất năm 2021: Sản lượng thịt các loại khoảng 6,2 triệu tấn, sản lượng trứng khoảng 16 tỷ quả, sản lượng sữa khoảng 1,2 triệu tấn. Dự kiến sản lượng thức ăn chăn nuôi năm 2021 khoảng 21,48 triệu tấn, tăng khoảng 5,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Căn cứ tình hình sản xuất, nhu cầu của tiêu dùng cân đối giữa các vùng cơ bản chủ động được nguồn cung thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, một phần cho xuất khẩu

II. VỀ THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

2.1. Giá lợn thịt xuất chuồng

8 tháng đầu năm 2021, giá lợn thịt xuất chuồng xu hướng giảm từ tháng 4 đến tháng 7/2021, tháng 8 đến nay giá từ 50.000-58.000 đồng/kg, có địa phương xuống dưới 50.000 đồng/kg. Thời điểm tuần từ 25-30/9/2021 giá lợn hơi trung bình cả nước là 46.500 đ/kg, cụ thể:

- Tại miền Bắc dao động từ 44.000-51.000 đ/kg (công ty) và 43.000-46.000 đ/kg (trong dân);
- Tại miền Trung dao động từ 41.000-52.000 đ/kg (công ty) và 46.000-48.000 đ/kg (trong dân);
- Tại miền Nam dao động từ 45.500-51.500 đ/kg (công ty) và 44.000-46.000 đ/kg (trong dân).

So sánh với giá thành sản xuất thì chăn nuôi trang trại vừa và nhỏ đang lỗ khoảng 8.900-9.700 đ/kg, nông hộ lỗ 7.700-8.700 đ/kg; chăn nuôi trang trại/tập đoàn lớn vẫn có lãi khoảng 1.900-2.700 đ/kg.

2.2. Giá sản phẩm gia cầm

- Giá gà công nghiệp trắng giai đoạn tháng 7, 8 các tỉnh phía bắc khoảng 15-20 ngàn đồng/kg; các tỉnh phía nam 6-10 ngàn đồng/kg, những ngày gần đây các tỉnh phía Bắc lên trên 25 ngàn đ/kg, các tỉnh phía Nam 18-20 ngàn đ/kg.
- Giá vịt thịt 25.000-35.000 đ/kg; trứng vịt 2.600-3.000 đ/quả, trứng gà công nghiệp 2.200-2.500 đ/quả, giá gà màu 2500-3.000 đ/quả.

2.3. Giá các sản phẩm khác

Giá bò thịt dao động từ 85-100.000 đ/kg. Giá sữa bò 12-13 ngàn đ/lít; giá dê thịt 120-140.000 đ/kg.



2.4. Giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Giá nguyên liệu TACN tăng từ 16-36%, dẫn đến giá thức ăn hỗn hợp tăng rất cao và vẫn tiếp tục tăng.

Do ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, khó khăn trong vận chuyển, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm giảm nhiều (khối khu công nghiệp, trường học, bếp ăn tập thể, khách sạn, nhà hàng, một số nhà máy giết mổ, chế biến, chợ truyền thống, chợ dân sinh có người bị Covid phải đóng cửa...) đặc biệt là 2 thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Vì vậy, sản phẩm chăn nuôi ứ đọng quá tuổi. Đặc biệt các tỉnh Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ các doanh nghiệp chăn nuôi chỉ tiêu thụ được 5-10% gà công nghiệp trắng, gà lông màu và lợn tiêu thụ được khoảng 70%.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA CHĂN NUÔI TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19

(1) Năm 2021, sản xuất vẫn nhỏ lẻ, hạ tầng còn yếu kém, chế biến thô là chủ yếu; năng lực cạnh tranh của ngành còn hạn chế; biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan hơn; dịch bệnh Covid-19 làm sản xuất, lưu thông, xuất khẩu còn có những khó khăn.

(2) Nguồn vốn: Phần lớn người sản xuất thiếu hụt vốn để duy trì sản xuất kinh doanh do tồn đọng nhiều sản phẩm không tiêu thụ được, lưu thông hàng hóa khó khăn nên sản phẩm quá lứa, ứ đọng (lợn ứ đọng khoảng 30%, gà công nghiệp lông trắng tới 90%); chi phí sản xuất phát sinh quá lớn; việc tiếp cận các khoản vay mới từ các tổ chức tín dụng gặp nhiều khó khăn;

(3) Lưu thông: Trong thời gian qua dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng, các bộ ngành có nhiều văn bản hướng dẫn kịp thời, tháo gỡ khó khăn, ách tắc,... Tuy nhiên, việc vận chuyển hàng hóa, vật tư, sản phẩm vẫn gặp khó khăn tại các huyện, xã, thôn bản; việc hướng dẫn di chuyển, đi lại cho người lao động tại một số địa phương còn chưa sát thực tế. Một số chốt kiểm tra có thời điểm vẫn bị ùn tắc giao thông dẫn đến vận chuyển hàng tươi sống không được thuận lợi. Một số địa phương còn quy định hàng hóa phải sang xe rất khó khăn cho việc bốc vác, tăng chi phí (trọng tải 10-20 tấn đặc biệt là vật sống). Có địa phương bắt buộc lái xe và người ngồi trên xe phải đã tiêm phòng và phải có kết quả phân tích PCR, không chấp nhận test nhanh hoặc có hiệu lực của kết quả phân tích.

(4) Việc triển khai thực hiện “3 tại chỗ” gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, phát sinh chi phí lớn, chưa phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng địa phương, khu vực, các đối tượng và lĩnh vực sản xuất.

(5) Về lao động: Lực lượng lao động lớn phục vụ sản xuất trở về địa phương khi thực hiện giãn cách xã hội.

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

(6) Việc xuất hiện các trường hợp F0 tại các cơ sở sản xuất, GM, chế biến khiến nhiều doanh nghiệp phải dừng hoạt động hoặc do nằm trong khu vực phải cách ly, phong tỏa, dẫn đến tình trạng đứt gãy các chuỗi sản xuất, cung ứng.

(7) Chi phí vận tải tăng cao, việc thực hiện hướng dẫn cấp giấy đi đường cho người lao động, hướng dẫn tại một số địa phương còn chưa sát thực tế, gây khó khăn cho các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất.

(8) Nhiều doanh nghiệp dừng sản xuất vẫn phải tiếp tục đóng các khoản chi phí. Trong khi đó, giá sản phẩm giảm sâu khiến sản xuất giảm sút cả về lượng và giá trị, giá bán sản phẩm có loại chỉ bằng 30% giá thành.

(9) Nhu cầu tiêm vắc-xin cho người sản xuất, lưu thông hàng hóa rất cao, nhưng hiện vắc-xin chỉ mới đáp ứng được 10-15% cho mũi thứ nhất.

(10) Khâu giết mổ, chế biến hoặc sơ chế chịu sự quản lý chặt về điều kiện sản xuất, gây tắc nghẽn hoạt động sản xuất kinh doanh; phát sinh các chi phí chăn nuôi khi không xuất chuồng được; giá TACN (chiếm 65-70% giá thành sản phẩm) và thuốc thú y ngày một tăng cao từ 16-36% và vẫn tiếp tục tăng; tiêu thụ sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn trong vận chuyển, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm giảm nhiều; mức độ tiêu thụ thực phẩm giảm 30-40%, có loại giảm tới 90% như gà công nghiệp; trang trại và hộ chăn nuôi hạn chế tái đàn (giảm áp nỏ đến 70%) vì giá tiêu thụ sản phẩm thấp, giá đầu vào tăng, nguy cơ thiếu hụt nguồn cung trong nước về thực phẩm vào các tháng cuối năm. Một số sản phẩm giống không được lưu thông, như tinh gia súc ở 14 tỉnh khu vực ĐNB và ĐBSCL không cho vận chuyển, sẽ rất khó khăn cho việc phối giống để tái đàn trong giai đoạn sắp tới.

(11) Việc nhập gia cầm và sản phẩm chăn nuôi tiểu ngạch vẫn diễn biến phức tạp.

IV. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI

Trong bối cảnh dịch bệnh trên đàn vật nuôi như dịch tả lợn châu Phi, viêm da nổi cục, lở mồm long móng vẫn còn xảy ra và dịch bệnh covid-19 đang diễn biến phức tạp, việc áp dụng các giải pháp tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi là hết sức cấp bách. Thực hiện tốt an toàn sinh học trong chăn nuôi là nhiệm vụ then chốt để đảm bảo sản xuất chăn nuôi đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Các giải pháp tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi chính như sau:

(1) Yêu cầu về chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi

- Kiểm soát chặt chẽ người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi; chuồng nuôi phải dễ thực hiện các biện pháp vệ sinh, sát trùng, tiêu độc, phòng bệnh. Có lưới bao xung quanh chuồng nuôi và biện pháp khác ngăn chặn côn trùng và vật chủ trung gian khác truyền bệnh (chuột, chim, ruồi, muỗi...).



**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng.
- Chuồng nuôi phải bố trí phù hợp với từng lứa tuổi của vật nuôi và mục đích sản xuất.
- Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh dịch tả lợn châu Phi, nếu có điều kiện thì nuôi theo phương pháp cách ô (mỗi ô chuồng có khoảng trống 0,8-1m) để giảm thiểu vật nuôi giữa các ô chuồng tiếp xúc với nhau.
- Có khu vực thu gom và xử lý chất thải.
- Có máng ăn riêng từng ô chuồng; không sử dụng chung dụng cụ chăn nuôi giữa các dãy chuồng và tốt nhất là riêng biệt giữa các ô chuồng.
- Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải đảm bảo kín. Nước thải ô chuồng nào thoát riêng ô chuồng đó ra đường thoát nước chung.

(2) Yêu cầu về con giống

Vật nuôi được nhập về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, phải có bản công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo. Đối với vật nuôi nhập từ ngoài tỉnh phải có giấy kiểm dịch. Trước khi nhập đàn, vật nuôi phải được nuôi ở khu nuôi cách ly ít nhất 2 tuần.

(3) Thức ăn và nước uống

- Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, không bị hỏng, mốc, còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn.
- Không sử dụng thức ăn thừa trong máng ăn của đàn vật nuôi đã xuất chuồng và thức ăn của đàn vật nuôi đã bị dịch bệnh cho đàn vật nuôi mới.
- Nên bổ sung chế phẩm sinh học trong thức ăn để tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi.
- Có ghi chép đầy đủ và lưu giữ các thông tin về xuất, nhập và sử dụng thức ăn, các thông tin khi sử dụng kháng sinh trộn vào thức ăn.
- Nguồn nước cho chăn nuôi phải đảm bảo an toàn.

(4) Chăm sóc, nuôi dưỡng

- Áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên: cả khu, dãy chuồng, ô chuồng. Có quy trình chăn nuôi cho từng loại vật nuôi theo mục đích sử dụng.
- Nên sử dụng các chế phẩm sinh học trong nước uống, độn chuồng và định kỳ phun sương trong chuồng nuôi theo hướng dẫn của nhà sản xuất để tăng cường phòng, chống dịch.

(5) Vệ sinh chăn nuôi và kiểm soát người ngoài ra, vào trại.

- Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại chất sát trùng để tăng hiệu quả sát trùng.



***Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”***

- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc sát trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh và ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên lợn ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

- Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi nuôi lứa mới.

- Thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được tiêu độc khử trùng thường xuyên. Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.

- Người trước khi vào khu chăn nuôi phải được cách ly ít nhất 72 giờ. Người trước khi vào khu chăn nuôi phải tắm gội, thay quần áo, giày dép và mặc quần áo, dụng cụ bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng, khi di chuyển trong trại theo thứ tự: ví dụ như chăn nuôi lợn áp dụng thứ tự từ khu lợn nái nuôi con, lợn cai sữa, nái chữa, lợn thịt.

- Trước và sau khi vào, ra chuồng nuôi phải thay ủng, sát trùng tay.

- Ngay sau khi khách rời khỏi chuồng nuôi, cần phun thuốc sát trùng khu vực chuồng nuôi với nồng độ cao gấp 2-3 lần so với quy trình thông thường.

- Công nhân chăn nuôi phải ăn, ở tại trại tối thiểu 4 tuần sau đó mới thay đổi; không đưa thực phẩm tươi sống từ ngoài vào trại (trong trường hợp có dịch xảy ra).

- Bố trí người chăn nuôi và cán bộ kỹ thuật, phương tiện vận chuyển thức ăn cho từng khu sản xuất.

(6) Kiểm soát phương tiện vận chuyển, trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi

- Không để các phương tiện vận chuyển từ nơi khác đi thẳng vào trại chăn nuôi. Đặc biệt, không để phương tiện vận chuyển của thương lái, phương tiện vận chuyển thức ăn đến khu vực chăn nuôi. Phương tiện vận chuyển phải dừng ở bên ngoài trại để vệ sinh, sát trùng, tiêu độc 02 lần (cách nhau 30 phút) trước khi vào.

- Không vận chuyển vật nuôi, thức ăn, chất thải hay vật dụng khác chung một phương tiện.

(7) Quản lý dịch bệnh

- Có hồ sơ theo dõi đàn vật nuôi về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị. Lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn vật nuôi. Có quy trình phòng bệnh phù hợp cho các đối tượng lợn và thực hiện đúng quy trình.



***Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”***

- Khi có con vật ốm phải nhốt ra khu nuôi cách ly; khi phát hiện có dịch bệnh phải báo cho chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý; ngừng xuất con giống và kiểm soát chặt việc xuất sản phẩm, vật tư trong khu chăn nuôi ra ngoài theo quy định.

- Khi xảy ra dịch tại ô chuồng hay cả chuồng cần tiêu độc, khử trùng tại chỗ: ví dụ bệnh dịch tả lợn châu Phi xảy ra, cần che bạt, bao vây kín ô chuồng hoặc cả chuồng, với lợn nuôi con loại ngay nái và toàn bộ lợn con, đối với các loại lợn khác loại toàn bộ ô chuồng hoặc cả chuồng nếu dịch xảy ra cả chuồng hoặc cả ô chuồng. Lợn bệnh phải tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan thú y. Không rửa ngay ô chuồng hoặc chuồng lợn bị bệnh, tiến hành che bạt, bao vây kín, phun chất sát trùng đậm gấp 2 lần bình thường liên tục 3-4 ngày, sau đó rửa lại bằng nước sạch, tránh làm bắn nước sang ô chuồng hoặc chuồng kế bên, tiếp tục phun sát trùng 2-3 ngày.

- Bao bì, dụng cụ đựng thức ăn của đàn vật nuôi bị dịch bệnh phải được tiêu độc, khử trùng.

(8) Ghi chép và kiểm tra nội bộ.

- Trang trại chăn nuôi phải lập sổ, ghi chép theo dõi và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi.

- Chủ trang trại phải tổ chức tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác ATSH định kỳ./.

CỤC CHĂN NUÔI



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG CHĂN NUÔI GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN SINH HỌC, AN TOÀN DỊCH BỆNH

**Phòng Khuyến nông Chăn nuôi và Thú y
- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia**

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI VIỆT NAM THỜI GIAN QUA

Đánh giá kết quả sau 10 năm triển khai Chiến lược phát triển chăn nuôi từ 2008-2018, ngành chăn nuôi đã đạt được sự tăng trưởng khá cao và ổn định với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 5-6%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 4,5-5%, giai đoạn 2016-2018 đạt trung bình 6%/năm. Kết quả này đã góp phần duy trì mức tăng trưởng chung của Ngành Nông nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, thay thế nhập khẩu và bước đầu cho xuất khẩu một số sản phẩm.

Giai đoạn từ năm 2018-2020 do nhiều yếu tố tác động như giá cả thị trường, điều kiện chăn nuôi và tình hình dịch bệnh trên động vật nên số lượng đầu gia súc có sự sụt giảm đáng kể trên đàn trâu và đàn lợn, cụ thể năm 2018 tổng số trâu cả nước là 2,425,105 con đến năm 2020 giảm xuống còn 2,332,754 con; đàn lợn từ khoảng 28,15 triệu con (giảm 6 triệu con) xuống còn 22,03 triệu con. Tuy nhiên, các loại vật nuôi khác như bò, gia cầm đều có sự gia tăng về số lượng đầu nên hàng năm đều có sự tăng trưởng về tổng sản lượng thịt hơi, góp phần phát triển Ngành Chăn nuôi, đồng thời ổn định nền kinh tế,

Đề đạt được những thành tựu trên là do sự chỉ đạo xuyên suốt từ Chính phủ, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông qua các văn bản chỉ đạo điều hành thường xuyên liên tục, sự vào cuộc của các địa phương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển chăn nuôi. Bên cạnh đó, có sự đóng góp không nhỏ của Hệ thống Khuyến nông Việt Nam. Từ năm 2011 đến nay, chỉ tính riêng các chương trình dự án Khuyến nông Trung ương đã thực hiện có hiệu quả hàng trăm mô hình chăn nuôi trên các đối tượng vật nuôi, đã góp phần đáng kể tạo nên thành tích nổi bật của Ngành Chăn nuôi giai đoạn vừa qua, đồng thời các mô hình khuyến nông cũng là cơ sở góp phần cho việc phát triển bền vững Ngành Chăn nuôi trong giai đoạn hiện nay.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC MÔ HÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Những thành tựu đạt được của ngành chăn nuôi trong giai đoạn vừa qua có sự đóng góp của nhiều cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương, trong đó không thể không kể đến vai trò của Hệ thống Khuyến nông cả nước và tác động từ hiệu quả của

những mô hình khuyến nông chăn nuôi đã triển khai trong giai đoạn vừa qua. Trong giai đoạn từ năm 2011-2021, đã và đang triển khai thực hiện 80 dự án khuyến nông chăn nuôi từ nguồn kinh phí Khuyến nông Trung ương, các mô hình dự án triển khai đã được đánh giá cao về hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó nhiều mô hình đã góp phần tăng cường áp dụng các biện pháp an toàn sinh học và tạo ra các sản phẩm chăn nuôi an toàn có chứng nhận, nổi bật là các mô hình dưới đây.

2.1. Mô hình, dự án chăn nuôi an toàn sinh học

Trong giai đoạn từ 2011 đến nay đã triển khai 13 dự án mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, trong đó trên lợn 05 dự án, gia cầm và thủy cầm 08 dự án.

Các tiến bộ kỹ thuật áp dụng trong các mô hình dự án bao gồm tiến bộ về giống, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học. Hướng dẫn Chăn nuôi ATSH theo Công văn số 5329/BN-CN ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Các mô hình, dự án chăn nuôi an toàn sinh học đều không xảy ra dịch bệnh, tỷ lệ nuôi sống đến khi xuất bán đạt tỷ lệ từ 94% đến 96%, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt và vượt chỉ tiêu của giống, tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng thấp, tỷ lệ đồng đều cao. Các mô hình chăn nuôi áp dụng các biện pháp an toàn sinh học đã góp phần giảm thiểu tỷ lệ hao hụt, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Hiệu quả kinh tế tăng trên 10% so với trước khi triển khai mô hình. Về hiệu quả xã hội và môi trường, các mô hình dự án góp phần giảm phát sinh dịch bệnh và hạn chế lây lan dịch bệnh tại địa phương triển khai dự án.

Để áp dụng có hiệu quả cần thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc an toàn sinh học bao gồm cách ly, kiểm soát; vệ sinh làm sạch và sát trùng.

Hạn chế, khó khăn khi triển khai nhân rộng mô hình: Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học hiện nay chưa được đánh giá và chứng nhận. Giá sản phẩm chăn nuôi an toàn sinh học ít có sự chênh lệch so với sản phẩm chăn nuôi thông thường, nên cần tuyên truyền cho người tham gia mô hình về năng suất đạt được và hiệu quả phòng bệnh, giảm chi phí chăn nuôi và điều trị bệnh.

2.2. Mô hình dự án an toàn dịch bệnh

Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật là vùng, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống động vật được xác định không xảy ra bệnh truyền nhiễm thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch trong một khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật và hoạt động thú y trong vùng, cơ sở đó bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh.

Phương pháp thực hiện và tiến bộ kỹ thuật áp dụng: Việc lựa chọn cơ sở tham gia mô hình căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học (QCVN 01-14 và QCVN 01-15: 2010/BNNTPTNT kèm theo

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/1/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Việc công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Từ năm 2011-2021 đã thực hiện 04 dự án về mạng lưới thú y, trong đó 01 dự án Xây dựng mô hình phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm quy mô xã; 01 dự án Phòng trừ dịch bệnh tổng hợp cho vật nuôi và 02 dự án An toàn dịch bệnh trên đối tượng vật nuôi là lợn và gia cầm.

100% cơ sở tham gia mô hình không xảy ra dịch bệnh, đến nay đã thực hiện công nhận được 162 cơ sở an toàn dịch bệnh trên lợn và gà tại 08 tỉnh (Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Thanh Hóa, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, và Bà Rịa Vũng Tàu). Dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ tiếp tục công nhận 20 cơ sở an toàn dịch bệnh nâng tổng số cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh lên 182 cơ sở/2030 cơ sở chăn nuôi được công nhận an toàn dịch bệnh chiếm 9% tổng số cơ sở an toàn dịch bệnh trên cả nước.

- Việc triển khai mô hình tại các địa phương đã góp phần phát triển vùng nguyên liệu phục vụ xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi, cụ thể đã công nhận được các cơ sở chăn nuôi an toàn, góp phần xây dựng thành vùng chăn nuôi an toàn cấp huyện tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước và đã góp phần thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm thịt gà sang thị trường Nhật Bản.

- Hiệu quả kinh tế đạt được của các hộ trong mô hình tăng trên 15% so với trước khi thực hiện mô hình dự án

- Hiệu quả xã hội đạt được của mô hình góp phần phát triển chăn nuôi bền vững tại các địa phương triển khai mô hình. Các cơ sở chăn nuôi được công nhận các an toàn dịch bệnh góp phần giảm phát sinh dịch bệnh tại địa phương, là điểm tham quan học tập về chăn nuôi an toàn tại các địa phương. Trên cơ sở kết quả đạt được của các dự án nhiều địa phương đã áp dụng vào việc xây dựng chính sách trong công tác phòng chống dịch bệnh tại địa phương.

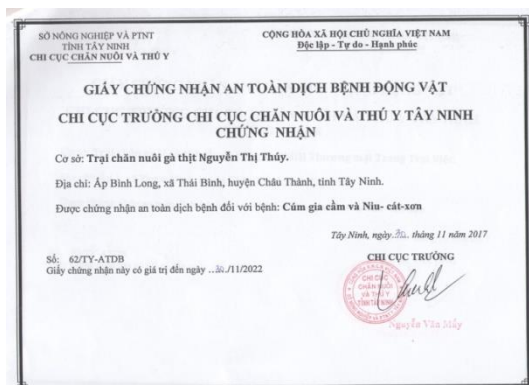


Lấy mẫu xét nghiệm

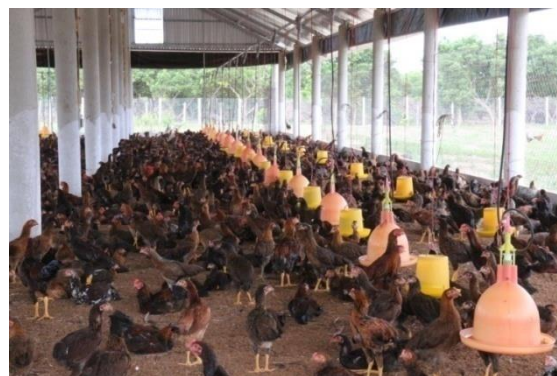


Gửi mẫu xét nghiệm

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”



Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh



Mô hình chăn nuôi gà an toàn dịch bệnh

2.3. Mô hình dự án chăn nuôi theo VietGAHP

Để kiểm soát, truy nguyên nguồn gốc các sản phẩm chăn nuôi, đã chuyển giao các Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan, bò thịt, bò sữa, dê thịt, dê sữa và ong mật tại Việt Nam ban hành theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giai đoạn từ 2011-2020 đã thực hiện 11 dự án chăn nuôi theo hướng VietGAHP, trong đó 07 mô hình chăn nuôi gia cầm, 02 mô hình chăn nuôi lợn, 01 mô hình nuôi ong và 01 mô hình chăn nuôi bò sữa.

Các mô hình được công nhận đạt được năng suất cao đồng thời được đánh giá cao về chất lượng. Trong đó nổi bật là các mô hình chăn nuôi gà thương phẩm theo VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra sản phẩm thịt gia cầm chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và chuỗi liên kết để giúp chăn nuôi gà tại các địa phương phát triển bền vững và hiệu quả. Mô hình được triển khai tại các tỉnh Hải Phòng, Thái Bình, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Thái Nguyên, Quảng Ninh và Quảng Nam. Năm 2018-2020 đã xây dựng 12 mô hình chăn nuôi theo hướng VietGAHP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, với 159 hộ tham gia. Kết quả 100% số hộ sau khi tham gia dự án đã đạt trên 70% theo tiêu chí VietGAHP. Mô hình dự án đã ký 26 hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm trong triển khai dự án với một số đơn vị: Công ty cổ phần Giống gia cầm Lượng Huệ và một số công ty, cơ sở thu mua và giết mổ khác. Việc thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm giúp cho nông dân có đầu ra ổn định, giá bán cao hơn so với ngoài mô hình. Các hộ thực hiện dự án bán hết số gà cùng đợt, chủ động kế hoạch cho đợt sản xuất tiếp theo, vốn quay vòng thuận lợi, giải phóng chuồng nhanh, chủ động vệ sinh chuồng trại, có điều kiện mở rộng sản xuất. Việc ký được hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm giúp giảm chi phí thức ăn do thời gian thu mua được rút ngắn so với trước khi tham gia mô hình thương lái thu mua thành nhiều đợt so với việc không ký được hợp đồng, người

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

chăn nuôi ký được hợp đồng ngoài các lợi ích trên còn tiết kiệm được thức ăn nuôi gà khi chờ bán, mặt khác về lâu dài còn tạo được thương hiệu sản phẩm, thuận lợi cho các đợt nuôi tiếp theo. Qua đó, hiệu quả kinh tế tăng 15-17%.



Tham quan kiểm tra mô hình



Sản phẩm gà liên kết trong mô hình nhãn hiệu OGARI thuộc Công ty CP Giống gia cầm Lượng Huệ có mặt tại siêu thị

Thông qua các mô hình, đã chuyển giao một số giống gà là các tiến bộ kỹ thuật mới được bổ sung vào bộ giống gà chủ lực của địa phương triển khai mô hình, cùng với việc áp dụng quy trình chăn nuôi theo hướng VietGAHP đã nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, nâng cao thu nhập và tạo việc làm ổn định cho người chăn nuôi, góp phần thực hiện tiêu chí số 10 về nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

Hành vi, kỹ năng sản xuất của người chăn nuôi, nhất là chăn nuôi nông hộ thay đổi từ chăn nuôi truyền thống, theo nếp cũ, phân tán, manh ai lấy làm sang phát triển chăn nuôi hàng hóa áp dụng quy trình VietGAHP nông hộ, có giá trị gia tăng cao, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, an toàn sinh học và bền vững.

Trên cơ sở đó năm 2020, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tiếp tục xây dựng mô hình chăn nuôi gà theo VietGAHP với quy mô 13.000 con và 100% số hộ tham gia mô hình được cấp giấy chứng nhận VietGAHP.

**** Dự án: Mô hình nuôi ong ngoại khai thác mật trên thùng kế theo hướng VietGAHP:***

Dự án về phát triển ong mật và các sản phẩm liên quan đã góp phần thúc đẩy cộng đồng hộ nuôi có ý thức hơn trong nâng cao chất lượng sản phẩm sau khai thác, kiểm soát tốt các chất tồn dư như kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, định hướng hộ nuôi về

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

thực hành tốt theo hướng VietGAHP, sản phẩm mật ong bảo đảm chất lượng và vệ sinh ATTP đóng góp cho các vùng nguyên liệu xuất khẩu mật ong, sữa chua. Bên cạnh đó, việc khai thác mật ong trên thùng kế hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển các sản phẩm theo hướng hữu cơ hiện nay, đáp ứng những yêu cầu mới của quốc tế, giá trị mật ong tăng từ 30 đến 35% khi đưa ra thị trường. Đồng thời thông qua vai trò thụ phấn cây trồng của ong mật sẽ thúc đẩy sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ nói chung.



Mô hình nuôi ong ngoại khai thác mật trên thùng kế theo hướng VietGAHP



Chứng nhận VietGAHP

2.4. Mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ

**** Mô hình chăn nuôi lợn hữu cơ:***

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Tập đoàn Quế Lâm triển khai dự án tại các tỉnh Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế, Thái Nguyên, Nam Định và Quảng Bình với quy mô 1.040 con.

Các tiến bộ áp dụng vào mô hình:

- Về giống: Sử dụng con lai từ các giống Móng Cái, Landrace, Yorkshire, Landrace x Yorkshire Duroc, Pietrain hoặc PiDu. Thích hợp với nhiều phương thức nuôi và có thể



**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi, chất lượng thịt ngon phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

- Về quy trình áp dụng:

+ Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học theo Quy chuẩn 01-14: 2010 Bộ Nông nghiệp và PTNT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học được ban hành theo Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Áp dụng một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi theo Công văn số 5329/BN-CN ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Áp dụng quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ công nhận theo Quyết định số 5700/QĐ-SHTT ngày 21 tháng 1 năm 2019.

- *Chế phẩm sinh học*: Đã được Cục Chăn nuôi xác nhận thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam theo Công văn số 1422/CN-TACN ngày 05/9/2019 của Cục trưởng Cục Chăn nuôi, cụ thể như sau: Chế phẩm vi sinh trộn trong thức ăn hỗn hợp, hòa nước uống, phun xử lý môi trường chuồng nuôi.

Kết quả, hiệu quả của mô hình: Dự án được triển khai có hiệu quả cao, đặc biệt trong thời điểm dịch tả lợn châu Phi bùng phát. Tất cả các hộ tham gia dự án đều an toàn, không xảy ra dịch bệnh trong khi các hộ xung quanh đã xảy ra dịch tả lợn châu Phi. Chỉ tiêu kinh tế đạt: Tỷ lệ nuôi sống 100%, khả năng tăng khối lượng > 650 g/con/ngày, tiết kiệm được 1.387 lít nước/con, chất lượng thịt được nâng lên, nên giá bán cao hơn so với thịt lợn chăn nuôi truyền thống 20-30% tùy từng thời điểm. Chính vì vậy, dự án đã nhân rộng ra 8 tỉnh với quy mô 2.145 con/lúa.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG THƯỜNG XUYÊN GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI

3.1. Hoạt động đào tạo huấn luyện

Hàng năm thực hiện cập nhật bổ sung, xây dựng các tài liệu về chăn nuôi an toàn sinh học, các quy trình thực hành chăn nuôi tốt trên từng đối tượng vật nuôi; tổ chức trung bình mỗi năm từ 10-12 lớp tập huấn ToT cho cán bộ khuyến nông các cấp và người chăn nuôi về các quy trình chăn nuôi an toàn, quy trình chứng nhận an toàn dịch bệnh, chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt,...



3.2. Hoạt động TTTT

- Hàng năm tổ chức trung bình từ 3 đến 5 diễn đàn khuyến nông chăn nuôi nhằm tuyên truyền về các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, các mô hình chứng nhận.
- Xây dựng tờ gấp kỹ thuật hướng dẫn về an toàn sinh học, quy trình chứng nhận an toàn dịch bệnh, chứng nhận VietGAHP,....
- Viết và đăng tin bài hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi an toàn trên các đối tượng vật nuôi.

IV. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI

Từ năm 2015-2020, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Tổ chức FAO tại Việt Nam triển khai dự án FPT2 với nội dung là các hoạt động hướng dẫn về an toàn sinh học trong chăn nuôi, kết quả như sau:

(1) Tổ chức tập huấn cho cán bộ khuyến nông, cán bộ thú y người chăn nuôi 48 lớp tập huấn cho 1100 cán bộ khuyến nông, thú y viên và người chăn nuôi về các kiến thức chăn nuôi an toàn sinh học, cụ thể:

- 26 lớp ToT cho 500 học viên là cán bộ khuyến nông, cán bộ chuyên môn của các trường đại học, cao đẳng trong đó có trên 50 học viên đã được lựa chọn là các giảng viên nguồn về thực hành tốt và an toàn sinh học để tập huấn lại cho nông dân tại các địa phương.
- Tổ chức 12 lớp tập huấn cho trên 250 nông dân tập trung vào các biện pháp thực hành tốt và ATSH trong cơ sở chăn nuôi, ấp nở, nhiều hộ chăn nuôi đã áp dụng thành công, thay đổi hành vi và nắm rõ các nguyên tắc về an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi.
- Tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao nhận thức về kháng kháng sinh, sử dụng kháng sinh và ATSH trong chăn nuôi cho 350 cán bộ khuyến, cán bộ thú y, hộ chăn nuôi tại các địa phương.

(2) Xây dựng và tuyên truyền các bộ tài liệu về an toàn sinh học bao gồm:

- Thực hành tốt và an toàn sinh học trong các cơ sở ấp nở trứng gia cầm.
- Thực hành tốt và an toàn sinh học trong chăn nuôi đàn gà bố mẹ.
- Thực hành tốt và an toàn sinh học trong chăn nuôi đàn vịt, ngan bố mẹ.
- Thực hành tốt và an toàn sinh học trong chăn nuôi đàn gà thương phẩm.
- Thực hành tốt và an toàn sinh học trong chăn nuôi đàn vịt, ngan thương phẩm.

(3) Xây dựng các định mức kỹ thuật và hướng dẫn mô hình khuyến nông về ATSH: Xây dựng 05 định mức kinh tế kỹ thuật cho các mô hình cải thiện điều kiện an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm.

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

(4) Xây dựng công cụ hỗ trợ tập huấn và truyền thông: Xây dựng 1 phim kỹ thuật về thực hành tốt và ATSH để giảm thiểu kháng sinh trong chăn nuôi.

(5) Tổ chức truyền thông: Tổ chức 06 diễn đàn/hội thảo với 487 đại biểu tham dự.

- Tổ chức hội thảo với 50 đại biểu trong nước về quản lý vệt chạy đồng vùng biên giới.
- Tổ chức 1 diễn đàn biên giới với 90 đại biểu trong đó 8 đại biểu từ Campuchia.
- Tổ chức 1 diễn đàn sản xuất giống và ATSH với 140 đại biểu tham dự.
- Tổ chức 2 hội thảo truyền thông về tài liệu phát hành về ATSH với 167 đại biểu tham dự.
- Tổ chức 1 hội thảo hỗ trợ nhân rộng mô hình cải thiện điều kiện ATSH với 40 đại biểu tham dự./.

PHÒNG KHUYẾN NÔNG
CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y - TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA



ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG NÔNG HỘ CHĂN NUÔI LỢN Ở VIỆT NAM

**Hà Minh Tuân¹, Ngô Thị Kim Cúc¹,
Nguyễn Công Định¹, Trần Trung Thông¹, Nguyễn Văn Trung¹,
Phạm Văn Sơn¹, Phạm Hải Ninh¹, Nguyễn Trọng Tuyển¹,
Thái Khắc Thanh² và Nguyễn Ngọc Sơn³**

¹*Viện Chăn nuôi*

²*Trung tâm Giống Chăn nuôi Nghệ An*

³*Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội*

TÓM TẮT

Sử dụng phương pháp điều tra thu thập số liệu trực tiếp và phương pháp “Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân” (PRA - Participatory Rural Appraisal) với bộ câu hỏi có sẵn nhằm đánh giá thực trạng ATSH trong nông hộ chăn nuôi lợn ở Việt Nam. Điều tra 112 nông hộ chăn nuôi lợn, chuồng hờ (dưới 10 đơn vị vật nuôi) ở 08 tỉnh, thành phố gồm Hà Nội, Thái Bình, Bắc Giang, Nghệ An, Bình Định, Đắk Lắk, Đồng Nai và Bến Tre. Kết quả cho thấy, việc thực hiện các biện pháp ATSH trong các nông hộ chăn nuôi lợn có nhiều hạn chế: vị trí, địa điểm khu chăn nuôi lợn thường gần nơi tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt; chuồng trại chăn nuôi không có khu cách ly lợn ốm, thiếu các khu vực phụ trợ và chưa đảm bảo về ATSH; con giống và tinh dịch chưa được quan tâm đến nguồn gốc và hồ sơ kiểm dịch theo quy định, có tình trạng nuôi các động vật khác để bán trong khu chăn nuôi lợn; chăm sóc và nuôi dưỡng đàn lợn không thực hiện biện pháp quản lý “cùng vào - cùng ra”, thiếu các dụng cụ, đồ bảo hộ, trang thiết bị và phương tiện vận chuyển phù hợp; còn nhiều nông hộ sử dụng thức ăn tận dụng không đảm bảo khẩu phần ăn phù hợp với từng loại lợn và chưa quan tâm đến chất lượng nước sử dụng trong chăn nuôi lợn; việc kiểm soát con người, động vật và sản phẩm động vật chưa chặt chẽ; công tác vệ sinh, tiêu độc và khử trùng chưa đảm bảo ATSH; các biện pháp xử lý chất thải và bảo vệ môi trường còn chưa tốt, nhiều hộ có tình trạng chất thải bị tràn ra ngoài, chưa xử lý chất thải rắn bằng nhiệt/hóa chất/chế phẩm sinh học phù hợp và không sử dụng găng tay khi xử lý xác động vật; công tác quản lý phòng, chống dịch bệnh chưa tốt, không nuôi nhốt lợn ốm ở khu cách ly riêng, không có đánh thường xuyên tình hình dịch bệnh và kiểm tra công tác ATSH định kỳ.

Từ khóa: An toàn sinh học, nông hộ chăn nuôi lợn.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để ngăn chặn và phòng ngừa các dịch bệnh xảy ra, thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học (ATSH) là biện pháp quan trọng hàng đầu đối với ngành chăn nuôi (Amass và Clark, 1999; Robertson, 2020). Tại châu Âu, tầm quan trọng của ATSH đối với các trang trại chăn nuôi đã được nhấn mạnh tại Chiến lược bảo vệ sức khỏe động vật của Liên minh Châu Âu 2007-2013 “Phòng bệnh tốt hơn chữa bệnh” (European Commission, 2007).



Ở Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia "Điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học" từ năm 2010. Quy chuẩn này yêu cầu các trang trại chăn nuôi lợn ATSH cần thực hiện “các biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân sinh học xuất hiện tự nhiên hoặc do con người tạo ra gây hại đến con người, gia súc và hệ sinh thái” (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2010). Một số mô hình chăn nuôi lợn áp dụng các biện pháp ATSH đã giúp giảm tỷ lệ nhiễm bệnh, giảm lượng thuốc thú y sử dụng, tăng khả năng sinh trưởng và góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi (Dương Quỳnh, 2011; FAO, 2020).

Tuy nhiên, ngành chăn nuôi lợn nước ta chiếm phần lớn là các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ, trong tổng số 2,96 triệu cơ sở chăn nuôi lợn có tới 99,83% là các cơ sở hộ gia đình và các cơ sở chăn nuôi nhỏ (dưới 300 con/cơ sở), chỉ có 0,17% số cơ sở chăn nuôi lớn (từ 300 con trở lên), điều kiện chuồng trại, cơ sở vật chất của khu vực chăn nuôi nông hộ phần lớn không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật về ATSH (Cục Chăn nuôi, 2019). Chính vì vậy, trong bối cảnh hiện nay có nhiều dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên đàn lợn (như bệnh dịch tả lợn châu Phi - DTLCP, bệnh tai xanh, bệnh lở mồm long móng...), việc đánh giá thực trạng ATSH trong nông hộ chăn nuôi lợn ở Việt Nam là rất cần thiết để làm cơ sở khoa học và thực tiễn trong xây dựng những biện pháp ATSH phù hợp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn lợn ở nước ta.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Thực hiện điều tra, phỏng vấn các nông hộ chăn nuôi lợn có phương thức nuôi chuồng hở (dưới 10 đơn vị vật nuôi) (Theo Luật Chăn nuôi năm 2018).

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2019 đến tháng 11/2020.
- Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện ở các tỉnh, thành phố gồm có Hà Nội, Thái Bình, Bắc Giang, Nghệ An, Bình Định, Đắk Lắk, Đồng Nai và Bến Tre.

2.3. Nội dung nghiên cứu

Đánh giá thực trạng ATSH trong nông hộ chăn nuôi lợn: i) Vị trí, địa điểm khu chuồng nuôi; ii) Chuồng trại; iii) Con giống và tình dịch; iv) Chăm sóc và nuôi dưỡng đàn lợn; v) Thức ăn, nước, chế phẩm, vắc-xin và thuốc/hóa chất thú y; vi) Kiểm soát con người, động vật và sản phẩm động vật; vii) Công tác vệ sinh thú y chuồng trại, trang thiết

bị-dụng cụ và phương tiện vận chuyển; viii) Xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; ix) Phòng trừ dịch bệnh.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

- *Chọn mẫu điều tra:* Mỗi tỉnh, thành phố tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên 14 nông hộ chăn nuôi lợn có phương thức nuôi chuồng hở tại 2 huyện/tỉnh, thành phố để thực hiện điều tra, phỏng vấn thu thập thông tin. Tổng số có 112 nông hộ chăn nuôi lợn ở 8 tỉnh, thành phố trong cả nước được điều tra, phỏng vấn.

- *Thu thập số liệu:*

+ Xây dựng bộ câu hỏi điều tra dựa trên các nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-14:2010/BNNT về điều kiện trại chăn nuôi lợn ATSH, Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn trong nông hộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2010; 2016) và tham khảo các tài liệu nghiên cứu về ATSH trong chăn nuôi lợn ở trong nước và ở nước ngoài. Bộ câu hỏi được hoàn thiện sau khi tổ chức hội nghị lấy ý kiến chuyên gia và tiến hành điều tra thử ở các nông hộ chăn nuôi lợn.

+ Sử dụng phương pháp điều tra thu thập số liệu trực tiếp và phương pháp “Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân” (PRA - Participatory Rural Appraisal) để thu thập thông tin theo bộ câu hỏi có sẵn trong phiếu điều tra.

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu thập được xử lý thống kê mô tả trên phần mềm bảng tính Microsoft Excel 2007, kết quả được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm (%) và Mean $\pm$ SE.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng ATSH về vị trí, địa điểm khu chuồng nuôi

Bảng 1. ATSH về vị trí, địa điểm của khu chuồng nuôi (n = 112)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Khoảng cách đến nơi tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt		
+	Khoảng cách trung bình (Mean $\pm$ SE)	m	98,10 $\pm$ 11,72
+	Khoảng cách < 100m	%	66,96
2	Khoảng cách đến nhà máy chế biến, giết mổ, chợ buôn bán lợn		
+	Khoảng cách trung bình (Mean $\pm$ SE)	km	4,8 $\pm$ 0,36
+	Khoảng cách < 1km	%	9,82

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

Vị trí của trang trại là một điểm quan trọng trong chăn nuôi ATSH, nếu các trang trại lợn ở vị trí gần nhau hoặc gần đường giao thông chính sẽ làm tăng nguy cơ lây nhiễm mầm bệnh (Pritchard và cs., 2005; Vangroenweghe và cs., 2009). Qua Bảng 1 cho thấy, các nông hộ chăn nuôi lợn có khoảng cách trung bình đến nơi tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt là 98,10m, trong đó có 66,96% nông hộ có khoảng cách dưới 100m. Khoảng cách trung bình đến nhà máy chế biến, giết mổ, chợ buôn bán lợn là 4,8km, trong đó có 9,82% nông hộ có khoảng cách dưới 1km. Như vậy, phần lớn các nông hộ có khoảng cách khá gần một số khu vực có nguy cơ lây nhiễm mầm bệnh cho đàn lợn. Kết quả này phù hợp với thực tiễn chăn nuôi nhỏ lẻ ở Việt Nam, phần lớn các hộ gia đình chăn nuôi lợn có chuồng trại chăn nuôi nằm trong khu dân cư đông đúc, cách nhà ở vài chục mét (Ngô Thị Thùy và Nguyễn Thị Phương Giang, 2009; Nguyễn Văn Phơ và cs., 2018).

3.2. Thực trạng ATSH về chuồng trại

Bảng 2. ATSH về chuồng trại chăn nuôi lợn

TT	Chỉ tiêu	n	Kết quả (%)
1	Có khu cách ly lợn mới/lợn ốm	112	0
2	Có khu tập kết, xử lý chất thải (nơi ủ phân, biogas...)	112	40,18
3	Có các khu phụ trợ khác (khu để thức ăn, thuốc thú y...)	112	50,00
4	Các kho thức ăn, thuốc thú y, hóa chất... đảm bảo thông thoáng và dễ vệ sinh, tiêu độc khử trùng	56	34,00
5	Chuồng nuôi lợn có lưới bao xung quanh/có biện pháp phòng chống vật chủ trung gian	112	34,82
6	Có hồ khử trùng hoặc rắc vôi bột ở lối ra vào	112	51,79
7	Chuồng nuôi lợn có bố trí phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất	112	12,50
8	Chuồng nuôi có máng ăn riêng biệt giữa các ô chuồng	112	71,43
9	Chuồng nuôi có nền chuồng đảm bảo an toàn, thoát nước tốt, vách chuồng an toàn và mái chuồng kín đáo	112	54,46
10	Có đường thoát nước thải kín và riêng biệt	112	36,61
11	Chuồng nuôi có khu vực nhập và xuất lợn riêng biệt với lối đi chung	112	0

Trong các nông hộ, chuồng trại chăn nuôi được xây dựng tùy thuộc vào điều kiện đất đai, tài chính và kinh nghiệm của chủ hộ, do đó chuồng trại thường không có khu cách ly lợn mới/lợn ốm, không đảm bảo các điều kiện về ATSH. Chỉ có 40,18% nông hộ có khu tập kết và xử lý chất thải (nơi ủ phân, biogas...), 50,00% nông hộ có các kho thức ăn, thuốc thú y, hóa chất... và 34,00% các kho đảm bảo thông thoáng, dễ vệ sinh, tiêu độc

khử trùng. Có 34,82% nông hộ có chuồng nuôi lợn có lưới bao xung quanh/có biện pháp phòng chống vật chủ trung gian, 51,79% nông hộ có hố khử trùng hoặc rắc vôi bột ở lối ra vào, 12,50% nông hộ có chuồng nuôi lợn phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất, 71,43% nông hộ có chuồng nuôi có máng ăn riêng biệt giữa các ô chuồng, 54,46% nông hộ có nền chuồng đảm bảo an toàn cho lợn, chuồng nuôi thoát nước tốt, vách chuồng an toàn và mái chuồng kín đáo, 36,61% nông hộ có đường thoát nước thải kín và riêng biệt, không có nông hộ nào có có khu vực nhập và xuất lợn riêng biệt với lối đi chung.

Một số nghiên cứu cũng thấy rằng chuồng trại trong chăn nuôi nông hộ thường được thiết kế theo tập quán và kinh nghiệm chăn nuôi (Nguyễn Minh Thông và cs., 2013) và thường không có các khu phụ trợ như khu dự trữ thức ăn, khu chứa thuốc/hóa chất thú y ... (Nguyễn Thị Dương Nga, 2017; Nguyễn Văn Phơ và cs., 2018). Nhiều hộ chăn nuôi sử dụng lá cây làm mái chuồng nuôi lợn (31,02%) (Nguyễn Minh Thông và cs., 2013), 40,96% các hộ chăn nuôi lợn không có kho chứa thức ăn và nguyên liệu thức ăn, 92,77% các hộ chăn nuôi lợn không có kho/nơi chứa thuốc thú y, sát trùng (Nguyễn Văn Phơ và cs., 2018). Các nông hộ khó đạt yêu cầu về tiêu chí có khu dự trữ thức ăn, bảo quản thuốc thú y và dụng cụ chăn nuôi riêng khi đăng ký thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt (Nguyễn Thị Dương Nga, 2017).

3.3. Thực trạng ATSH về con giống và tinh dịch

Bảng 3. ATSH về con giống và tinh dịch (n = 112)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Tự sản xuất con giống	%	38,39
2	Mua con giống từ cơ sở sản xuất giống khác	%	61,61
3	Thời gian nuôi cách ly lợn mới nhập chuồng	ngày	0
4	Biết rõ nguồn gốc con giống, đảm bảo có đầy đủ hồ sơ kiểm dịch	%	35,71
5	Có động vật khác nuôi để bán	%	52,68
6	Các loại động vật khác nuôi để bán	-	Gà, vịt, ngan, trâu, bò, dê, cá

Để nâng cao ATSH cho trang trại, các động vật mới hoặc vật liệu di truyền như tinh dịch phải có nguồn gốc từ một trang trại khác phải có tình trạng vệ sinh, an toàn dịch bệnh tương đương hoặc cao hơn (Pritchard và cs., 2005; Dewulf, 2014). Ngoài ra, nhằm đảm bảo kiểm soát tốt nguy cơ lây truyền bệnh, động vật mới mua phải được nuôi trong chuồng cách ly trong một khoảng thời gian nhất định. Thời gian cách ly thường kéo dài ít nhất 4 tuần, tuy nhiên với một số mầm bệnh cần thời gian cách ly dài hơn, có thể từ 6-10 tuần (Pritchard và cs., 2005). Đồng thời, việc hạn chế nhập các động vật vào trang trại

đang nuôi lợn sẽ giúp nâng cao mức độ ATSH của trang trại (Dewulf, 2014; Filippitzi và cs., 2017).

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn các nông hộ chăn nuôi chưa đảm bảo ATSH về con giống và tinh dịch. Có 38,39% nông hộ tự sản xuất con giống, 61,61% nông hộ mua con giống thương phẩm từ cơ sở sản xuất giống khác. Không có nông hộ nào thực hiện nuôi cách ly lợn mới nhập chuồng và chỉ có 35,71% nông hộ biết rõ nguồn gốc con giống, đảm bảo đầy đủ hồ sơ kiểm dịch. Ngoài chăn nuôi lợn, có 52,68% nông hộ có nuôi động vật khác nuôi để bán (như gà, vịt, ngan, trâu, bò, dê, cá).

Nhiều nghiên cứu về công tác quản lý con giống trong các cơ sở chăn nuôi lợn ở Việt Nam cũng cho biết, có 51,34% hộ chăn nuôi lợn tự sản xuất lợn giống (Nguyễn Văn Phơ và cs., 2018) hoặc có thể có tới 78,33% các hộ chăn nuôi lợn tự sản xuất giống (Đoàn Thị Ngọc Thúy và cs., 2020) tùy theo từng địa phương nghiên cứu. Có trên 30% các trang trại và hộ chăn nuôi hỗn nhiều loài vật nuôi như vịt, bò, dê, cá sấu (Trần Quốc Vĩ và cs., 2016; Nguyễn Văn Phơ và cs., 2018; Trần Thanh Dũng, 2020). Đối với chăn nuôi nông hộ, việc nuôi cách ly riêng đàn lợn mới mua về ít nhất 2 tuần khó thực hiện do các hộ chăn nuôi thường không có khu vực nuôi nhốt riêng và điều kiện đất đai chật hẹp (Nguyễn Thị Phương Nga, 2017).

3.4. Thực trạng ATSH về chăm sóc và nuôi dưỡng đàn lợn

Bảng 4. ATSH về chăm sóc và nuôi dưỡng đàn lợn (n = 112)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả (%)
1	Thực hiện quản lý “cùng vào-cùng ra”	7,14
2	Hiểu biết rõ về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của lợn/từng loại lợn	50,89
3	Bố trí dụng cụ, đồ bảo hộ chăn nuôi riêng biệt cho từng ô chuồng hoặc dãy chuồng	15,18
4	Có các dụng cụ (xẻng, xô,...) để vệ sinh, tẩy rửa	75,00
5	Vận chuyển lợn, thức ăn, chất thải hay vật dụng khác chung một phương tiện	100

Việc áp dụng nguyên tắc cùng vào/cùng ra là một trong những biện pháp ATSH quan trọng nhất để phá vỡ chu kỳ lây nhiễm của mầm bệnh (Clark và cs., 1991). Động vật ở các độ tuổi khác nhau có thể có mức độ nhạy cảm khác nhau đối với một số mầm bệnh nhất định, do đó phải nuôi tách biệt các nhóm tuổi để tránh lây truyền mầm bệnh (Dewulf, 2014; Filippitzi và cs., 2017). Tuy nhiên, kết quả điều tra ở Bảng 4 cho thấy có rất ít nông hộ thực hiện biện pháp quản lý “cùng vào-cùng ra” (7,14%). Thực trạng này cũng được Trần Quốc Vĩ và cs. (2016) nghiên cứu và cho biết, chỉ có 12,7% số cơ sở chăn nuôi lợn chuồng hở áp dụng biện pháp “cùng vào-cùng ra”.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

Các nông hộ chăm sóc nuôi dưỡng đàn lợn theo kinh nghiệm cá nhân hoặc theo hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi có được từ sách báo, từ các lớp tập huấn của các công ty/đơn vị chuyên môn (công ty chăn nuôi lợn, công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi/thuốc thú y, các hiệp hội), do vậy chỉ có 50,89% nông hộ có hiểu biết về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với từng loại lợn. Đồng thời, do bị hạn chế về năng lực tài chính hoặc do tập quán chăn nuôi tận dụng nên chỉ một số ít nông hộ bố trí được các dụng cụ, đồ bảo hộ chăn nuôi riêng biệt cho từng ô chuồng hoặc dãy chuồng (15,18%). Phần lớn các nông hộ có dụng cụ chăn nuôi dễ vệ sinh, tẩy rửa (75,00%), nhưng ở một số nông hộ vẫn sử dụng các dụng cụ cũ rách, không đảm bảo vệ sinh và an toàn cho vật nuôi do thói quen tiết kiệm và tận dụng đồ dùng để chăn nuôi. Ngoài ra, việc sử dụng phương tiện cá nhân (xe đạp, xe máy) để chở các loại nguyên vật liệu trong sinh hoạt và trong sản xuất nông nghiệp là tình trạng phổ biến trong đời sống hàng ngày ở các nông hộ, đây là nguy cơ gây lây truyền dịch bệnh cho đàn vật nuôi vì việc làm sạch và khử trùng các phương tiện vận chuyển lợn không được thực hiện triệt để sẽ làm tăng nguy cơ truyền bệnh (Dewulf, 2014).

3.5. Thực trạng ATSH về thức ăn, nước, chế phẩm, vắc xin và thuốc/hóa chất thú y

**Bảng 5. ATSH về thức ăn, nước, chế phẩm, vắc xin và thuốc/hóa chất thú y sử dụng
trong chăn nuôi lợn (n = 112)**

TT	Chỉ tiêu	Kết quả (%)
1	Sử dụng thức ăn công nghiệp	51,79
2	Sử dụng thức ăn khác (tự phối trộn, thức ăn tận dụng, ...)	48,21
3	Sử dụng thức ăn chất lượng kém, hỏng, mốc, hết hạn	4,09
4	Nguồn nước sử dụng trong chăn nuôi lợn	
+	Nước ngầm (giếng khoan, giếng khơi)	71,31
+	Nước máy	12,30
+	Nước bề mặt	1,64
+	Kết hợp các nguồn nước (nước máy và/hoặc nước ngầm và/hoặc nước bề mặt)	5,35
5	Sử dụng biện pháp lọc/khử trùng nước	12,30
6	Có thực hiện kiểm tra chất lượng nước sử dụng trong chăn nuôi lợn	0
7	Sử dụng, bảo quản các sản phẩm thức ăn, nước, chế phẩm, vắc xin và thuốc/hóa chất thú y theo đúng hướng dẫn và quy định	100

Thức ăn có thể là một nguồn lây nhiễm mầm bệnh cho đàn lợn, vi-rút DTLCP có thể tồn tại 30 ngày vận chuyển trong nguyên liệu thức ăn sấy khô như bã đậu tương hoặc trong một số chất phụ gia thức ăn (Dee và cs., 2018). Việc tận dụng thức ăn thừa của con người và động vật làm thức ăn cho lợn là một nguyên nhân chính gây lây nhiễm bệnh



DTLCP (FAO, 2019-dẫn nguồn từ Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc; Trần Thanh Dũng, 2020). Ngoài ra các mầm bệnh cũng có thể dễ dàng lây lan qua nguồn nước uống đến các nhóm động vật khác nhau trong trang trại nếu hệ thống cấp nước bị ô nhiễm và không được kiểm tra thường xuyên (Dewulf, 2014).

Qua Bảng 5 cho thấy, có 51,79% nông hộ chăn nuôi lợn sử dụng thức ăn công nghiệp, 48,21% nông hộ sử dụng thức ăn khác (tự phối trộn, thức ăn tận dụng,...) và có tình trạng một số nông hộ sử dụng thức ăn chất lượng kém, hỏng, mốc, hết hạn ... cho lợn ăn (4,09%). Các kết quả nghiên cứu tương tự cũng được Nguyễn Ngọc Xuân (2015) và Đoàn Thị Ngọc Thúy và cs. (2020) cho biết, có từ 40,00-48,96% cơ sở chăn nuôi lợn sử dụng thức ăn công nghiệp tùy theo quy mô chăn nuôi và địa phương nghiên cứu. Nguyễn Văn Phơ và cs. (2018) thấy rằng, các hộ chăn nuôi lợn vẫn sử dụng thức ăn có mùi mốc (1,2%) và thức ăn quá hạn (22,05%) để cho lợn ăn. Nguyên nhân có thể do người chăn nuôi chưa quan tâm đến chất lượng thức ăn và thói quen tận dụng phụ phẩm dư thừa làm thức ăn cho lợn nhằm giảm chi phí sản xuất trong chăn nuôi.

Kết quả điều tra về nước sử dụng trong chăn nuôi lợn ở nông hộ cho thấy, nguồn nước sử dụng gồm có nước ngầm (71,31%), nước máy (12,30%), nước bề mặt (1,64%) hoặc sử dụng kết hợp các nguồn nước (5,35%). Nhiều nông hộ chưa quan tâm đến việc sử dụng các biện pháp lọc/khử trùng nước và kiểm tra chất lượng nước sử dụng cho lợn do thiếu kiến thức về sử dụng nước sạch cho lợn và sự hạn chế về tài chính đầu tư cho chăn nuôi. Nghiên cứu của Nguyễn Văn Phơ và cs. (2018) cũng cho thấy người chăn nuôi lợn sử dụng các nguồn nước khác nhau, bao gồm nước giếng khoan, nước máy, nước ao hồ/sông suối để cho lợn uống hoặc để vệ sinh chuồng trại. Trần Quốc Vĩ và cs. (2016) cho biết, nhiều cơ sở không chủ động việc kiểm tra chất lượng nguồn nước thường xuyên, chỉ có 43,60% cơ sở chăn nuôi lợn kiểm tra định kỳ chất lượng nước.

Khi được hỏi về việc sử dụng, bảo quản các sản phẩm thức ăn, nước, chế phẩm, vắc-xin và thuốc/hóa chất thú y, tất cả các nông hộ đều có câu trả lời sử dụng theo đúng hướng dẫn và đúng quy định. Nhưng một nghiên cứu khác của Nguyễn Ngọc Xuân (2015) thấy rằng, chỉ có 41,54% cơ sở chăn nuôi sử dụng thuốc thú y theo hướng dẫn của cán bộ thú y, cán bộ kỹ thuật, số cơ sở còn lại sử dụng theo kinh nghiệm hoặc học hỏi người xung quanh. Như vậy, có thể ý thức của người chăn nuôi hiện nay đã được nâng cao nhờ các cơ quan quản lý, các đơn vị sản xuất... đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến tác động gây hại của việc sử dụng, bảo quản các sản phẩm không phù hợp và các chất cấm trong chăn nuôi lợn, cùng với đó là các quy định xử phạt nghiêm khắc của pháp luật với các trường hợp vi phạm. Mặc dù vậy, kết quả điều tra cho thấy phần lớn các nông hộ chưa đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp ATSH về thức ăn và nước sử dụng trong chăn nuôi lợn.

3.6. Thực trạng ATSH về kiểm soát con người, động vật và sản phẩm động vật

Bảng 6. ATSH về kiểm soát con người, động vật và sản phẩm động vật

TT	Chỉ tiêu	n	Kết quả (%)
1	Yêu cầu đối với người trước khi vào khu chăn nuôi/chuồng nuôi		
+	Phun khử trùng	112	0
+	Sử dụng quần áo/bảo hộ riêng	112	0
+	Sử dụng giày/dép/ ủng riêng	112	14,29
+	Nhúng ủng/giày dép vào hố khử trùng	112	30,36
+	Rửa tay (xà phòng/khử trùng)	112	0
2	Cho phương tiện vận chuyển từ nơi khác có chứa động vật (lợn và vật nuôi khác) đi vào khu vực chăn nuôi	112	58,04
3	Đưa thực phẩm tươi sống (thịt lợn) từ bên ngoài vào gần khu vực chăn nuôi	112	81,25
4	Thực hiện các biện pháp kiểm soát động vật gây hại (nuôi mèo, đặt bẫy, bả...)	112	79,46
5	Nuôi mèo để diệt chuột	89	25,84

Con người có thể truyền bệnh cho động vật trong trang trại do đó khi khách thăm quan và người chăn nuôi vào chuồng lợn, cần phải luôn luôn mặc quần áo, giày dép sạch sẽ, riêng biệt để tránh để lây truyền mầm bệnh vào trang trại (Pritchard và cs., 2005; Dewulf, 2014). Ngoài ra, một biện pháp ATSH đơn giản nhưng rất hữu ích đó là vệ sinh tay của những người chăm sóc động vật, cần thiết phải rửa tay cả khi vào hoặc khi ra khỏi chuồng lợn (Vangroenweghe và cs., 2009). Tuy nhiên qua điều tra cho thấy, không có nông hộ nào yêu cầu phun khử trùng, sử dụng quần áo/bảo hộ riêng và rửa tay cho người trước khi vào khu chăn nuôi hoặc chuồng nuôi. Chỉ có 14,29% nông hộ sử dụng giày/dép/ ủng riêng đối với người trước khi vào khu chăn nuôi, 30,36% nông hộ yêu cầu nhúng ủng/giày dép vào hố khử trùng. Một phần nguyên nhân không yêu cầu nhúng ủng/giày dép vào hố khử trùng do các nông hộ đã rắc/rải vôi trên lối đi vào chuồng nuôi. Thực trạng chưa kiểm soát tốt con người ra-vào cơ sở chăn nuôi lợn cũng đã được Trần Quốc Vĩ và cs. (2016) cho biết, có tới 48,2% trại không thực hiện vệ sinh khử trùng, thay quần áo, giày dép bảo hộ phù hợp cho tất cả những người vào khu vực chăn nuôi, 30,9% trại chỉ thực hiện việc thay ủng hoặc giày dép.

Kết quả ở Bảng 6 cho thấy, có 58,04% nông hộ cho phương tiện vận chuyển từ nơi khác có chứa động vật đi vào khu chăn nuôi, nguyên nhân do có tình trạng thương lái mua-bán gom vật nuôi ở nhiều hộ chăn nuôi và do nông hộ chưa quan tâm đến việc kiểm soát động vật ra-vào khu chăn nuôi. Ngoài ra, do điều kiện chăn nuôi nông hộ thường gắn liền với các sinh hoạt trong gia đình chủ hộ nên phần lớn nông hộ có tình trạng đưa thực phẩm tươi sống (thịt lợn) mang từ bên ngoài vào gần khu vực chăn nuôi (81,25%). Đây là chính là một trong các yếu tố có nguy cơ cao làm lây truyền dịch bệnh cho đàn lợn của các nông hộ. Một nghiên cứu dịch tễ của 68 ổ dịch tại Trung Quốc đã chỉ ra rằng, nguyên nhân chính làm bệnh DTLCP lây lan là do phương tiện vận chuyển và con người không

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

thực hiện khử trùng (46%) và do vận chuyển lợn sống và các sản phẩm của lợn giữa các vùng (19%) (FAO, 2019 - dẫn nguồn từ Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc).

Việc ngăn chặn động vật gây hại (chim, chuột, sâu bọ, ruồi, muỗi, ve, mòng...) xâm nhập và trú ngụ trong trang trại chăn nuôi là biện pháp ATSH cần thiết nhằm hạn chế các mầm bệnh truyền nhiễm (Vangroenweghe và cs., 2009). Kết quả điều tra cũng cho thấy, có 79,46% nông hộ thực hiện các biện pháp kiểm soát động vật trung gian gây hại, tuy nhiên trong đó có 25,84% nông hộ nuôi mèo để diệt chuột. Nhiều nghiên cứu khác cũng thấy rằng, chuột là đối tượng được người chăn nuôi ưu tiên kiểm soát hơn các động vật gây hại khác như ruồi, muỗi, chim hoang dã... (Ngô Thị Thùy và Nguyễn Phương Giang, 2009; Trần Quốc Vĩ và cs., 2016), họ thường nuôi mèo diệt chuột nhưng hiệu quả không cao (Ngô Thị Thùy và Nguyễn Phương Giang, 2009). Tuy nhiên, theo Vangroenweghe và cs. (2009), thú cưng như chó, mèo có thể là một véc tơ gián tiếp lây lan mầm bệnh truyền nhiễm cho đàn lợn khi những con vật này đi vào chuồng trại, vì vậy việc kiểm soát chuột bằng chó, mèo không phải là một phương pháp phù hợp và được khuyến khích trong chăn ATSH.

3.7. Thực trạng ATSH về công tác vệ sinh thú y chuồng trại, trang thiết bị-dụng cụ và phương tiện vận chuyển

Bảng 7a. Tình hình sử dụng thuốc khử trùng trong chăn nuôi lợn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	n	Kết quả
1	Sử dụng thuốc khử trùng để vệ sinh, tiêu độc khu chăn nuôi, chuồng trại	%	112	100
2	Sử dụng thuốc khử trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, cán bộ thú y/tư vấn kỹ thuật	%	112	85,71
3	Sử dụng thuốc khử trùng theo kinh nghiệm khác	%	112	14,29
4	Bổ sung thuốc khử trùng hàng ngày ở khu vực ra/vào	%	112	40,18
5	Phun thuốc khử trùng xung quanh chuồng nuôi khi không có dịch	%	112	80,36
+	Tần suất phun (Mean±SE)	lần/tháng	90	4,49±0,34
+	Phun < 2 lần/tháng	%	90	16,67
6	Phun thuốc khử trùng trong các lối đi của khu chăn nuôi/chuồng nuôi khi không có dịch	%	112	80,36
+	Tần suất phun (Mean±SE)	lần/tháng	90	4,93±0,30
+	Phun < 4 lần/tháng	%	90	25,56
7	Phun thuốc khử trùng trong các lối đi của khu chăn nuôi/chuồng nuôi khi có dịch	%	112	83,93
+	Tần suất phun (Mean±SE)	lần/tháng	94	21,95±3,67
+	Phun < 30 lần/tháng	%	94	68,09
8	Phun thuốc khử trùng trên lợn khi có dịch	%	112	69,64
+	Tần suất phun (Mean±SE)	lần/tháng	78	14,40±1,12
+	Phun < 4 lần/tháng	%	78	15,38

Theo Trần Quốc Vĩ và cs. (2016), định kỳ phun thuốc khử trùng toàn trại là biện pháp hữu hiệu để tiêu diệt các mầm bệnh có trong chuồng trại, giúp kiểm soát nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Kết quả điều tra cho thấy, tất cả các nông hộ chăn nuôi lợn đều sử dụng các loại thuốc khử trùng để vệ sinh phòng bệnh cho đàn lợn, có 85,71% nông hộ sử dụng thuốc khử trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ thú y/tư vấn kỹ thuật, 14,29% nông hộ sử dụng thuốc khử trùng theo kinh nghiệm cá nhân. Năm 2009, các tác giả Ngô Thị Thùy và Nguyễn Phương Giang (2009) thấy rằng, chỉ có 11,11% cơ sở chăn nuôi lợn thực hiện biện pháp khử trùng tiêu độc định kỳ theo hướng dẫn của cán bộ thú y. Năm 2018, một nghiên cứu khác cho biết, có 53,33% các cơ sở chăn nuôi lợn quy mô nhỏ sử dụng thuốc khử trùng để vệ sinh, tiêu độc chuồng trại (Nguyễn Văn Phơ và cs., 2018). Đến năm 2020, theo Đoàn Thị Ngọc Thúy và cs. (2020), tỷ lệ các cơ sở chăn nuôi lợn có phun thuốc khử trùng ở các quy mô nhỏ, quy mô vừa và quy mô lớn lần lượt là 81,25%, 85,86% và 100%. Điều này có thể do tình hình dịch bệnh hiện nay trên đàn lợn diễn biến phức tạp và gây thiệt hại nghiêm trọng nên các nông hộ phải tăng cường thực hiện biện pháp vệ sinh, tiêu độc, khử trùng trong chăn nuôi.

Qua Bảng 7a cho thấy, có 40,18% nông hộ bổ sung thuốc khử trùng hàng ngày ở khu vực ra/vào. Khi không có dịch, chỉ có 80,36% nông hộ phun thuốc khử trùng xung quanh chuồng nuôi với tần suất trung bình là 4,49 lần/tháng, trong đó có 16,67% nông hộ phun với tần suất dưới 2 lần/tháng. Việc phun thuốc khử trùng trong các lối đi của khu chăn nuôi, các dãy chuồng nuôi có 80,36% nông hộ thực hiện với tần suất trung bình là 4,93 lần/tháng, trong đó có 25,56% nông hộ phun với tần suất dưới 4 lần/tháng. Trong trường hợp có bệnh dịch xảy ra, cũng chỉ có 83,93% nông hộ phun thuốc khử trùng trong các lối đi của khu chăn nuôi, các dãy chuồng nuôi với tần suất phun thuốc khử trùng trung bình tăng lên 21,95 lần/tháng, trong đó có 68,09% nông hộ phun với tần suất dưới 30 lần/tháng. Có 69,64% nông hộ phun thuốc khử trùng trên lợn với tần suất trung bình là 14,40 lần/tháng, trong đó có 15,38% nông hộ phun với tần suất dưới 4 lần/tháng. Nghiên cứu của Ngô Thị Thùy và Nguyễn Thị Phương Giang (2009) cho biết, có 62,22% hộ chăn nuôi lợn thực hiện khử trùng, tiêu độc định kỳ không theo hướng dẫn của cán bộ thú y và 26,67% hộ chăn nuôi lợn không định kỳ thực hiện khử trùng, tiêu độc. Trần Quốc Vĩ và cs. (2016) thấy rằng, có 40% cơ sở chăn nuôi lợn nái phun khử trùng chuồng trại dưới 4 lần/tháng. Như vậy, kết quả điều tra hiện nay cho thấy công tác khử trùng, tiêu độc định kỳ trong chăn nuôi lợn ở nông hộ đã được cải thiện, nguyên nhân có thể do trình độ kỹ thuật chăn nuôi và ý thức phòng, chống dịch bệnh của người chăn nuôi ngày càng được nâng cao hơn.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

Bảng 7b. Tình hình thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng trong chăn nuôi lợn (n=112)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Vệ sinh và khử trùng sau mỗi chu kỳ sản xuất/chuyển đàn hoặc khi đàn lợn bị dịch bệnh	%	69,64
2	Để trống chuồng sau mỗi chu kỳ sản xuất/chuyển đàn	%	100
+	Thời gian để trống chuồng (Mean±SE)	ngày	12,72±0,99
+	Thời gian để trống chuồng < 7 ngày	%	25,89
3	Để trống chuồng khi trại bị dịch bệnh		100
+	Thời gian để trống chuồng (Mean±SE)	ngày	46,82±7,44
+	Thời gian để trống chuồng < 21 ngày	%	50,89
4	Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh	%	40,18
5	Thực hiện vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày	%	56,25
6	Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc thường xuyên các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện chăn nuôi	%	37,50
7	Sử dụng xi lanh, kim tiêm riêng cho lợn ở từng nhóm tuổi	%	18,75
8	Thực hiện khử trùng phương tiện vận chuyển khi đi vào khu chăn nuôi	%	48,21

Thực hiện vệ sinh làm sạch, khử trùng triệt để và có thời gian để trống chuồng, khô ráo là những biện pháp có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát các bệnh truyền nhiễm tại trang trại lợn, tránh được chu kỳ lây nhiễm của mầm bệnh (Amass và Clark, 1999). Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy vẫn có nhiều nông hộ không thực hiện biện pháp vệ sinh, khử trùng sau mỗi chu kỳ sản xuất/chuyển đàn hoặc trong trường hợp đàn lợn bị dịch bệnh. Các nông hộ có thời gian để trống chuồng trung bình sau mỗi chu kỳ sản xuất/chuyển đàn là 12,72 ngày và tăng lên 46,82 ngày khi trại bị dịch bệnh. Có 25,89% nông hộ để trống chuồng sau mỗi chu kỳ sản xuất/chuyển đàn dưới 7 ngày và 50,89% nông hộ để trống chuồng khi trại bị dịch bệnh dưới 21 ngày. Chỉ có 40,18% nông hộ thực hiện định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh, 56,25% nông hộ thực hiện vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày, 37,50% nông hộ thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc thường xuyên các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện chăn nuôi, 18,75% nông hộ sử dụng xi lanh, kim tiêm riêng cho lợn ở từng nhóm tuổi, 48,21% nông hộ thực hiện khử trùng phương tiện vận chuyển khi đi vào nông hộ, khu chăn nuôi. Như vậy, công tác vệ sinh thú y chuồng trại, trang thiết bị - dụng cụ và phương tiện vận chuyển trong chăn nuôi lợn ở nhiều nông hộ chưa được thực hiện đầy đủ và đảm bảo ATSH.

Kết quả nghiên cứu của Trần Quốc Vĩ và cs. (2016) cũng thấy rằng, hầu hết các cơ sở chăn nuôi lợn đều có thời gian trống chuồng sau mỗi đợt nuôi (91,8%) nhưng có đến



32,7% số cơ sở có thời gian trống chuồng dưới 7 ngày. Chỉ có 53,6% cơ sở thực hiện việc phun khử trùng các phương tiện vận chuyển vào trại và hầu hết các trại chỉ thực hiện sát trùng đối với xe chở động vật mà không thực hiện với xe chở thức ăn chăn nuôi. Theo các tác giả Vangroenweghe và cs. (2009) và Filippitzi và cs. (2017), những thiếu sót trong công tác vệ sinh, khử trùng trong chăn nuôi là yếu tố nguy cơ cao có thể gây ra dịch bệnh với đàn vật nuôi.

3.8. Thực trạng ATSH về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Bảng 8. ATSH về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường (n = 112)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả (%)
1	Có đường thoát riêng chất thải lỏng	44,64
2	Có xảy ra tình trạng chất thải bị tràn ra ngoài	42,86
3	Thu gom chất thải rắn hàng ngày	51,79
4	Xử lý chất thải rắn bằng nhiệt/hóa chất/chế phẩm sinh học phù hợp	13,39
5	Sử dụng găng tay khi xử lý xác động vật	18,75

Hệ thống xử lý chất thải xuống cấp, không đảm bảo an toàn sẽ làm tăng tỷ lệ nhiễm bệnh của các cơ sở chăn nuôi lợn (Trần Thanh Dũng, 2020). Ngoài ra, để đảm bảo an toàn cho con người và tránh lây lan mầm bệnh khi có động vật chết trong trang trại, người xử lý xác động vật phải luôn đeo găng tay dùng một lần (Pritchard và cs., 2015; Filippitzi và cs., 2017). Kết quả điều tra cho thấy, chỉ có 44,64% nông hộ có đường thoát riêng chất thải lỏng và có tới 42,86% nông hộ có tình trạng chất thải bị tràn ra ngoài. Có 51,79% nông hộ thực hiện thu gom chất thải rắn hàng ngày, chỉ có 13,39% nông hộ thực hiện xử lý chất thải rắn bằng nhiệt/hóa chất/chế phẩm sinh học phù hợp và 18,75% nông hộ sử dụng găng tay khi xử lý xác động vật.

Một số nghiên cứu khác cũng cho biết công tác xử lý chất thải, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi lợn ở nông hộ còn nhiều tồn tại và hạn chế. Có 47,62-60,00% hộ chăn nuôi lợn có công trình Biogas, 52,38% hộ xả chất thải chăn nuôi vào ao cho cá ăn, 38,10% hộ sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón cho cây trồng, 28,57-43,33% hộ xả chất thải chăn nuôi trực tiếp ra môi trường/kênh mương, 94% hộ xử lý rác thải vô cơ trong chăn nuôi cùng với rác thải sinh hoạt tùy theo địa phương nghiên cứu (Cao Trường Sơn và Hồ Thị Lam Trà, 2014; Nguyễn Văn Phơ và cs., 2018), có 8,33% hộ chăn nuôi bán lợn chết ra thị trường, 5,21% hộ chăn nuôi vứt lợn chết ra ngoài môi trường (Nguyễn Ngọc Xuân, 2015).

3.9. Thực trạng ATSH về phòng trừ dịch bệnh

**Bảng 9. Tình hình thực hiện các biện pháp quản lý phòng trừ dịch bệnh
trong chăn nuôi lợn (n = 112)**

TT	Chỉ tiêu	Kết quả (%)
1	Thực hiện tiêm phòng vắc-xin cho đàn lợn (%)	89,29
2	Nuôi nhốt lợn ốm ở khu cách ly riêng	0
3	Thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng tại chỗ khi xảy ra bệnh dịch	39,29
4	Báo cáo cán bộ thú y khi có dịch bệnh xảy ra	100
5	Ngừng sản xuất, vận chuyển vật tư/con giống/sản phẩm ra ngoài khi có dịch bệnh xảy ra trong trang trại	100
6	Đánh giá thường xuyên tình hình dịch bệnh và kiểm tra công tác ATSH định kỳ	0

Theo Opriessnig và cs. (2021), tiêm phòng có vai trò thiết yếu trong chăn nuôi lợn và là biện pháp cần thiết để đảm bảo sức khỏe cho đàn lợn. Đối với trường hợp động vật bị ốm, biện pháp tốt nhất là cách ly con ốm với đàn vật nuôi khỏe mạnh càng nhanh càng tốt và cần cách ly động vật ốm ở khu vực hoàn toàn riêng biệt (Dewulf, 2014).

Qua Bảng 9 cho thấy, vẫn còn một số nông hộ chưa quan tâm đến công tác tiêm phòng để bảo vệ sức khỏe cho đàn lợn, chỉ có 89,29% nông hộ có thực hiện việc tiêm phòng vắc-xin. Không có nông hộ nào thực hiện nuôi nhốt lợn ốm ở khu cách ly riêng và chỉ có 39,29% nông hộ thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng tại chỗ khi có dịch bệnh. Tất cả các nông hộ đều khẳng định có báo cáo cán bộ thú y khi có dịch bệnh xảy ra và ngừng sản xuất, vận chuyển vật tư/con giống/sản phẩm ra ngoài khi có dịch bệnh xảy ra trong nông hộ. Tuy nhiên không có nông hộ nào thực hiện đánh giá thường xuyên tình hình dịch bệnh và kiểm tra công tác ATSH định kỳ. Một số nghiên cứu của các tác giả khác cũng cho biết, tỷ lệ cơ sở chăn nuôi lợn tiêm phòng đầy đủ các bệnh theo quy định giao động từ 30,21-96,88% tùy thuộc quy mô và các điều kiện chăn nuôi khác nhau (Nguyễn Ngọc Xuân, 2015), cơ sở chăn nuôi lợn thường không thực hiện triệt để việc nhốt riêng lợn ốm, chỉ áp dụng cách ly khi lợn có dấu hiệu bệnh nặng (Trần Quốc Vĩ và cs., 2016). Ngoài ra, các nông hộ chăn nuôi thường không ghi chép chi tiết thông tin liên quan đến dịch bệnh, chữa bệnh, các loại thuốc, cám và việc bán lợn... (Nguyễn Thị Dương Nga, 2017), đây là nguyên nhân khiến cho việc đánh giá thường xuyên tình hình dịch bệnh và kiểm tra công tác ATSH định kỳ trong chăn nuôi lợn không được các nông hộ quan tâm thực hiện.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Việc thực hiện các biện pháp ATSH trong các nông hộ chăn nuôi lợn có nhiều hạn chế: vị trí, địa điểm khu chăn nuôi lợn thường gần nơi tập trung đông người, đường giao

thông chính, nguồn nước mặt; chuồng trại chăn nuôi không có khu cách ly lợn ốm, thiếu các khu vực phụ trợ và chưa đảm bảo về ATSH; con giống và tinh dịch chưa được quan tâm đến nguồn gốc và hồ sơ kiểm dịch theo quy định, có tình trạng nuôi các động vật khác để bán trong khu chăn nuôi lợn; chăm sóc và nuôi dưỡng đàn lợn không thực hiện biện pháp quản lý “cùng vào - cùng ra”, thiếu các dụng cụ, đồ bảo hộ, trang thiết bị và phương tiện vận chuyển phù hợp; còn nhiều nông hộ sử dụng thức ăn tận dụng không đảm bảo khẩu phần ăn phù hợp với từng loại lợn và chưa quan tâm đến chất lượng nước sử dụng trong chăn nuôi lợn; việc kiểm soát con người, động vật và sản phẩm động vật chưa chặt chẽ; công tác vệ sinh, tiêu độc và khử trùng chưa đảm bảo ATSH; các biện pháp xử lý chất thải và bảo vệ môi trường còn chưa tốt, nhiều hộ có tình trạng chất thải bị tràn ra ngoài, chưa xử lý chất thải rắn bằng nhiệt/hóa chất/chế phẩm sinh học phù hợp và không sử dụng găng tay khi xử lý xác động vật; công tác quản lý phòng, chống dịch bệnh chưa tốt, không nuôi nhốt lợn ốm ở khu cách ly riêng, không có đánh thường xuyên tình hình dịch bệnh và kiểm tra công tác ATSH định kỳ.

4.2. Đề nghị

Cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn về chăn nuôi ATSH để người chăn nuôi hiểu rõ và thực hiện đầy đủ các biện pháp ATSH nhằm phòng, chống dịch bệnh cho đàn lợn. Đồng thời cần xây dựng những chính sách khuyến khích, hỗ trợ các nông hộ thực hiện đầy đủ các biện pháp ATSH trong chăn nuôi lợn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2010. Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT v/v Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=93315
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2016. Quyết định số 2509/QĐ-BNN-CN ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chế chứng nhận và quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ, <https://www.mard.gov.vn/VanBan/VanBan/2509cn.pdf>
3. Cục Chăn nuôi. 2019. Báo cáo một số định hướng và giải pháp chính nhằm ổn định và phát triển ngành chăn nuôi lợn thời gian tới, Hội nghị “Một số giải pháp chính nhằm ổn định, phát triển chăn nuôi lợn và nghiên cứu các giải pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi” của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Hà Nội, ngày 13/6/2019.
4. Trần Thanh Dũng. 2020. Ảnh hưởng của Dịch tả heo Châu Phi đến hoạt động chăn nuôi của nông hộ tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2020, 18(10), tr. 828-838.
5. Luật Chăn nuôi. 2018. Luật số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

6. Nguyễn Thị Dương Nga. 2017. Phát triển chăn nuôi lợn VIETGAHP ở huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 15(6), tr. 844-851.
7. Nguyễn Văn Phơ, Phạm Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Huyền. 2018. Thực trạng chăn nuôi lợn theo hướng an toàn thực phẩm ở huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam, số 10, tr. 924-932.
8. Dương Quỳnh. 2011. Kết quả dự án xây dựng mô hình chăn nuôi heo đảm bảo an toàn sinh học. Tạp chí Khoa học và Công nghệ An Giang, số 6, tr.17-19.
9. Cao Trường Sơn, Hồ Thị Lam Trà. 2014. Đánh giá tình hình xử lý chất thải tại các trang trại chăn nuôi lợn: Trường hợp nghiên cứu tại huyện Văn Giang, Hưng Yên, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 1, tr. 73-81.
10. Nguyễn Minh Thông, Thái Bích Tuyền, Nguyễn Thanh Bình, Đỗ Võ Anh Khoa. 2013. Thực trạng chăn nuôi heo ở tỉnh Sóc Trăng, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 26, tr. 213-218.
11. Đoàn Thị Ngọc Thúy; Nguyễn Thị Thu Trang; Lê Thanh Hà. 2020. Quản trị rủi ro và đối phó rủi ro trước nguy cơ dịch bệnh tại các nông hộ chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh Thái Bình, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 9, tr. 83-86.
12. Ngô Thị Thùy và Nguyễn Thị Phương Giang. 2009. Tình hình áp dụng các biện pháp vệ sinh thú y đảm bảo an toàn sinh học tại một số cơ sở chăn nuôi lợn trên địa bàn huyện Gia Lâm, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 7(5), tr. 643-648.
13. Trần Quốc Vĩ, Lê Thanh Hiền, và Hồ Thị Kim Hoa. 2016. Đánh giá mức độ an toàn sinh học tại một số trang trại chăn nuôi heo ở vùng Đông Nam Bộ, Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi, số 210, tr. 82-90.
14. Nguyễn Ngọc Xuân (2015). Nghiên cứu phát triển chăn nuôi lợn tập trung theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP) tại thành phố Hà Nội, Luận án tiến sĩ Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 150 tr.
15. Tiếng nước ngoài
16. Amass, S.F., Clark, L.K. 1999. Biosecurity considerations for pork production units. Swine Health Prod. 7, pp. 217–228
17. Clark L., Freeman M., Scheidt A., Knox K. 1991. Investigating the transmission of Mycoplasma hyopneumoniae in a swine herd with enzootic pneumonia. Veterinary Medicine, 86, pp. 543-550.
18. Dee, S. A., Bauermann, F. V., Niederwerder, M. C., Singrey, A., Clement, T., de Lima, M., Long, C., Patterson, G., Sheahan, M. A., Stoian, A., Petrovan, V., Jones, C. K., De Jong, J., Ji, J., Spronk, G. D., Minion, L., Christopher-Hennings, J., Zimmerman, J. J., Rowland, R., Nelson, E., ... Diel, D. G. 2018. Survival of viral pathogens in animal feed ingredients under transboundary shipping models. PloS one, 13(3), e0194509. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0194509>
19. Dewulf J. 2014. An online risk-based biosecurity scoring system for pig farms. Veterinary Ireland Journal 4, pp. 426-429.
20. European Commission. 2007. A new Animal Health Strategy for the European Union (2007-2013), 26 pp., ISBN 978-92-79-06722-8, https://ec.europa.eu/food/system/files_en?file=2016-10/ah_policy_strategy_2007-13_en.pdf
21. FAO. 2019. ASF China situation update, http://www.fao.org/ag/againfo/programmes/en/empres/ASF/2019/Situation_update_2019_03_15.html (reference from website <http://www.moa.gov.cn/ztzl/>)



- fzzwfk/rdgz/ 201812/t20181212_6164823.htm, the press conference at 23/11/2018 in Ministry of Agriculture and Rural Affairs, by chinese language).
22. FAO. 2020. A biosecurity model in small-scale pig production successfully developed in the North of Viet Nam, <http://www.fao.org/vietnam/programmes-and-projects/success-stories/biosecurity-model/en/>
 23. Filippitzi M.E., Kruse A.B., Postma M., Sarrazin S., Maes D., Alban L., Nielsen L.R., Dewulf J. 2017. Review of transmission routes of 24 infectious diseases preventable by biosecurity measures and comparison of the implementation of these measures in pig herds in six European countries. *Transboundary and Emerging Diseases (Early View)*. DOI: <https://doi.org/10.1111/tbed.12758>.
 24. Opriessnig, T., Mattei, A.A., Karuppannan, A.K. et Halbur P.G. 2021. Future perspectives on swine viral vaccines: where are we headed?, *Porc Health Manag* 7:1. DOI: <https://doi.org/10.1186/s40813-020-00179-7>.
 25. Pritchard G., Dennis I., Waddilove J. 2005. Biosecurity: reducing disease risks to pig breeding herds. *In Practice* 27, pp. 230-237
 26. Robertson I.D. 2020. Disease Control, Prevention and On-Farm Biosecurity: The Role of Veterinary Epidemiology, *Engineering*, 6:1, pp. 20-25, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.eng.2019.10.004>.
 27. Vangroenweghe F., Ribbens S., Vandersmissen T., Beek J., Dewulf J., Maes D., Castryck F. 2009. *Keeping Pigs Healthy* (in Dutch). 1st editor F. Vangroenweghe, DCL Print & Signs, Zelzate, Belgium.

ABSTRACT

Assessment of the practice for biosecurity solutions on pig farming household in Vietnam

Using the survey direct data collection method and the participatory rural appraisal (PRA) with the questionnaires to assess the biosecurity situation of pig farming households in Vietnam. Survey 112 farms with open house (less than 10 livestock units) in 08 provinces such as Hanoi, Thai Binh, Bac Giang, Nghe An, Binh Dinh, Dak Lak, Dong Nai and Ben Tre during the period from November 2019 to November 2020. The results showed that: the pigsty location is close to crowded places, main roads, surface water sources; the pig house not have a quarantine area for sick pigs, lack ancillary areas and have not yet ensured condition of biosecurity; there are not clear origin and not quarantine records for purchase of breeding pigs, piglets and semen, and there are the domestic animals (chicken, duck, cattle, buffalo, goat, fish) for sales in the breeding area; nursery and breed of pigs which not implement "all in - all out" solution and lack farm-specific material, protective gear, equipment and vehicles; many farmers using the leftover food, the agricultural byproduct that not complete the nutrition diets for pigs, and they have not yet paid attention to the drinking water quality and washing water used in pig production; cleaning and disinfection has not yet be thorough; waste treatment and environmental protection are still not good, many households is spilled liquid waste out, and solid waste is rarely treated by heating method or chemical or bioproducts, the person manipulating the cadavers rarely use disposable gloves; disease prevention is not good, the sick pigs are not kept in quarantine areas.

Keywords: Biosecurity, pig farming household./.

HỎI ĐÁP VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI

Nguyễn Thị Tuyết Minh
Tổ chức FAO tại Việt Nam

Câu hỏi 1. An toàn sinh học trong chăn nuôi là gì?

Trả lời:

- An toàn sinh học (ATSH) là các biện pháp kỹ thuật và quản lý được áp dụng nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các yếu tố gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, gia súc, gia cầm và môi trường.
- ATSH trong các cơ sở chăn nuôi là một hệ thống các biện pháp thực tế được áp dụng nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự xâm nhập của mầm bệnh và lây lan các bệnh truyền nhiễm vào và ra từ một cơ sở chăn nuôi vật nuôi.
- Người chăn nuôi cần có sự thay đổi lớn về thái độ và hàng loạt hành vi, coi thực hiện ATSH là một phần công việc hàng ngày của mình.

Câu hỏi 2: Vì sao cần thực hiện tốt an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi?

Trả lời: Thực hiện tốt ATSH tại cơ sở chăn nuôi, nhằm:

- Giảm thiểu mầm bệnh tại cơ sở chăn nuôi.
- Giảm lây lan mầm bệnh giữa các khu vực chăn nuôi và lây sang người chăn nuôi.
- Ngăn chặn mầm bệnh xâm nhập từ ngoài vào cơ sở chăn nuôi và ngược lại.
- Ngăn chặn việc tàng trữ mầm bệnh trong môi trường của cơ sở chăn nuôi.

Câu hỏi 3. Lợi ích của việc thực hiện an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi là gì?

Trả lời: Việc thực hiện tốt an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi mang lại nhiều lợi ích cho người chăn nuôi và cộng đồng, như:

- Giảm số vật nuôi mắc bệnh, giảm số vật nuôi loại thải.
- Tăng tỷ lệ chọn giống tại các giai đoạn nuôi.
- Tăng năng suất sinh sản.
- Vật nuôi khỏe mạnh là cơ sở để sinh trưởng tốt, đạt tiêu chuẩn chất lượng con giống tốt.
- Môi trường chăn nuôi được cải thiện: khô ráo, sạch sẽ hơn, giảm mùi.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Môi trường làm việc của người chăn nuôi được cải thiện tốt hơn, người lao động tránh được các bệnh truyền nhiễm từ vật nuôi lây sang người.

- Tăng lợi nhuận cho người chăn nuôi.

Câu hỏi 4: An toàn sinh học gồm những nguyên tắc gì?

Trả lời:

An toàn sinh học gồm ba nguyên tắc, xếp theo thứ tự quan trọng từ trên xuống dưới là:

1	Cách ly và kiểm soát vào, ra	Bước quan trọng và hữu hiệu nhất để ngăn ngừa sự lây nhiễm bệnh
2	Vệ sinh, làm sạch	Bước rất hiệu quả tiếp theo, có thể loại bỏ trên 80% lây nhiễm nếu tất cả chất bẩn được làm sạch
3	Khử trùng	Bước cuối cùng nhằm tiêu diệt những mầm bệnh còn sót lại, hiệu quả tùy thuộc vào chất lượng vệ sinh làm sạch

Câu hỏi 5: Làm gì để thực hiện nguyên tắc cách ly?

Trả lời: Cách ly có nghĩa là giữ cho vật nuôi và cơ sở chăn nuôi không bị mầm bệnh xâm nhập vào và ngược lại.

Để thực hiện cách ly cần phải:

- Xây dựng chuồng trại xa khu dân cư, chợ, đường, trường học, tốt nhất là tại khu vực được phép chăn nuôi của địa phương, v.v.



- Có hàng rào bao quanh cơ sở chăn nuôi, có cổng và cửa có khóa.

- Có khoảng cách giữa các dãy chuồng nuôi.

- Có hố/khay khử trùng tại lối vào/ra của trại, của khu chuồng nuôi, của mỗi dãy chuồng nuôi. Hố/khay luôn có chất khử trùng được pha đúng nồng độ, được thay thường xuyên.

- Có nơi cho người chăn nuôi rửa tay, thay giày/dép, mặc áo quần bảo hộ,... trước khi vào, ra khu vực chăn nuôi.

- Có nơi vệ sinh, khử trùng thiết bị chăn nuôi.

- Có chuồng cách ly để nuôi vật nuôi mới mua về.



- Có nơi nuôi cách ly vật nuôi ốm (bệnh).
- Có nơi tập trung và xử lý chất thải chăn nuôi ở cuối trại, xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước.
- Có đường thu nước thải từ mỗi ô chuồng dẫn vào nơi xử lý nước thải.
- Kiểm soát tốt việc vào/ ra cơ sở chăn nuôi đối với con người, các phương tiện vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi, động vật theo các quy định do trại đặt ra.
- Để trống chuồng sau khi đã vệ sinh sạch sẽ và khử trùng cẩn thận (ít nhất một tuần đối với lợn và hai tuần đối với gia cầm) trước khi đưa vật nuôi mới vào nuôi.
- Có biện pháp tổng hợp phòng trừ chuột và côn trùng.

Câu hỏi 6: Vì sao phải tách riêng khu chăn nuôi với nơi ở của người?

Trả lời: Cần phải tách riêng khu chăn nuôi với nơi ở của người, để:

- Tránh người mang mầm bệnh đến cho đàn vật nuôi.
- Tránh lây nhiễm mầm bệnh từ vật nuôi sang người (ví dụ: bệnh do liên cầu khuẩn, bệnh uốn ván, v.v.).
- Tránh mùi hôi thối và nấm mốc bay sang nơi ở của người.
- Tránh các chất khử trùng độc hại bay sang nơi ở của người.

Câu hỏi 7: Khoảng cách tối thiểu giữa các chuồng nuôi bao nhiêu là phù hợp?

Giữa các dãy chuồng nuôi trong một trại hay trong một khu chăn nuôi đều cần có khoảng cách, mục đích là:

- Tạo sự thông thoáng, lưu thông không khí như nhau cho tất cả các chuồng.
- Tạo khoảng cách cần thiết giữa các chuồng để hạn chế mầm bệnh của chuồng này lây lan sang chuồng khác.
- Tạo điều kiện cho ánh nắng mặt trời tiêu diệt mầm bệnh khi chúng phát tán từ chuồng nuôi vật nuôi ra ngoài.
- Khoảng cách tối thiểu giữa hai chuồng nuôi là 1,5 lần chiều rộng của chuồng. Ví dụ: Chiều rộng của chuồng là 6m thì khoảng cách giữa hai chuồng tối thiểu là 9m, nếu chiều rộng chuồng là 8 m thì khoảng cách giữa hai chuồng tối thiểu là 12m.

Câu hỏi 8: Vì sao trại cần có chuồng nuôi cách ly vật nuôi mới mua về?

Vật nuôi mới mua về phải nuôi cách ly tối thiểu hai tuần để đề phòng nếu vật nuôi đang ủ bệnh thì trong thời gian nuôi cách ly vật nuôi sẽ phát bệnh, người chăn nuôi có thể xử lý ngay, ngăn ngừa bệnh lây lan sang đàn đang nuôi.

Sau hai tuần nuôi cách ly, nếu vật nuôi mới mua về khỏe mạnh sẽ đưa sang khu vực chăn nuôi chung.

Do đó, mỗi cơ sở chăn nuôi nên có một chuồng nuôi cách ly cách xa khu vực chăn nuôi chung để nuôi cách ly vật nuôi mới mua về.

Câu hỏi 9: Vì sao trại cần có nơi nuôi cách ly vật nuôi ốm (bệnh)

Khi có vật nuôi ốm (bệnh) trong khu vực chăn nuôi chung, cần cách ly ngay những vật nuôi này để điều trị và tránh lây bệnh sang các vật nuôi khác. Tối thiểu hai tuần sau khi điều trị khỏi bệnh mới đưa vật nuôi trở lại chuồng nuôi chung.

Do đó, mỗi cơ sở chăn nuôi nên có một nơi nuôi cách ly vật nuôi bị ốm (bệnh).

Câu hỏi 10: Mầm bệnh xâm nhập vào đàn vật nuôi từ những nguồn nào?

Trả lời: Mầm bệnh xâm nhập vào đàn vật nuôi chủ yếu từ:

1. Vật nuôi giống nhập về bị nhiễm bệnh:

- Vật nuôi giống nhiễm mầm bệnh từ trại/đàn vật nuôi bố mẹ bị bệnh.
- Vật nuôi giống bị nhiễm mầm bệnh do phương tiện và điều kiện vận chuyển không đảm bảo vệ sinh.

2. Phương tiện vận chuyển bị nhiễm mầm bệnh:

- Xe vận chuyển vật nuôi, thức ăn, vật tư, thiết bị khi vào trại không được vệ sinh, khử trùng triệt để.
- Xe vận chuyển vật nuôi đã qua các cơ sở giết mổ, trang trại khác.
- Xe vận chuyển vật tư, thiết bị vào trại nhưng trước đó đã đi qua các khu vực có nguy cơ lây nhiễm mầm bệnh như khu vực chăn nuôi có dịch, chợ gia súc...

3. Những người vào trại không thực hiện tốt yêu cầu vệ sinh thú y khi vào trại:

Người chăn nuôi, người vận chuyển thức ăn, người mua vật nuôi, nhân viên thú y v.v. có thể mang mầm bệnh vào cơ sở chăn nuôi nếu không rửa tay, thay đồ và mang đầy đủ bảo hộ lao động (dép/ ủng, quần áo, mũ, khẩu trang) trước khi vào trại.

4. Thực phẩm người mang theo vào trại có thể bị nhiễm mầm bệnh.

5. Dụng cụ, thiết bị, vật tư chăn nuôi, thú y bị nhiễm mầm bệnh, do:

- Không vệ sinh, khử trùng tốt.
- Mang từ trại, chuồng khác có vật nuôi bị bệnh đến.

6. Môi trường chăn nuôi bị ô nhiễm mầm bệnh, do:

- Thực hiện không tốt các biện pháp cách ly, làm sạch, khử trùng.
- Nuôi nhiều loại vật nuôi, nhiều lứa tuổi cùng một nơi.
- Không kiểm soát tốt động vật, gia cầm, loài gặm nhấm, côn trùng.
- Có vật nuôi bị bệnh.

7. Thức ăn, nước uống bị ô nhiễm mầm bệnh, do:

- Sử dụng nguồn nước không đạt tiêu chuẩn vệ sinh như nước ao, hồ, mương, kênh, rạch, v.v.
- Sử dụng thức ăn thừa của đàn vật nuôi bị bệnh.
- Nguyên liệu thức ăn bị nhiễm mầm bệnh.
- Tận dụng thức ăn thừa của người nhưng không nấu kỹ trước khi cho vật nuôi ăn.
- Máng ăn, máng uống không được vệ sinh sạch sẽ và khử trùng.

Câu hỏi 11: Vật nuôi thường bị nhiễm mầm bệnh như thế nào?

Trả lời: Vật nuôi có thể bị nhiễm mầm bệnh khi tiếp xúc trực tiếp với động vật bị bệnh hoặc gián tiếp qua các yếu tố trung gian truyền bệnh, như:

- Quần áo, giày dép, chân tay người chăn nuôi và vật dụng người mang theo (túi xách, đồng hồ, điện thoại, tiền, giấy tờ các loại...) mang mầm bệnh.
- Những vật liệu (bao thức ăn, dụng cụ chăn nuôi, thú y) bị nhiễm mầm bệnh.
- Xe vận chuyển gia súc, thức ăn, vật tư chăn nuôi, thú y đến trại có thể mang mầm bệnh.
- Thịt sống, thực phẩm nhiễm mầm bệnh.
- Nước rửa thịt, rửa thực phẩm sống.
- Rác thải từ nhà bếp, thức ăn thừa.
- Động vật hoặc côn trùng xung quanh mang mầm bệnh.
- Dụng cụ chăn nuôi, thú y dùng trong trại mang mầm bệnh.

Câu hỏi 12: Ngăn chặn mầm bệnh lây lan từ người sang đàn vật nuôi bằng cách nào?

Trả lời: Để ngăn chặn mầm bệnh lây lan từ người sang đàn vật nuôi, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Cổng vào khu chăn nuôi luôn đóng/khóa để hạn chế người không có nhiệm vụ vào khu chăn nuôi.
- Trước cổng vào khu vực chăn nuôi và trước lối vào mỗi chuồng nuôi phải có hố/khay khử trùng chứa dung dịch khử trùng được pha đúng nồng độ và được thay thế, bổ sung thường xuyên.
- Trước khi vào khu vực chăn nuôi tất cả mọi người phải mặc bảo hộ lao động (quần áo, dép/ủng, mũ, khẩu trang) và rửa tay bằng xà phòng hoặc nước khử trùng, dẫm chân qua hố/khay có dung dịch khử trùng.
- Mỗi chuồng nuôi đều phải có dép/ủng riêng (nên khác màu nhau) cho người chăn nuôi; người chăn nuôi thay dép/ủng và dẫm qua hố/khay có dung dịch khử trùng mỗi khi vào một chuồng nuôi khác.

- Hạn chế mang đồ dùng theo người như túi xách, đồng hồ, tiền, điện thoại, giấy tờ... vào khu chăn nuôi. Nếu cần thiết mang theo nên xông khử trùng, chiếu tia cực tím hoặc khử trùng bằng cồn trước khi mang vào trại.

- Không mang thức ăn của người vào trại.

Câu hỏi 13: Ngăn chặn mầm bệnh lây lan từ dụng cụ, thiết bị, vật tư sang đàn vật nuôi bằng cách nào?

Trả lời: Để ngăn chặn mầm bệnh lây lan từ dụng cụ, thiết bị, vật tư sang đàn vật nuôi, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Mỗi chuồng nuôi đều phải có dụng cụ chăn nuôi, thú y riêng để ngăn ngừa việc chuyển/mượn dụng cụ và tránh sự lây lan mầm bệnh từ chuồng này sang chuồng khác qua dụng cụ chăn nuôi, thú y.

- Có xe chở thức ăn cho vật nuôi và xe chở phân riêng, không dùng chung một xe.

- Tất cả trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi trước khi đưa vào sử dụng phải được vệ sinh sạch sẽ và khử trùng.

- Các dụng cụ, thiết bị dùng hàng ngày phải được vệ sinh sạch sẽ và định kỳ 7 ngày khử trùng một lần.

- Dụng cụ thú y phải được vệ sinh, khử trùng cẩn thận trước và sau khi sử dụng.

Câu hỏi 14: Ngăn chặn mầm bệnh lây lan từ phương tiện vận chuyển vào khu vực chăn nuôi thế nào?

Trả lời: Để ngăn chặn mầm bệnh lây lan từ phương tiện vận chuyển vào khu vực chăn nuôi, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Xe vận chuyển thức ăn chỉ đến kho thức ăn, tuyệt đối không được vào khu vực chăn nuôi. Xe phải được khử trùng cẩn thận trước khi vào khu vực kho thức ăn.

- Xe đến mua vật nuôi xuất chuồng chỉ đỗ tại khu vực xuất vật nuôi ngoài trại, tuyệt đối không được vào khu vực chăn nuôi. Xe phải được khử trùng cẩn thận trước khi vào khu vực xuất vật nuôi.

- Trại làm đường riêng cho vật nuôi xuất chuồng đi ra khu vực xuất vật nuôi để tránh xe đến mua vật nuôi vào khu vực chăn nuôi.

- Các phương tiện vận chuyển khác không được vào khu vực chăn nuôi nếu không được phép.

- Khi thực sự cần thiết và được cho phép vào khu vực chăn nuôi, phương tiện phải được khử trùng cẩn thận trước, sau khi vào và ra khỏi khu vực chăn nuôi.

Câu hỏi 15: Cần làm gì để hạn chế mầm bệnh lây lan giữa các ô trong một chuồng nuôi?

Trả lời: Để hạn chế mầm bệnh lây lan giữa các ô trong một chuồng nuôi, cần:

- Có máng/máng uống riêng cho mỗi ô nuôi (không dùng chung máng hoặc máng thông từ ô nọ sang ô kia);
- Có rãnh thoát nước thải riêng cho từng ô chuồng để tránh nước thải chảy từ ô chuồng này sang ô chuồng khác.

Câu hỏi 16: Ngăn chặn mầm bệnh từ chim hoang dã, côn trùng xâm nhập chuồng nuôi như thế nào?

Trả lời: Để ngăn chặn mầm bệnh từ chim hoang dã, côn trùng xâm nhập chuồng nuôi, cần làm lưới ngăn toàn bộ phần thoáng phía trên tường của chuồng với bên ngoài.

Câu hỏi 17: Vì sao trong chăn nuôi, để trống chuồng là biện pháp cách ly quan trọng?

Trả lời: Trong chăn nuôi, để trống chuồng là biện pháp cách ly quan trọng, vì:

- Một số mầm bệnh có khả năng tồn tại lâu trong môi trường chăn nuôi, thậm chí sau khi chuồng nuôi đã được dọn dẹp, vệ sinh và khử trùng.
- Thời gian trống chuồng sẽ hỗ trợ tiêu diệt mầm bệnh vì lúc này trong chuồng không có vật nuôi là môi trường thiết yếu cho mầm bệnh phát triển. Không có vật nuôi, mầm bệnh sẽ không còn điều kiện để sinh sôi, phát triển.

Do đó, trống chuồng là biện pháp cách ly về thời gian rất quan trọng nhằm tiêu diệt mầm bệnh, cắt đứt đường lây truyền bệnh.

Thời gian để trống chuồng tối thiểu là 1 tuần đối với chuồng nuôi lợn, 2 tuần đối với chuồng nuôi gia cầm.



Câu hỏi 18: Phương thức nuôi “Cùng vào cùng ra” là gì?

Phương thức nuôi “Cùng vào cùng ra” là tất cả vật nuôi cùng lứa (cùng tuổi) hoặc cùng nhóm được nuôi nhốt ở cùng khu vực trong cùng thời gian.

- Cùng lứa là cùng lô phối, cùng lô đẻ, cùng lô cai sữa/lô ấp nở.
- Cùng nhóm là:
 - + Cùng giống (giống nội, ngoại, kiêm dụng, hướng thịt, hướng trứng..).
 - + Cùng khoảng khối lượng cơ thể (ví dụ: Vật nuôi có cùng khoảng khối lượng cơ thể thì nuôi cùng chuồng/ô).
 - + Cùng mục đích chăn nuôi (ví dụ: vật nuôi để chọn làm giống hậu bị nuôi cùng một ô, vật nuôi thương phẩm cùng một ô khác).
- Cùng khu vực là cùng nhà nuôi, cùng chuồng nuôi, cùng dãy, hoặc cùng ô.
- Cùng thời gian nuôi.

Câu hỏi 19: Vì sao phải thực hiện nguyên tắc vệ sinh làm sạch?

Trả lời:

- Vệ sinh làm sạch để loại bỏ tất cả bụi bẩn và các chất hữu cơ chứa mầm bệnh bám trên bề mặt các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi và chuồng nuôi.
- Vệ sinh làm sạch đúng cách sẽ loại bỏ được tới 80% mầm bệnh.
- Vệ sinh làm sạch kịp thời sẽ giúp nhanh chóng ngăn chặn sự lây lan mầm bệnh.
- Vệ sinh làm sạch tốt quyết định hiệu quả của việc khử trùng sau này.

Câu hỏi 20: Làm thế nào để vật nuôi được "ăn sạch"?

Trả lời: Để vật nuôi được "ăn sạch" cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Chỉ cho ăn thức ăn còn hạn sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, của các hãng thức ăn có uy tín chất lượng cao. Không cho ăn thức ăn kém chất lượng (bị mốc, nhiễm độc tố, mầm bệnh, v.v.).
- Không cho vật nuôi ăn thức ăn có, hoặc cho vào thức ăn của vật nuôi, các hóa chất, kháng sinh trong Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.
- Nếu cho vật nuôi ăn thức ăn thừa của người, thức ăn phải được nấu sôi 30 phút, đảo đều trong khi nấu, sau đó để nguội mới cho vật nuôi ăn.
- Có đủ số lượng máng ăn cho vật nuôi; sử dụng vật liệu dễ cọ rửa, vệ sinh, không gây độc hại để làm máng ăn.
- Vật nuôi nuôi riêng trong từng ô cần có máng ăn riêng.
- Đặt hoặc treo máng ăn sao cho vật nuôi dễ ăn nhất và không làm rơi vãi thức ăn ra ngoài.
- Thu gom thức ăn rơi vãi, vệ sinh máng ăn sạch sẽ hàng ngày.

Câu hỏi 21: Bảo quản các bao thức ăn của vật nuôi như thế nào là đúng?

- Các bao thức ăn của vật nuôi cần được bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.
- Đặt các bao thức ăn trên kệ cao hơn nền tối thiểu 20cm, cách tường tối thiểu 15cm.
- Có thể sử dụng đèn cực tím để khử trùng các bao thức ăn mới nhập về.
- Ngăn chặn chuột và côn trùng xâm nhập nơi bảo quản thức ăn.

Câu hỏi 22: Làm thế nào để vật nuôi được "uống sạch"?

Trả lời: Để vật nuôi được "uống sạch" cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Cho vật nuôi uống nước sạch, chất lượng tốt như nước sử dụng cho người (nước máy, giếng khoan,...).;
- Nếu sử dụng nước bề mặt, nước ao và nước sông, suối thì cần phải lọc sau đó xử lý bằng chlorine.
- Bổ sung dung dịch I-ốt hàng tuần vào bể nước và hệ thống ống nước (0,05% hoạt chất = 0,5 lít hoạt chất cho 1000 lít nước), hoặc dùng các chế phẩm sinh học để ngừa tảo, rêu và các chất bẩn khác đóng cặn trong ống.
- Vật nuôi uống riêng trong từng ô cần có máng uống riêng.
- Đảm bảo đủ số lượng máng hoặc núm uống cho số lượng vật nuôi trong một chuồng, một ô. Đặt máng/núm uống ở độ cao sao cho chiều cao của máng/núm ngang với lưng vật nuôi.
- Vệ sinh máng uống, núm uống sạch sẽ hàng ngày.

Câu hỏi 23: Làm thế nào để vật nuôi được "ở sạch"?

Trả lời: Để vật nuôi được "ở sạch" cần đảm bảo:

- Chuồng nuôi thông thoáng, khô ráo, sạch sẽ; không có nước đọng trong ô chuồng.
- Mật độ nuôi hợp lý theo quy trình chăn nuôi.
- Không có mùi khai và thối trong chuồng nuôi.
- Thường xuyên dọn và giữ nền chuồng khô, sạch.
- Thường xuyên quét, dọn sạch rãnh thoát nước trong chuồng.
- Quét dọn sạch sẽ lối đi, tường, lưới, rèm che đảm bảo không có rác, bụi và mạng nhện.
- Sau mỗi đợt nuôi, thu gom toàn bộ chất thải, dọn vệ sinh, rửa sạch và khử trùng chuồng nuôi, sau đó để trống chuồng.
- Thường xuyên dọn dẹp, phát quang bụi rậm xung quanh chuồng nuôi, đảm bảo thông thoáng, sạch, khô, có ánh nắng mặt trời chiếu vào.
- Thường xuyên khơi thông, vệ sinh hệ thống cống rãnh thoát nước ngoài chuồng tránh nước thải ứ đọng.



Câu hỏi 24: Vì sao phải thực hiện khử trùng, để khử trùng đạt hiệu quả tốt cần làm gì?

Trả lời: Khử trùng để tiêu diệt các mầm bệnh còn sót lại sau khi đã tiến hành vệ sinh làm sạch.

Để khử trùng đạt hiệu quả tốt, cần đảm bảo:

- Các bề mặt cần khử trùng đã được vệ sinh làm sạch trước, vì:
 - + Chất khử trùng chỉ có tác dụng trên các bề mặt sạch.
 - + Nhiều chất khử trùng bị mất tác dụng bởi các chất hữu cơ (phân, nước tiểu, rác, lông, chất nhờn...).
- Đảm bảo sự phù hợp của chất khử trùng với đối tượng cần khử trùng.
- Đảm bảo tỷ lệ pha, liều lượng, cách sử dụng chất khử trùng như nhà sản xuất khuyến cáo.
- Đảm bảo thời gian tiếp xúc của chất khử trùng với bề mặt cần khử trùng tối thiểu 10 phút.
- Nên sử dụng luân phiên các nhóm hóa chất khử trùng để hạn chế khả năng kháng hóa chất của mầm bệnh.
- Chỉ sử dụng các hóa chất khử trùng được khuyến cáo.

Câu hỏi 25: Hố/khay khử trùng có tác dụng gì?

Trả lời: Hố/khay khử trùng thường được bố trí ở cổng vào trại, lối vào trước mỗi chuồng nuôi, mục đích là:

- Biểu tượng nhắc nhở mọi người: Đây là khu vực cách ly, không nhiệm vụ miễn vào.
- Khử trùng ủng, dép của người đi qua (cần đảm bảo dung dịch, chất khử trùng được pha đúng nồng độ, được thay thế và bổ sung định kỳ).
- Khử trùng các phương tiện vận chuyển khi đi qua (kết hợp với phun).



Câu hỏi 26: Khử trùng không tác dụng khi nào?

Trả lời: Khử trùng không tác dụng khi:

- Không vệ sinh trước hoặc vệ sinh chưa sạch, trên bề mặt đối tượng cần khử trùng còn chứa nhiều chất bẩn, chất hữu cơ (phân, rác, bụi, đất, v.v.).
- Pha chất khử trùng không đúng nồng độ, sử dụng không đủ liều, không đúng như hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Sử dụng nước chất lượng kém để pha thuốc khử trùng (nước cứng, nước nhiễm phèn, nước chứa nhiều chất hữu cơ, nước nhiễm khuẩn, nước có độ pH thấp hơn 8 khi sử dụng để pha hợp chất Quaternary Ammonia v.v.).

Câu hỏi 27: Hãy cho biết các nguyên tắc cần tuân thủ khi phun hóa chất khử trùng?

Trả lời: Khi phun hóa chất khử trùng cần tuân thủ các nguyên tắc sau: Người phun hóa chất khử trùng phải mang đầy đủ bảo hộ lao động, gồm: mặc quần áo dài, đi ủng, đeo găng tay cao su, đội mũ, đeo kính, mang khẩu trang.

- Phun xuôi chiều gió.
- Phun từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài.
- Phun đều theo hình chữ Z, lượt sau phun đè lên một phần của lượt trước để dung dịch hóa chất thấm đều lên toàn bộ bề mặt cần khử trùng.

Câu hỏi 28: Phun khử trùng thiết bị, chuồng trại như thế nào là đúng?

Trả lời: Khi phun khử trùng thiết bị, chuồng trại, để đạt được hiệu quả cao cần phải thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Rửa sạch hết chất bẩn bám trên bề mặt thiết bị, chuồng nuôi trong quá trình làm vệ sinh.
- Chỉ sử dụng các chất khử trùng được phép lưu hành.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng hóa chất khử trùng trên nhãn mác.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Dùng cân, cốc đong,... để cân, đong chính xác lượng hóa chất cần dùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Pha loãng hóa chất đúng nồng độ như khuyến cáo của nhà sản xuất.
- Phun dung dịch khử trùng đúng liều lượng quy định (tối thiểu 0,3 lít dung dịch khử trùng/1m²); đảm bảo thời gian hóa chất tiếp xúc với bề mặt cần khử trùng ít nhất 10 phút.
- Nên phun khử trùng vào sáng sớm hoặc chiều mát, tránh buổi trưa nắng gắt để gây độc cho người sử dụng.
- Cần tuân thủ các biện pháp cách ly đối với thiết bị, chuồng trại đã được khử trùng để tránh tái nhiễm mầm bệnh ngay sau khi khử trùng.

Lưu ý:

- + Không phun chất khử trùng lên mặt đất, rác bần, chất hữu cơ và vật nuôi.
- + Không sử dụng các hóa chất khử trùng có độ ăn mòn cao hoặc có khả năng làm hư hại dụng cụ, thiết bị.

Câu hỏi 29: Vì sao không nên phun chất khử trùng trực tiếp vào đàn vật nuôi?

Trả lời:

- Chất khử trùng là những hóa chất độc hại, được sử dụng để tiêu diệt mầm bệnh, do vậy khi phun trực tiếp lên đàn vật nuôi thì cũng làm ảnh hưởng bất lợi đến chúng.
- Nhiều hóa chất khử trùng có chứa gốc amoniun bậc 4 (NH₄⁺), gốc này gây ảnh hưởng đến hô hấp do đó sẽ làm các triệu chứng trầm trọng hơn nếu đàn vật nuôi đang mắc bệnh đường hô hấp.
- Hiệu quả tiêu diệt mầm bệnh trong chuồng khi phun trực tiếp lên đàn vật nuôi là rất thấp do còn nhiều chất hữu cơ tại đó.

Câu hỏi 30: Hóa chất khử trùng ảnh hưởng đến con người như thế nào?

Trả lời:

- Hiện nay có nhiều loại hóa chất khử trùng được dùng trong chăn nuôi. Cần chú ý rằng mọi hóa chất khử trùng đều có thể gây độc cho con người nếu sử dụng không đúng cách.
- Người có thể bị ảnh hưởng bất lợi khi tiếp xúc trực tiếp hoặc hít phải hóa chất hoặc khí độc.
- Hóa chất khử trùng sẽ gây nguy hiểm hơn nếu sử dụng vào lúc thời tiết nắng nóng vì khi đó hóa chất sẽ được hấp thụ mạnh hơn, dễ gây ngộ độc cho người sử dụng.

Câu hỏi 31: Khi sử dụng hóa chất khử trùng cần trang bị những dụng cụ bảo hộ nào để đảm bảo an toàn cho người sử dụng?

Trả lời: Mọi hóa chất khử trùng đều có thể gây độc cho con người, vì vậy, khi sử dụng cần trang bị bảo hộ cá nhân đầy đủ, cụ thể như sau:



Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

- Mặc quần áo bảo hộ: quần dài (chùm ngoài ủng), áo sơ mi dài tay (cài cả cúc cổ và cúc tay).
- Đeo mặt nạ phòng độc/khẩu trang phòng hóa chất; đeo kính bảo hộ; đội mũ.
- Đi ủng; đi găng tay (loại dài, mép gấp ngược lại).

➤ Lưu ý:

- Giặt quần áo, rửa tay, rửa mặt ngay sau khi sử dụng hóa chất.
- Loại bỏ hóa chất thừa đúng cách.
- Xúc rửa cẩn thận các dụng cụ pha, phun khử trùng.



Những dụng cụ bảo hộ dùng cho người pha và phun hóa chất khử trùng



Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ để pha và phun hóa chất khử trùng

Câu hỏi 32: Khi bị hóa chất khử trùng bắn vào mắt hoặc da thì xử lý thế nào?

Trả lời: Hóa chất khử trùng rất độc với cơ thể con người, vì thế phải tuân thủ nghiêm ngặt việc trang bị đầy đủ bảo hộ trước khi tiếp xúc với hóa chất để pha, ngâm, phun, xông khử trùng. Nếu do sơ suất, bị hóa chất khử trùng bắn vào mắt hoặc da thì xử lý như sau:

- Nếu chất khử trùng bắn vào da: Rửa ngay bằng nước sạch, sau đó rửa bằng xà phòng và dội rửa nhiều lần bằng nước sạch cho đến khi không cảm nhận được hóa chất khử trùng mới thôi.

- Nếu chất khử trùng bắn vào mắt: Rửa ngay nhiều lần bằng nước sạch sau đó đến ngay cơ sở y tế gần nhất để nhân viên y tế khám, xử lý, điều trị.

Câu hỏi 33: Các chất tẩy rửa và xà phòng có tác dụng khử trùng như thế nào?

Trả lời:

- Các chất tẩy rửa và xà phòng là những hóa chất sử dụng cho việc cọ rửa các bề mặt nhằm loại bỏ đất, bụi và các chất hữu cơ bám chặt.

- Chúng là những sản phẩm không đắt tiền, sẵn có, an toàn nhưng lại có thể loại bỏ tới 80% các loại mầm bệnh.

- Đối với các vi-rút có vỏ bọc, các chất tẩy rửa và xà phòng có tác dụng như một chất khử trùng vì chúng dễ dàng làm hư hại vỏ bọc lipid (mỡ) của vi-rút. Tuy nhiên, thời gian tiếp xúc trực tiếp của xà phòng với vi-rút (thời gian xà phòng tiếp xúc với tay và dụng cụ) cần phải từ 15 giây trở lên.

- Lượng chất tẩy rửa cần dùng tùy thuộc vào chất lượng nước và bề mặt cần rửa, tuy nhiên, nguyên tắc là cần có bọt xà phòng nổi lên trong hỗn hợp chất tẩy rửa và nước.

Câu hỏi 34: Xút có tác dụng khử trùng thế nào?

- Xút (NaOH) là chất khử trùng mạnh, xút thâm nhập vào các phân tử bám dính, vi sinh vật, làm tan hoặc biến đổi chúng.

- Do có pH từ 11-13 nên xút có khả năng tiêu diệt tất cả các vi khuẩn, vi-rút gây bệnh thông thường. Ở nồng độ đậm đặc (5%), xút có thể tiêu diệt được bào tử nhiệt than.

- Dung dịch pha loãng 4-8 phần nghìn (4-8‰) dùng để khử trùng dụng cụ chăn nuôi, nền, tường chuồng nuôi, phương tiện vận chuyển.

Câu hỏi 35: Chất khử trùng nhóm Ammonium bậc 4 (Quats) có tác dụng khử trùng như thế nào?

Trả lời:

- Chất khử trùng nhóm Ammonium bậc 4 (Quats) là lựa chọn tốt cho các cơ sở chăn nuôi và ấp nở.

- Các sản phẩm này có cả tính năng tẩy rửa và khử trùng, hoạt động tốt trên sàn bê tông cũng như các bề mặt không bị gỉ, không xốp.
- Các sản phẩm này khá rẻ và là những sản phẩm an toàn khi sử dụng do độ độc đối với người và động vật tương đối thấp.
- Cần sử dụng đúng nồng độ ghi trên nhãn mác của sản phẩm và đảm bảo độ pH của nước để pha loãng chất khử trùng không thấp hơn 8 để hóa chất phát huy tối đa tác dụng.
- Quats có thể sử dụng ở nhiệt độ cao (tới 100°C).

Câu hỏi 36: Chất khử trùng nhóm Phenol có tác dụng khử trùng như thế nào?

Trả lời:

- Chất khử trùng nhóm Phenol tiêu diệt được nhiều loại vi khuẩn, vi-rút, nấm mốc;
- Chất khử trùng nhóm Phenol có khả năng tạo một lớp bảo vệ nhằm kìm hãm sự phát triển trở lại của vi khuẩn.
- Chất khử trùng nhóm Phenol có tác dụng kéo dài giúp khử trùng các bề mặt xốp như gỗ.
- Chất khử trùng nhóm Phenol dễ bị hấp thụ bởi cao su và một số chất dẻo, do đó không thích hợp cho mọi bề mặt.
- Chất khử trùng nhóm Phenol có mùi khó chịu, tương đối độc và có thể gây kích ứng da và mắt.

Câu hỏi 37: Các chất khử trùng Iodophors có tác dụng khử trùng như thế nào?

Trả lời:

- Các chất khử trùng Iodophors thường được sử dụng luân phiên với nhóm Phenol hoặc nhóm hợp chất Ammonium bậc 4 nhằm hạn chế khả năng kháng hóa chất của các mầm bệnh.
- Các chất khử trùng Iodophors chỉ phát huy tác dụng tốt trên bề mặt đã được làm sạch vì chúng rất dễ bị các chất hữu cơ vô hiệu hóa, chúng cũng không có tác dụng kéo dài.
- Các chất khử trùng Iodophors có thể sử dụng với nước cứng.
- Các chất khử trùng Iodophors có chỉ thị về tác dụng: khi dung dịch mất màu vàng có nghĩa là tác dụng khử trùng đã hết.
- Các chất khử trùng Iodophors cũng làm cho các bề mặt tiếp xúc ngả màu vàng. Vì vậy, chúng thường được sử dụng để khử trùng dụng cụ, làm dung dịch pha trong chậu rửa khử trùng tay, chân.
- Nhiệt độ cao (trên 35°C) làm các chất khử trùng Iodophors mất hoạt tính và ánh sáng làm phân hủy nhanh (đổi màu).

Câu hỏi 38: Chất khử trùng Glutheraldehyde có tác dụng khử trùng như thế nào?

Trả lời:

- Glutheraldehyde là một chất khử trùng rất hiệu quả và giá cả cũng phải chăng. Glutheraldehyde có tác dụng trên nhiều loại mầm bệnh như vi khuẩn (gồm cả bào tử), mycobacteria, vi-rút, nấm, đơn bào.
- Glutheraldehyde vẫn có hiệu quả trên bề mặt có chất hữu cơ ở mức vừa phải. Glutheraldehyde ổn định về mặt hóa học và chỉ ăn mòn kim loại ở mức độ nhẹ.
- Là hợp chất khá độc nên khi tiếp xúc và sử dụng hóa chất này cần mang đầy đủ bảo hộ lao động.
- Là hợp chất độc đối với môi trường nên việc sử dụng chính xác nồng độ khuyến cáo của nhà sản xuất là rất cần thiết để tránh gây độc cho môi trường.

Câu hỏi 39: Hỗn hợp Glutheraldehyde - Ammonium bậc 4 có tác dụng khử trùng như thế nào?

Trả lời: Các chất khử trùng này được kết hợp với nhau để gia tăng hiệu lực và giảm bớt độc tính.

- Hỗn hợp Glutheraldehyde - Ammonium bậc 4 diệt được nhiều loại mầm bệnh bao gồm vi khuẩn (gồm cả bào tử), mycobacteria, vi-rút, nấm, đơn bào.
- Chúng thường được sử dụng để khử trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc xác động vật.

Câu hỏi 40: Để hạn chế sử dụng hóa chất khử trùng, tôi có thể sử dụng các biện pháp thay thế nào?

Trả lời: Để hạn chế sử dụng hóa chất khử trùng, hộ chăn nuôi nhỏ lẻ có thể áp dụng các biện pháp đơn giản mà vẫn cho hiệu quả khử trùng tốt như sau:

- Phơi trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời: Những nguyên liệu thức ăn như ngô, thóc, chất độn chuồng chưa sử dụng; dụng cụ chăn nuôi, chuồng nuôi sau khi đã vệ sinh sạch sẽ.
- Dùng tro, than nóng rải trên nền chuồng sau khi đã vệ sinh sạch sẽ và để khô.
- Hun chuồng bằng trấu, lá cây, cỏ khô, có thể thêm một số loại lá dân gian hay dùng như lá xoan. Chú ý đề phòng hỏa hoạn hoặc hư hỏng dụng cụ có trong chuồng nuôi.
- Dùng lửa đèn khò khử trùng, diệt côn trùng trong các khe, kẽ trên nền, tường chuồng nuôi.
- Sau khi đã vệ sinh sạch sẽ nền chuồng, rải vôi cục (vôi chưa tôi) đều lên khắp nền chuồng, sau đó dội nước để vôi tỏa nhiệt khử trùng nền chuồng (mang đầy đủ bảo hộ lao động, găng tay, ủng cao su, kính, mũ, khẩu trang và rất thận trọng khi sử dụng vôi).

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

– Dùng nước sôi khử trùng dụng cụ thú y, dụng cụ chăn nuôi (chỉ những dụng cụ có thể khử trùng bằng nước sôi).

Câu hỏi 41: Dùng vôi thế nào để có tác dụng khử trùng?

Trả lời: Vôi là một chất khử trùng hiệu quả và được khuyến cáo dùng thường xuyên cũng như trong các đợt xử lý dịch bệnh như bệnh lở mồm long móng, bệnh dịch tả châu Phi. Vi-rút gây bệnh bị diệt nhờ tác dụng làm tăng pH của vôi. Có thể dùng vôi để khử trùng:

- Bên trong và bên ngoài chuồng nuôi.
- Xử lý phân sau mỗi lứa nuôi hoặc khi bị bệnh dịch.
- Xử lý xác vật nuôi chết hoặc phải tiêu hủy do dịch bệnh.

Liều lượng và cách dùng vôi để khử trùng như bảng dưới đây:

TT	Đối tượng dùng vôi để khử trùng	Liều lượng dùng	Cách làm
1	Khu vực đất bên ngoài chuồng nuôi	0,5 kg vôi bột, vôi nghiền nhỏ/m ²	Trải đều vôi lên mặt đất, sau đó phun hoặc tưới nước vào vôi; sau khi vôi đã tan, ngấm vào đất, dọn sạch vôi cặn trên bề mặt.
2	Nền chuồng nuôi là bê-tông hoặc gạch,...)	1 kg vôi bột, vôi nghiền nhỏ/m ²	Trải đều vôi lên nền chuồng, sau đó phun khoảng 1,5 lít nước/m ² làm ướt toàn bộ nền chuồng, để như vậy ít nhất 120 phút, sau đó quét sạch vôi cặn trên bề mặt.
3	Phun, quét tường chuồng nuôi (tường làm bằng vật liệu cứng)	25 kg vôi tôi pha với 50 lít nước/200m ² tường	Cho vôi vào nước, khuấy đều, rồi phun, quét lên tường cho trắng đều tất cả.
4	Phun, quét tường chuồng nuôi (tường làm bằng vật liệu xốp)	25 kg vôiLi tôi pha với 50 lít nước/150m ² tường	

Chú ý: Không dùng vôi khử trùng trong chuồng khi đang có vật nuôi.

Câu hỏi 42: Cách thiết kế tủ xông khử trùng sử dụng formol kết hợp với thuốc tím?

Trả lời: Sử dụng formol (còn gọi là formalin) kết hợp với thuốc tím sẽ tạo ra khí formaldehyde để xông khử trùng trứng ấp, dụng cụ chăn nuôi, quần áo bảo hộ v.v. Vì khí formaldehyde rất độc nên cần sử dụng tủ xông kín để tránh khí rò rỉ ra ngoài gây độc cho người và vật nuôi.

Thiết kế tủ xông như sau:

- Thân tủ có thể làm bằng inox, tôn, nhôm hoặc xây bằng gạch và xi măng, có lát gạch men bên trong; cửa tủ có thể bằng tôn, inox hoặc nhôm và có gioăng cao su bên



trong, có khóa chốt bên ngoài để đảm bảo tủ đóng rất kín, tránh khí độc thoát ra ngoài khi xông.

- Một phễu gắn bên ngoài tủ được nối với một ống dẫn để đưa dung dịch formalin từ ngoài vào dụng cụ đựng thuốc tím đặt trong tủ.

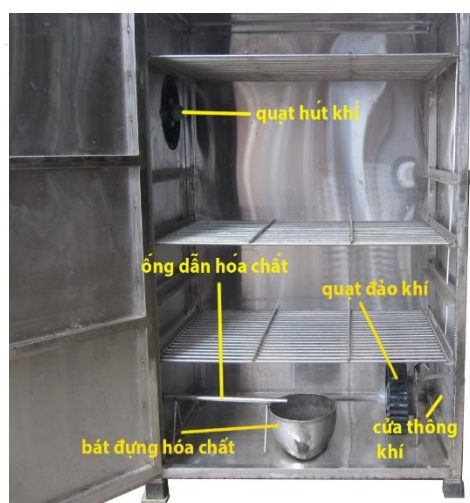
- Một dụng cụ bằng sành, sứ hoặc kim loại tráng men có đáy nhỏ để đựng thuốc tím đặt dưới đáy tủ ngay dưới ống dẫn; thể tích của dụng cụ cần gấp 10 lần thể tích của hai hóa chất cộng lại.

- Một quạt đảo khí được lắp bên trong tủ để đảo khí phân tán đều trong thời gian xông.

- Một ống thoát khí dẫn khí ra ngoài cao hơn mái nhà (để tránh khí độc tiếp xúc với người) và một quạt hút khí được lắp vào tủ để hút hết khí formaldehyde trước khi mở tủ.

- Một van xả khí được lắp vào sau quạt hút.

- Một cửa thông khí nhỏ được thiết kế bên cạnh tủ.



Ảnh minh họa tủ xông bằng inox (Dr. Yoni Sergal, chuyên gia FAO thiết kế)

Câu hỏi 43: Xông khử trùng bằng formol kết hợp với thuốc tím như thế nào là đúng kỹ thuật với tủ xông có thể tích 1m³?

Trả lời: Xông khử trùng bằng formol kết hợp với thuốc tím (trong tủ xông kín có thể tích 1m³) gồm các bước sau:

1. Trang bị đầy đủ bảo hộ cá nhân (đeo găng tay cao su, đội mũ, đeo kính, mang khẩu trang, quần áo bảo hộ).

2. Đặt trứng ấp hoặc các dụng cụ cần xông lên giá của tủ xông.

3. Cho 20g thuốc tím vào dụng cụ chứa bằng sành hoặc kim loại tráng men có đáy nhỏ (thể tích 400ml) đặt ở đáy tủ, phía dưới ống phễu.

4. Đóng chặt cửa tủ xông và treo biển cảnh báo: “Không mở cửa, tủ đang hoạt động” ở cửa tủ.

5. Đong 4ml formol và rót vào ống phễu.

6. Bật quạt đảo khí.

7. Để tủ xông hoạt động trong vòng 20 phút.

8. Bật quạt hút khí, mở van thoát khí, mở cửa thông khí, để thêm 20 phút nữa;

Mở cửa tủ xông, tháo bỏ biển cảnh báo và lấy trứng ấp, dụng cụ ra để vào khu vực bảo quản sạch.

Câu hỏi 44: Hãy cho biết các bước thực hiện vệ sinh, khử trùng chuồng nuôi?

Trả lời: Vệ sinh, khử trùng chuồng nuôi bao gồm các bước sau:

- *Bước 1.* Chuyển hết toàn bộ vật nuôi (nếu có) ra khỏi khu vực cần vệ sinh, sau đó thu gom toàn bộ phân và chất thải. Dùng chổi, xẻng, để loại bỏ bụi và các chất hữu cơ khô trên bề mặt thiết bị, dụng cụ và chuồng nuôi.

Trong trường hợp đàn vật nuôi có vật nuôi bị bệnh, sau khi chuyển hết vật nuôi, cần phun thuốc khử trùng trước, sau đó để khô và tiến hành thu gom phân và chất thải trước khi rửa chuồng.

- *Bước 2.* Dùng máy phun hoá chất tẩy rửa chuồng trại (hoặc nước pha xà phòng) lên sàn chuồng, vách ngăn chuồng, các trang thiết bị và những chỗ cần vệ sinh. Phun ướt đều và để ngâm khoảng 30 phút. Sau đó dùng máy bơm rửa chuồng có áp lực cao để rửa sạch chất tẩy rửa (hoặc xà phòng). Nếu có điều kiện, nên dùng máy rửa áp lực cao chuyên dụng có chức năng rửa hoá chất và nước nóng sẽ cho kết quả tẩy rửa tốt hơn.

- *Bước 3.* Để khô bề mặt chuồng nuôi, thiết bị, và dụng cụ.

- *Bước 4.* Pha dung dịch khử trùng theo nồng độ khuyến cáo của nhà sản xuất và phun lên toàn bộ bề mặt cần khử trùng với liều lượng tối thiểu là 3 lít dung dịch khử trùng phun cho 10m² diện tích./.

TỔ CHỨC FAO TẠI VIỆT NAM

TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Trung tâm Khuyến nông Hà Nội

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VỀ CHĂN NUÔI CỦA HÀ NỘI

Ngành Chăn nuôi của thành phố Hà Nội khá phát triển, chiếm trên 54% cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Hiện nay, toàn thành phố có tổng đàn trâu 28 nghìn con; đàn bò 138,7 nghìn con (trong đó, bò sữa 13,8 nghìn con); đàn lợn 1,47 triệu con; đàn gia cầm 38 triệu con; Sản lượng: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt khoảng 381 nghìn tấn, trong đó: thịt trâu 1,38 nghìn tấn; thịt bò 8,1 nghìn tấn; thịt lợn 164 nghìn tấn; thịt gia cầm 121 nghìn tấn. Sản lượng trứng các loại ước đạt 2,38 tỷ quả; sản lượng sữa tươi ước đạt 34 nghìn tấn.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố cơ bản được kiểm soát, không xảy ra dịch bệnh LMLM và đại chó mèo. Dịch cúm gia cầm xảy ra tại 35 hộ/22 thôn/18 xã/10 huyện đã tiêu hủy tổng số 69.767 con gia cầm; bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò xảy ra tại 11 hộ/07 thôn/07 xã/04 huyện, số trâu bò mắc bệnh là 21 con, tiêu hủy 5 con trọng lượng 1.277kg; dịch tả lợn châu Phi xảy ra tại 15 hộ/12 thôn/10 xã/07 huyện đã tiêu hủy 446 con trọng lượng 17.490kg. Hiện nay, các dịch bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi đã được kiểm soát và cơ bản ổn định.

Thành phố hiện có 76 xã chăn nuôi sản phẩm chủ lực gồm: 15 xã chăn nuôi bò sữa; 19 xã chăn nuôi bò thịt; 13 xã chăn nuôi lợn; 29 xã chăn nuôi gia cầm; 5.351 trại/trang trại chăn nuôi lớn, vừa, nhỏ ngoài khu dân cư, trong đó có 81 trang trại được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Trong chăn nuôi giống là yếu tố quan trọng giúp ngành chăn nuôi phát triển, những năm gần đây Hà Nội tập trung sản xuất con giống bằng việc đưa những giống mới chất lượng cao vào sản xuất bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, cụ thể:

- *Giống bò sữa*: Tỷ lệ bò HF thuần chủng là 12%; HFF3 là 70%; HFF2 là 12%; HFF1 là 6%.

- *Giống bò thịt*: Tỷ lệ bò lai Zebu chiếm trên 90% . Hà Nội đã sản xuất được tinh bò chất lượng cao (như BBB, Brahman,...) cung cấp cho thị trường. Hàng năm, Hà Nội cung cấp cho thị trường khoảng 5.000 bê sữa và 50.000 bê thịt các loại, 100.000 liều tinh cọng rạ. Đã lai tạo và sản xuất được trên 130 nghìn bê lai F₁BBB, mang lại giá trị thu nhập tăng thêm đối với chăn nuôi bò thịt gần 1.000 tỷ đồng.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- *Giống lợn*: Thành phố hiện có 3.600 con nái ngoại ông bà được nuôi tại 20 cơ sở, Đàn lợn nái bố mẹ ngoại thuần chủng 44.000 con được nuôi chủ yếu tại 1.086 trại chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư. Hàng năm sản xuất ra 4 triệu con lợn giống (trong đó có gần 40 nghìn con lợn bố mẹ).

- *Giống gia cầm*: Bên cạnh việc sử dụng các giống mới cho năng suất, giá trị cao, Hà Nội tiếp tục duy trì và phát triển các giống bản địa có giá trị cao như gà Mía Sơn Tây, bảo tồn và phát triển giống vịt cỏ Vân Đình,... Hàng năm, thành phố Hà Nội sản xuất ra trên 100 triệu gia cầm giống.

Tăng cường ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, giống mới trong chăn nuôi: Sử dụng tinh phân ly giới tính trong chăn nuôi bò sữa; sử dụng 100% giống được lai tạo với các giống lai cao sản lai Sind, Brahman, Droughtmaster, BBB, Angus bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Hiện trên địa bàn thành phố có 02 cơ sở sản xuất tinh đông lạnh trâu, bò. Đối với lợn sử dụng các giống Gen+; giống lợn Pietrain kháng stress. Tập trung sản xuất giống lợn bằng phương pháp TTNT, tỷ lệ TTNT trên đàn lợn toàn thành phố đạt trên 80%. Đối với gia cầm 100% nuôi các giống lai có năng suất cao trong đó có các giống gia cầm cao sản như Isa, Sasso, Brown, Ai Cập, Ross 308, Hubbard lai gà Mía... Thử nghiệm thành công thụ tinh nhân tạo trên đàn gà, tỷ lệ trứng có phôi đạt trên 85%, tỷ lệ trứng ấp nở đạt trên 90%. Hiện có 08 trang trại sử dụng công nghệ thụ tinh gia cầm. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, khép kín, ứng dụng công nghệ cao nhằm đảm bảo chăn nuôi an toàn, bền vững và không gây ô nhiễm môi trường.

Phát triển liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: Hiện nay đã xây dựng và duy trì 59 chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc động vật. Mỗi ngày các chuỗi cung cấp cho thị trường Hà Nội trên 60 tấn thịt lợn, 2 tấn thịt bò, 36 tấn gia cầm, 300.000 quả trứng, 40 tấn thịt chế biến, 80 tấn sữa tươi; ngoài ra thu hút nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân tham gia hợp tác xây dựng chuỗi và đã xây dựng được nhãn hiệu được bảo hộ như: Gà đồi Ba Vì, gà đồi Sóc Sơn, gà Mía Sơn Tây, vịt Vân Đình,...

II. PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

Chăn nuôi an toàn sinh học được xem là giải pháp hữu hiệu giúp kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ đàn vật nuôi, hạn chế ô nhiễm môi trường, hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững và nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi. Trong những năm qua, Trung tâm Khuyến nông Hà Nội đã tham mưu, xây dựng và triển khai nhiều dạng mô hình khuyến nông chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học. Tính từ năm từ năm 2017 đến năm 2021, Trung tâm Khuyến nông đã triển khai 17 dạng mô hình chăn nuôi tại 109 điểm với 842 hộ tham gia. Các mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, được ứng dụng các tiến bộ



khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học để nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả, có tính cạnh tranh, góp phần vào việc phát triển chăn nuôi bền vững, tạo ra các sản phẩm an toàn chất lượng, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng hiện nay, triển khai cụ thể trên các đối tượng như sau:

2.1. Đối với chăn nuôi gia cầm

Trung tâm triển khai các mô hình: Chăn nuôi gà Ai Cập sinh sản, Chăn nuôi gà thịt theo hướng ATSH, Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi gà thả vườn, Mô hình sử dụng thảo dược trong chăn nuôi gà thả vườn, Chăn nuôi vịt thương phẩm theo hướng ATSH, Chăn nuôi vịt thương phẩm cao sản trên cạn với tổng quy mô 380.000 con tại 77 điểm với 447 hộ tham gia tại các huyện Ba Vì, Sơn Tây, Thường Tín, Thạch Thất, Hoài Đức, Quốc Oai, Sóc Sơn, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Thanh Oai,... Trong nhiều năm liên triển khai các dạng mô hình chăn nuôi gà với việc lựa chọn giống gà mía Sơn cho mô hình nhằm góp phần vào việc bảo tồn, phát triển giống gà mía bản địa có chất lượng thịt thơm ngon phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng như: Kết quả của các mô hình triển khai đạt được: Đàn gia cầm có tỷ lệ sống cao đạt trên 95%, ít bị dịch bệnh, gia cầm sinh trưởng phát triển tốt, trọng lượng xuất chuồng đạt yêu cầu mô hình, khi xuất bán cho lợi nhuận từ 40-50 nghìn đồng/con, cao hơn 15-20% so với nuôi thông thường. Việc chăn nuôi theo hướng ATSH ứng dụng các chế phẩm sinh học, thảo dược giúp đàn gia cầm khỏe mạnh, ít bị bệnh, tăng trọng nhanh, rút ngắn thời gian nuôi, hạn chế việc dùng kháng sinh trong phòng và điều trị bệnh, tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót chất độn chuồng giúp giảm mùi hôi, giảm ô nhiễm môi trường và là nguồn phân hữu cơ truyền thống để sử dụng bón cho cây trồng. Từ thành công của mô hình, Trung tâm đã phối hợp với UBND huyện Ba Vì và thị xã Sơn Tây tổ chức thành công hội thảo “Phát triển và tiêu thụ gà thả vườn trên địa bàn thành phố Hà Nội” với trên 200 đại biểu tham dự là đại diện Cục Chăn nuôi, Cục Sở hữu trí tuệ, Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Hiệp hội Bán lẻ Việt Nam... và các nông dân, chủ trang trại chăn nuôi tiêu biểu trên địa bàn thành phố. Thông qua hội thảo người chăn nuôi đã được định hướng về kỹ thuật chăn nuôi ATSH, nắm được các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, được trực tiếp trao đổi với các doanh nghiệp đầu vào và đầu ra cho sản phẩm, được hướng dẫn xây dựng và duy trì phát triển thương hiệu sản phẩm.

2.2. Đối với chăn nuôi lợn

Trung tâm đã triển khai các mô hình: Chăn nuôi lợn thương phẩm sử dụng thức ăn vi sinh năm 2018, Chăn nuôi lợn thương phẩm sử dụng chế phẩm sinh học năm 2021 với tổng quy mô 750 con tại 8 điểm với 25 hộ tham gia triển khai tại Sơn Tây, Phúc Thọ,

Chương Mỹ, Thanh Oai, Mỹ Đức, Đông Anh, Gia Lâm, Sơn Tây. Sau 7 tháng nuôi đạt trọng lượng trung bình đạt trên 100 kg/con, lợi nhuận đạt 700-900 nghìn đồng/con. Mô hình sử dụng thức ăn vi sinh nhằm nâng cao sức đề kháng cho đàn lợn, hạn chế sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, giảm ô nhiễm môi trường từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội. Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí chăn nuôi, hạ giá thành sản phẩm, kích thích thị hiếu sử dụng thịt lợn chất lượng cao, giúp người chăn nuôi có đầu ra ổn định. Từ sự thành công của các mô hình, sẽ thu hút các hộ nông dân, chủ trang trại đến tham quan, học hỏi trao đổi kinh nghiệm phát triển sản xuất theo cách "nông dân tự chuyển giao cho nông dân", nhằm hình thành và phát triển những vùng chăn nuôi an toàn sinh học quy mô và hiệu quả.

2.3. Đối với chăn nuôi bò

Triển khai các mô hình chăn nuôi bò sinh sản với tổng quy mô 385 con tại 19 điểm với 328 hộ tham gia tại các huyện Ba Vì, Thanh Oai, Sóc Sơn, Mỹ Đức, Thạch Thất, Quốc Oai. Mô hình triển khai với bò cái nền sinh sản Laisind trên các vùng miền núi, các vùng chăn nuôi trọng điểm giàu thức ăn xanh rất phù hợp cho chăn nuôi bò, đặc biệt chăn nuôi bò sinh sản tạo đàn cái nền cho địa phương, giúp tăng đàn một cách nhanh chóng. Mặt khác, áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo sử dụng tinh đông lạnh các giống bò Zebu (Shin, Brahman...) nhằm tăng số lượng đàn bò cái nền của địa phương, đàn bò cái nền làm nền cho lai tạo với các giống bò chuyên thịt như BBB,... tạo ra bò thịt có năng suất chất lượng cao làm vùng nguyên liệu cung cấp thịt bò sạch cho Thủ đô. Mô hình cho kết quả tốt, các chỉ tiêu kỹ thuật đều đạt so với yêu cầu đề ra. Qua kết quả của mô hình đã làm thay đổi nhận thức của người chăn nuôi bò sinh sản tại vùng miền núi là hướng đi đúng cho các hộ nghèo, cận nghèo hay các hộ chăn nuôi khác trên địa bàn từ việc chăn nuôi theo thói quen cũ đã phát triển thành nghề chăn nuôi bò sinh sản có kỹ thuật và kinh nghiệm. Mô hình góp phần chủ động con giống đáp ứng nhu cầu tại địa phương, tạo sự đa dạng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng; sử dụng lao động nông nhân ở địa phương gắn với việc chăn nuôi tận dụng sản phẩm phụ nông nghiệp, hạn chế sử dụng thức ăn công nghiệp nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng sản lượng thịt bò cung cấp cho thị trường Thủ đô. Mô hình góp phần tạo công ăn việc làm cho những hộ nghèo ở các xã miền núi khó khăn, thay đổi cách thức tổ chức sản xuất với chi phí sản xuất thấp nhưng tạo ra sản phẩm chất lượng cao, góp phần vào mục tiêu giảm nghèo bền vững ở các hộ xã miền núi của các huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.4. Đối với chăn nuôi dê

Triển khai mô hình Chăn nuôi dê sinh sản dưới tán rừng và vùng đệm năm 2020, Chăn nuôi dê kiêm dụng sữa thịt năm 2021 với tổng quy mô 492 con dê giống (420 con

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

dê cái, 42 con dê đực) tại 7 điểm với 36 hộ tham gia tại 03 huyện Thạch Thất, Mỹ Đức, Sơn Tây. Mô hình đã đưa giống dê lai (dê cái Bách Thảo lai, dê đực Boer lai) có năng suất chất lượng cao làm dê giống và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi nhằm cải tạo giống dê, nâng cao giá trị thương phẩm, tăng hiệu quả kinh tế. Công tác chăm sóc, quản lý con giống được chú trọng, do đó, tỷ lệ phối có chửa đạt hiệu quả cao, cho các kết quả thực hiện đều đạt so với yêu cầu mô hình. Mô hình cho kết quả thực hiện đều đạt so với yêu cầu mô hình. Đàn dê không xảy ra dịch bệnh, tỷ lệ nuôi sống đạt 99,7% (dự toán $\geq 95\%$), tỷ lệ dê có chửa đạt 91,3% (dự toán $\geq 85\%$), số con sơ sinh/lứa đạt 1,6 con/lứa. Hiệu quả kinh tế ước đạt: với quy mô 10 dê cái + 01 dê đực/hộ 1 năm sinh sản từ 20-30 con/năm, thời gian nuôi dê con 7 tháng có thể xuất chuồng dê đạt trọng lượng 25 kg/con x 150.000 đồng/kg cho thu nhập bình quân từ 75-100 triệu đồng, cho lãi suất 25-50 triệu đồng/hộ/năm.

Đánh giá kết quả từ các mô hình cho thấy chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học giúp kiểm soát được dịch bệnh, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra chất thải chăn nuôi cũng được xử lý hiệu quả hơn thông qua các chế phẩm sinh học, góp phần bảo vệ môi trường. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã và đang trở thành hướng đi tất yếu và hiệu quả, thúc đẩy chăn nuôi bền vững. Các mô hình đã triển khai tập huấn kỹ thuật, tổ chức tham quan cho hàng nghìn lượt nông dân để nắm vững kỹ thuật và tuyên truyền nhân rộng mô hình. Thông qua các mô hình nông dân đã tiếp cận với các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, nhờ đó tăng hiệu quả kinh tế từ 15-20% so với chăn nuôi truyền thống, tăng giá trị sản lượng và chất lượng sản phẩm tạo ra các sản phẩm an toàn có thương hiệu, phát triển chuỗi liên kết. Việc triển khai các dạng mô hình theo hướng an toàn sinh học ứng dụng các chế phẩm sinh học, thảo dược vào thức ăn, nước uống cho đàn vật nuôi để giảm mùi hôi trong quá trình chăn nuôi, nâng cao sức đề kháng, giảm sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, giảm dịch bệnh, tăng năng suất, đặc biệt là bảo vệ sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường ngày càng được người dân quan tâm hưởng ứng tham gia.

Về công tác đào tạo, tập huấn: Trung tâm xác định công tác tuyên truyền, tập huấn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển nông nghiệp nói chung và lĩnh vực chăn nuôi nói riêng để giúp cho nông dân kịp thời nắm bắt được những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, của thành phố, các tiến bộ kỹ thuật mới, các mô hình mới, mô hình sản xuất hiệu quả nông nghiệp hiệu quả, phổ biến những kinh nghiệm, những cách làm hay trong phát triển nông nghiệp. Đồng thời góp phần định hướng sản xuất, nâng cao ý thức của người dân trong sản xuất và tiêu dùng nông sản đảm bảo an toàn. Đối với các chương trình mô hình khuyến nông triển khai: 100% các hộ tham gia mô hình được tập huấn đầy đủ. Ngoài ra, hàng năm Trung tâm Khuyến nông

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

triển khai thường xuyên các lớp đào tạo tập huấn với các nội dung: tổ chức 5-7 lớp cho các tác nhân tham gia chuỗi tại các huyện với sự tham gia của 150-200 học viên là các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, các chuỗi và cán bộ quản lý cấp cơ sở; Tổ chức 4-6 lớp tập huấn về tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi với trên 200 học viên, là các chủ trang trại, khuyến nông viên, nhân viên chăn nuôi thú y, giám đốc các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã; Tổ chức 30-40 lớp tập huấn về kỹ thuật theo thời vụ cho nông dân thu hút hơn 2.000 lượt người tham gia. Thông qua các lớp tập huấn, giúp các học viên nắm bắt các kiến thức, tiếp cận những công nghệ mới, vận dụng kiến thức cũng như tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tạo ra sản phẩm chăn nuôi an toàn, bảo vệ môi trường đồng thời thu hút các tác nhân tham gia, kết nối được cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ tham gia các chuỗi nhằm xây dựng thành công chuỗi giá trị sản phẩm chăn nuôi, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân.

Ngoài ra, mỗi năm Trung tâm tổ chức các Diễn đàn Khuyến nông @ Nhịp cầu nhà nông, Diễn đàn Khuyến nông @ Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Hội thảo Tăng cường kỹ năng nhận diện sản phẩm an toàn và chuỗi giá trị tại các huyện trong đó có lĩnh vực chăn nuôi với hàng trăm đại biểu tham gia. Qua các diễn đàn cơ sở sản xuất và doanh nghiệp phân phối đã được kết nối, người tiêu dùng được tiếp cận các sản phẩm chất lượng, nhiều doanh nghiệp đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác tiêu thụ sản phẩm. Tại các cuộc hội thảo người tiêu dùng được nghe giới thiệu về các chuỗi liên kết an toàn thực phẩm, cũng như kỹ năng nhận diện sản phẩm nông nghiệp an toàn, đảm bảo chất lượng, đồng thời được tham quan các cơ sở sản xuất uy tín có sản phẩm đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố giúp người tiêu dùng có thói quen tiêu dùng thông thái, chỉ mua nông sản, thực phẩm ở những địa chỉ uy tín, được cấp giấy chứng nhận, từ đó góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cho những cơ sở sản xuất, điểm kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn thành phố.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ TỒN TẠI HẠN CHẾ

*** Đánh giá chung:**

Việc phát triển chăn nuôi ATSH mặc dù đem lại hiệu quả cao cho người chăn nuôi nhưng việc áp dụng đồng bộ các biện pháp chăn nuôi ATSH còn hạn chế, do chăn nuôi nhỏ lẻ, trong khu dân cư trên địa bàn Thành phố còn lớn (chiếm 60-70%), chi phí đầu tư cao, cần diện tích đất quy hoạch lớn; việc áp dụng các biện pháp các trang trại chăn nuôi ATSH mới thực hiện tốt ở các trang trại chăn nuôi lớn, ngoài khu dân cư, trang trại chăn nuôi có quy mô lớn hoặc do các doanh nghiệp đầu tư.



3.1. Thuận lợi

Hà Nội có tiềm năng rất lớn về việc phát triển chăn nuôi, là một thị trường tiêu thụ thực phẩm lớn nên khả năng phát triển chăn nuôi theo mô hình an toàn sinh học là rất lớn. Việc phát triển chăn nuôi ATSH luôn được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư. Là định hướng của thành phố trong chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

Theo xu hướng phát triển chung, chăn nuôi nhỏ lẻ ngày càng giảm, chăn nuôi quy mô lớn tăng, việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới ngày càng nhiều, đặc biệt là chăn nuôi khép kín, tự động hoá phát triển thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi an toàn sinh học.

Để đảm bảo phát triển chăn nuôi bền vững, việc liên kết trong sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm là xu hướng tất yếu, đòi hỏi người chăn nuôi phải đầu tư bài bản, chuyên nghiệp hơn; phải nâng cao trình độ sản xuất để đáp ứng tiêu chí về chất lượng sản phẩm khi tham gia chuỗi. Đây cũng là yếu tố quan trọng để phát triển chăn nuôi an toàn sinh học.

Nhu cầu tiêu dùng của người dân ngày càng khắt khe hơn, đặc biệt đối với việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, sản phẩm có chứng nhận cũng là yếu tố quan trọng giúp phát triển chăn nuôi an toàn sinh học.

Trình độ kỹ thuật của người nuôi từng bước được nâng cao (thông qua kết quả tham quan, đào tạo, tập huấn và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật).

3.2. Khó khăn, tồn tại

Thời tiết khí hậu, tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi và dịch Covid-19 tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường gây khó khăn cho phát triển chăn nuôi nói riêng và sản xuất nông nghiệp của thành phố. Đặc biệt ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã tác động trực tiếp đến đời sống, kinh tế, xã hội, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, tiêu thụ khó khăn, sản xuất giá thành đầu vào và đầu ra bất thuận, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế chăn nuôi của người dân.

Việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi còn hạn chế do vướng mắc về đất đai; các chính sách khuyến khích chưa thực sự hấp dẫn; rủi ro cao trong đầu tư... khiến cho các nhà đầu tư chưa mặn mà đầu tư vào phát triển chăn nuôi.

Chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ lệ cao gây khó khăn cho việc kiểm soát dịch bệnh và phát triển chăn nuôi ATSH. Chăn nuôi còn mang tính tận dụng lao động dư thừa nên trình độ và kinh nghiệm rất hạn chế, không có nhu cầu tiếp cận, ứng dụng tiến bộ

khoa học kỹ thuật. Việc đầu tư phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học đòi hỏi vốn đầu tư, từ xây dựng chuồng trại khép kín, khu xử lý môi trường,...

IV. ĐỀ XUẤT

Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi Luật đất đai để có quy định cụ thể về tích tụ ruộng đất, quy hoạch chuyển đổi đất phục vụ sản xuất nông nghiệp trong đó có lĩnh vực chăn nuôi.

Đối với các mô hình Khuyến nông: Việc ứng dụng chế phẩm sinh học tăng lợi khuẩn, giảm vi khuẩn gây hại cho vật nuôi là rất hiệu quả. Tuy nhiên trong định mức theo Quyết định số 663 chỉ có chăn nuôi hữu cơ là hỗ trợ chế phẩm, các mô hình khác không áp dụng.

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ban hành ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông yêu cầu thực hiện theo định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tuy nhiên khi áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới chưa có định mức cụ thể, đề nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép được vận dụng các Quy trình kỹ thuật do các Cục, Viện chuyên ngành ban hành./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ NỘI

KẾT QUẢ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC, MÔ HÌNH CHỨNG NHẬN VIETGAHP, AN TOÀN DỊCH BỆNH, CHỨNG NHẬN OCOP TẠI TỈNH NAM ĐỊNH

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Nam Định

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Nam Định là một tỉnh thuộc phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp bền vững. Trong những năm vừa qua chăn nuôi của tỉnh đã có những bước chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ, tập trung trong nông hộ sang chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung công nghiệp và bán công nghiệp. Các tiến bộ KHKT về giống, thức ăn chăn nuôi, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo VietGAHP được ứng dụng mạnh mẽ giúp tăng năng suất chăn nuôi và kiểm soát tốt hơn về dịch bệnh, từng bước đem lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi. Bên cạnh đó, những năm gần đây chăn nuôi của tỉnh cũng gặp rất nhiều khó khăn do tác động của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá sản phẩm chăn nuôi bấp bênh không ổn định, dịch bệnh luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát thành dịch.

Theo số liệu của Cục Thống kê tính đến thời điểm 01/4/2021 tổng đàn lợn của tỉnh đạt 637,5 nghìn con, gia cầm 8.837 nghìn con, đàn trâu 7.493 con, đàn bò 29.653 con. Trong đó đàn gia cầm tăng so với năm 2020 là hơn 1 triệu con.

Để có được kết quả trên trong những năm qua được sự quan tâm của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, của tỉnh mà trực tiếp là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông Nam Định đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể nhằm hỗ trợ người chăn nuôi ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi. Điển hình như việc xây dựng các mô hình Chăn nuôi gà thịt lông màu an toàn sinh học gắn với liên kết chuỗi; Chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường; Mô hình chăn nuôi vịt thịt an toàn sinh học. Đây là những mô hình có hiệu quả kinh tế cao, sản phẩm an toàn đồng thời giúp thay đổi hành vi trong chăn nuôi.

II. KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC, MÔ HÌNH CHỨNG NHẬN VIETGAHP, AN TOÀN DỊCH BỆNH, CHỨNG NHẬN OCOP

2.1. Xây dựng mô hình chăn nuôi ATSH

Từ nguồn hỗ trợ kinh phí của tỉnh, hàng năm Trung tâm đã xây dựng 1-2 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn sinh học cụ thể:

Năm 2020: Trung tâm triển khai mô hình chăn nuôi gà Tân Hồ an toàn sinh học, quy mô 1.000 con/1 hộ tham gia tại huyện Vụ Bản; sau 4 tháng nuôi gà đạt trọng lượng 2,38kg, lãi 30.125.000 đồng (7.531.000 đ/tháng). Hộ tham gia mô hình đã nhận thức được sự cần thiết của quản lý an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm; từ đó đã giảm được chi phí sản xuất cùng như tăng năng suất. Đồng thời giúp thay đổi nhận thức về xử lý chất thải chăn nuôi, giảm ô nhiễm, giảm mầm bệnh và bảo vệ môi trường sinh thái. Mô hình có hiệu quả kinh tế cao, sản phẩm thịt gà an toàn. Mô hình đã được tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để mở ra diện rộng. Được nông dân nhiệt tình hưởng ứng và là điểm đến tham quan, học tập của các hộ chăn nuôi trong và ngoài huyện.

Năm 2021: Trung tâm xây dựng 1 mô hình Chăn nuôi gà lông màu an toàn sinh học với quy mô 2.000 con/2 hộ tại huyện Mỹ Lộc, huyện Ý Yên (giống gà Hồ lai); sau 5 tháng nuôi gà đạt trọng lượng bình quân 2,83kg, lãi 72.400.000/mô hình (bình quân lãi 14.480.000 đ/tháng).

Việc triển khai mô hình đã giúp người chăn nuôi hiểu biết về kỹ thuật chăn nuôi gà an toàn sinh học: Thực hiện tốt các nguyên tắc trong chăn nuôi như kiểm soát vào ra, việc vệ sinh làm sạch cũng như phun khử trùng đúng cách.

Mô hình thực hiện đã góp phần đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, tạo công ăn việc làm cho người nông dân, mang lại hiệu quả kinh tế cao, từ đó giúp người chăn nuôi có thêm thu nhập.

2.2. Đối với những trang trại được cấp giấy chứng nhận VietGAHP

Tính đến thời điểm hiện tại toàn tỉnh đã được Sở Nông nghiệp và PTNT cấp 31 Giấy chứng nhận Mô hình VietGAHP trong đó trang trại nuôi gà là 14, trang trại lợn là 17.

2.3. Về tình hình cấp Giấy chứng nhận vùng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh

Tính đến thời điểm hiện tại tại toàn tỉnh đã có 41 cơ sở chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận cơ sở ATDB, trong đó có 39 cơ sở chăn nuôi lợn và 2 cơ sở chăn nuôi gia cầm. Để duy trì và mở rộng việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh thì hàng năm Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh vẫn định kỳ đánh giá việc các cơ sở an toàn dịch bệnh có thực hiện đúng các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các quy định về chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật; thông tin, hướng dẫn về lợi ích, các quy định chăn nuôi an toàn dịch bệnh để tuyên truyền, nhân rộng.

2.4. Về Quyết định công nhận sản phẩm OCOP

Đến thời điểm hiện tại tỉnh đã tổ chức 3 đợt công bố, xếp hạng sản phẩm OCOP và đã công nhận 146 sản phẩm trong đó có 28 sản phẩm đạt hạng 4 sao và 118 sản phẩm đạt hạng 3 sao.

III. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI TRIỂN KHAI

3.1. Thuận lợi

- Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học đã nhận được sự quan tâm ủng hộ, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo sở, sự phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ của các cấp chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.

- Việc phát triển chăn nuôi từ trước đến nay thường tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh, tình trạng lạm dụng quá mức kháng sinh trong chăn nuôi, việc kiểm soát vào ra cũng như công tác vệ sinh làm sạch, phun khử trùng còn nhiều hạn chế, tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi chưa có biện pháp khắc phục. Nay khi triển khai các mô hình chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học đã hạn chế được những vấn đề trên nên người chăn nuôi phấn khởi tiếp nhận.

- Trên địa bàn các huyện, thành phố đã có các mô hình điểm được xây dựng và chăn nuôi có hiệu quả giúp người chăn nuôi gia cầm trực tiếp tham quan, học tập từ đó giúp người chăn nuôi hiểu sâu hơn về hiệu quả của chăn nuôi an toàn sinh học.

3.2. Khó khăn

- Do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trong chăn nuôi lợn nên nhiều trại đã chuyển từ nuôi lợn sang chăn nuôi gia cầm làm cho lượng thịt gia cầm tăng đột biến. Ngoài ra còn do thị hiếu người tiêu dùng vẫn ưa chuộng thịt lợn hơn các loại thịt khác và đặc biệt là dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tiêu thụ thịt gia cầm, làm cho giá thịt gia cầm giảm liên tục, người chăn nuôi bị thua lỗ, không muốn mở rộng quy mô chăn nuôi gây khó khăn cho việc nhân rộng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học.

- Nhận thức về lợi ích của việc chăn nuôi an toàn sinh học của một số hộ chăn nuôi còn hạn chế, tâm lý ngại thay đổi thói quen chăn nuôi truyền thống, ngại cải tạo chuồng trại chăn nuôi hoặc không có kiến thức về chăn nuôi an toàn nên việc áp dụng còn hạn chế.

- Việc áp dụng phương pháp chăn nuôi này tại các hộ hiện vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, như: Phần lớn các hộ chăn nuôi phát triển còn manh mún, nhỏ lẻ, đôi khi chỉ dừng lại ở các mô hình chứ chưa nhân rộng, phát triển với quy mô lớn, tập trung. Đồng thời, tâm lý còn thực hiện “nửa vời”, chưa thực sự nghiêm túc dẫn đến hiệu quả kinh tế không cao. Đa phần, người chăn nuôi còn lơ là về bố trí khu vực nuôi cách ly con

***Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”***

giống, yêu cầu về cự ly với chuồng trại chính,... do thói quen “nhớ đâu làm đó”, theo kinh nghiệm nên khi bị “khép” vào những quy định bắt buộc thì vẫn còn nhiều lúng túng.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

- Từ hiệu quả mô hình đem lại, trong những năm tới Trung tâm Khuyến nông tiếp tục triển khai mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, xây dựng mô hình điểm cho người dân đến tham quan, học tập. Đây cũng là tiền đề để xây dựng các mô hình chăn nuôi hữu cơ, tạo sản phẩm an toàn chất lượng cao đáp ứng cho người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường công tác đào tạo và thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kiến thức chăn nuôi an toàn đến các hộ chăn nuôi trong toàn tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

- Trong thời gian tới kính đề nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tiếp tục quan tâm, hỗ trợ để triển khai các dự án khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục hỗ trợ kinh phí để Trung tâm Khuyến nông xây dựng mô hình ở nhiều địa phương khác nhau trong tỉnh./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH NAM ĐỊNH

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hải Dương

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Hải Dương nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, có vị trí địa lý, giao thông thuận lợi; thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng thích hợp cho sản xuất nhiều loại cây trồng, vật nuôi chất lượng cao. Chính vì vậy, nông sản Hải Dương không những đa dạng, phong phú về chủng loại và đảm bảo chất lượng (đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, VietGAP, GlobalGAP... đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm).

Thời gian vừa qua tình hình chăn nuôi gia cầm của tỉnh phát triển khá mạnh. Năm 2020, tổng đàn gia cầm trên địa bàn tỉnh có khoảng 14,8 triệu con, trong đó có 12 triệu con gà (chiếm 81% tổng đàn gia cầm). Sản lượng thịt hơi đàn gia cầm đạt khoảng 44 nghìn tấn, sản lượng trứng đạt khoảng 390 triệu quả.

Chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh trong những năm gần đây là do nhu cầu vốn ít, rủi ro dịch bệnh giảm, quay vòng nhanh. Đặc biệt trong năm 2019, bệnh dịch tả lợn châu Phi bùng phát trên đàn lợn đã hình thành cho người chăn nuôi tâm lý lợn bị dịch nên chuyển sang thịt gà đó đó chủ cơ sở chăn nuôi lợn có lợn bị chết dịch chuyển sang chăn nuôi gia cầm nên đàn gia cầm tăng nhanh.

Gia cầm được chăn nuôi ở các quy mô và vùng khác nhau trong tỉnh đã tạo ra một hướng mới trong chuyển đổi cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng sản lượng thịt trứng. Đưa tỷ lệ sử dụng các sản phẩm gia cầm từ 23% năm 2015 lên 52,2% năm 2019.

II. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GÀ CỦA TỈNH

2.1. Về con giống

Do thị hiếu, thị trường tiêu thụ nên nhiều giống gia cầm có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất đại trà như: Nhóm gà Ri lai (gà Ri lai 1/2, 3/4 với các giống gà Lương phượng, Chọi, Hồ, Mía); giống gia cầm chuyên trứng (Ai cập, Ai cập lai, ISA Brown,); các giống vịt kiêm dụng như vịt Cỏ, vịt Cỏ lai, vịt Triết Giang; các giống vịt, ngan chuyên thịt (vịt CV, Super, ngan R51, R71). Trên địa bàn tỉnh có Trạm Giống Gia cầm Cẩm Bình, thuộc Trung tâm Nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, Viện Chăn nuôi quy mô nuôi từ 50.000 gia cầm giống ông bà, bố mẹ là những giống mới tiến bộ kỹ thuật (TBKT) nhập nội có năng suất, chất lượng cao như giống gà Mía, Đông Cảo, Ri, Ri lai,

Chọi, Chọi lai, Lương Phượng, LV, TP,...; giống vịt Super M, M2, M2 cải tiến, Star53 và giống ngan pháp R51, R71; cơ cấu giống ông bà chiếm 40% tổng đàn; hàng năm trạm sản xuất con giống bố mẹ, thương phẩm cung ứng cho các hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh và một số tỉnh lân cận hàng chục triệu con gia cầm giống chất lượng cao. Bên cạnh đó trên địa bàn tỉnh còn có 250 cơ sở ấp nở gia cầm giống quy mô nhỏ, hàng năm sản xuất được gần 10 triệu gia cầm giống cung ứng cho các hộ chăn nuôi thương phẩm của tỉnh, tập trung các huyện: Gia Lộc, Cẩm Giàng, Chí Linh, Nam Sách và Thanh Miện. Tuy nhiên, lượng con giống gia cầm cung cấp từ nhà máy và những cơ sở ấp nở này cho người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh chỉ khoảng 50-60% nhu cầu; còn lại, chủ yếu con giống gia cầm nuôi trong tỉnh được nhập từ tỉnh ngoài về.

2.2. Cơ sở chăn nuôi

Toàn tỉnh hiện có 406 trang trại chăn nuôi gia cầm tập trung quy mô từ 4.000 con trở lên, tổng số con thường xuyên có mặt khoảng 2 triệu con và 1.257 gia trại chăn nuôi gia cầm với tổng số con thường xuyên có khoảng trên 7 triệu con, tập trung chủ yếu tại các huyện: Cẩm Giàng, Tứ Kỳ, Ninh Giang, Nam Sách, Thanh Hà, Chí Linh.

Trong đó, có 15 trang trại được chứng nhận đạt thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP và 25 cơ sở được công nhận là cơ sở an toàn dịch bệnh, mỗi năm có gần 250.000 con gà thịt từ quy trình chăn nuôi VietGAHP cung cấp ra thị trường.

2.3. Về phương thức chăn nuôi

Hiện nay phương thức chăn nuôi tập trung, công nghiệp, bán chăn thả phát triển, chăn nuôi nông hộ nhỏ giảm mạnh; Các quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi theo VietGAHP được người chăn nuôi áp dụng, đã có nhiều trại áp dụng khoa học công nghệ (hệ thống điều khiển thức ăn chăn nuôi tự động; điều khiển môi trường tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động); sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết được hình thành, phát triển và có mô hình đem lại hiệu quả kinh tế cao, ổn định như: Hợp tác chăn nuôi gà thương phẩm Tân Việt, huyện Thanh Hà; Hợp tác xã Chăn nuôi Toàn Thắng, huyện Tứ Kỳ; Hội Chăn nuôi gà Phượng Hoàng, xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng; Mô hình Chăn nuôi gà an toàn sinh học An Thắng farm tại xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ; Trang trại chăn nuôi gà Tám Lợi tại thành phố Hải Dương. Một số mô hình chăn nuôi gà công nghiệp quy mô lớn, vịt thịt gia công với các doanh nghiệp lớn như: Công ty CP Việt Nam; Công ty Green Feed; Công ty TNHH Japfa Comfeed; Công ty TNHH HairD Hải Dương,... đã tập hợp được những con người có cùng tâm huyết, cùng có mục đích muốn chăn nuôi bền vững; chủ động được thị trường tiêu thụ sản phẩm, tránh được tình trạng “được mùa mất giá, được giá mất mùa”. Cùng với đó, việc tạo ra sản phẩm an

toàn thực phẩm, có chất lượng được quản lý, sản xuất theo quy trình rõ ràng, minh bạch và được tuyên truyền rộng rãi sẽ làm cho người tiêu dùng yên tâm về chất lượng sản phẩm giúp ra tăng giá trị sản phẩm.

Toàn tỉnh có 406 trang trại chăn nuôi gà quy mô từ 3.000 con trở lên và 199 trang trại chăn nuôi vịt ngan quy mô từ 2.000 con trở lên; có 1.257 gia trại chăn nuôi gà quy mô từ 500 con trở lên và 740 gia trại chăn nuôi vịt ngan. Trong đó có 15 trang trại được chứng nhận đạt thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP và có 25 cơ sở được công nhận là cơ sở an toàn dịch bệnh, theo đó mỗi năm có gần 250.000 con gà thịt từ quy trình chăn nuôi VietGAHP cung cấp ra thị trường

2.4. Về công tác phòng chống dịch bệnh

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho UBND tỉnh nhiều giải pháp cụ thể phù hợp với điều kiện chăn nuôi ở địa phương về phòng chống dịch bệnh. Phối hợp với các cơ quan thông tin tuyên truyền thường xuyên phổ biến, thông tin tới người chăn nuôi về diễn biến dịch bệnh ở đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn cả nước, toàn tỉnh để chủ động phòng, chống dịch bệnh. Tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng bệnh bình quân toàn tỉnh đạt trên 80% số đầu gia súc trong diện tiêm phòng. Tổ chức kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, chú trọng đối với cơ sở giết mổ tập trung (duy trì hoạt động cơ sở giết mổ Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, cơ sở giết mổ gia cầm tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng) góp phần khống chế dịch bệnh bảo vệ sản xuất và sức khỏe nhân dân.

Ngày 08/01/2021 trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện 02 ổ dịch cúm gia cầm H5N6 tại xã Bắc An và phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh (số gia cầm phải tiêu hủy là 6.996 con). Trước tình hình trên, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tăng cường hướng dẫn công tác chỉ đạo, dập dịch. Đến nay đã được công bố hết dịch, không phát sinh ổ dịch mới. Chủ động hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, chủ động kiểm soát, giám sát dịch bệnh.

2.5. Về liên kết tiêu thụ sản phẩm

Thời gian vừa qua, trước những bất lợi về giá cả thị trường biến động, dịch bệnh xảy ra thường xuyên và diễn biến phức tạp, các trang trại chăn nuôi đã liên kết nhằm hỗ trợ nhau trong quá trình sản xuất như: hỗ trợ vốn sản xuất; mua vật tư đầu vào khối lượng lớn và giá rẻ; gắn sản xuất chăn nuôi với giết mổ, chế biến và tiêu thụ hình thành chuỗi sản phẩm... điều này đã làm cho giảm giá thành sản phẩm, tăng giá sản phẩm và chăn nuôi có lãi. Cụ thể:

- Liên kết hỗ trợ vốn sản xuất, mua vật tư đầu vào: Điển hình như Hiệp hội Chăn nuôi, Chế biến và Tiêu thụ gà đồi Chí Linh, Hợp tác xã Chăn nuôi gà thương phẩm Tân Việt.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Liên kết chuỗi sản phẩm: Diễn hình là các mô hình chăn nuôi gia công của các doanh nghiệp nước ngoài (CP, JAPFA,...) và một số doanh nghiệp trong nước như DABACO, GReenFeed, Hoa Kỳ,...

- Liên kết với doanh nghiệp (chăn nuôi gia công): Với hình thức liên kết này các doanh nghiệp cung ứng con giống, thức ăn, hỗ trợ kỹ thuật, thuốc thú y và bao tiêu toàn bộ sản phẩm; người chăn nuôi xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải theo yêu cầu kỹ thuật của doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và nhận tiền công theo hợp đồng ký kết. Các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi liên kết chăn nuôi gia công như: Công ty CP Việt Nam, Công ty Green Feed, Công ty Hoa Kỳ...

- Liên kết giữa các trang trại chăn nuôi gia cầm (giống, thịt, trứng gia cầm) và thị trường tiêu thụ là các siêu thị, nhà hàng, chợ và các bếp ăn tập thể đã được hình thành và ngày càng phát triển. Hiện nay, việc tiêu thụ sản phẩm gà trong nội tỉnh từ 55-60% sản phẩm thịt gà.

III. KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN SINH HỌC (ATSH) GIAI ĐOẠN 2017-2021

3.1. Kết quả xây dựng mô hình

Trong 5 năm từ năm 2017-2021, Trung tâm Khuyến nông Hải Dương thực hiện gần 20 điểm mô hình chăn nuôi gà ATSH với quy mô gần 45.000 con. Cụ thể:

- Năm 2017:

Xây dựng mô hình Chăn nuôi gà an toàn sinh học tại xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc và xã An Châu, thành phố Hải Dương quy mô 4.770 con/30 hộ. Kết quả theo dõi, đánh giá tỷ lệ gà sống đạt 94,6%, khối lượng trung bình khi xuất bán đạt 2,5kg/con, mức tiêu tốn thức ăn 2,75kg/kg tăng trọng cơ thể.

- Năm 2018:

+ Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh xây dựng Mô hình Chăn nuôi gà an toàn sinh học, quy mô 5.500 con/10 hộ tham gia, triển khai tại 02 xã Đại Đức và Kim Tân huyện Kim Thành. Kết quả theo dõi, đàn gà sinh trưởng phát triển tốt, không bị bệnh, tỷ lệ nuôi sống gà đạt 95,1%, khối lượng trung bình đạt 2,6kg/con, mức tiêu tốn thức ăn 2,74kg/kg tăng trọng cơ thể.

+ Mô hình chăn nuôi gà an toàn sinh học, quy mô 3.000 con/15 hộ tham gia triển khai tại xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà. Kết quả theo dõi mô hình đàn gà sinh trưởng phát triển tốt, không mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như cúm gia cầm, dịch tả gà, Gumboro,... tỷ lệ nuôi sống đạt 95,1%, khối lượng trung bình đạt 2,6kg/con, mức tiêu tốn thức ăn 2,73kg/kg tăng trọng cơ thể.



**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Năm 2019:

+ Mô hình Chăn nuôi gà lông màu an toàn sinh học tại xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, quy mô 2.800 con/12 hộ tham gia. Tỷ lệ nuôi sống đạt 94,6%; Khối lượng trung bình khi xuất bán đạt 2,3kg/con, mức tiêu tốn thức ăn 2,72kg/kg tăng trọng cơ thể. Đàn gà sinh trưởng phát triển tốt, không mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

+ Mô hình chăn nuôi gà thịt lông màu thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững, quy mô 3.470 con/30 hộ tham gia tại xã Lạc Long, huyện Kinh Môn. Đàn gà sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống 94,5% đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, khối lượng trung bình khi xuất chuồng là 2,5kg/con, mức tiêu tốn thức ăn 2,75kg/kg tăng trọng cơ thể.

+ Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh triển khai Mô hình Chăn nuôi gà lông màu tại 02 xã Thanh Bính và Thanh Cường, huyện Thanh Hà, quy mô 7.000 con/10 hộ tham gia. Đàn gà sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ nuôi sống là 97%, khối lượng gà đạt trung bình 2,1kg/con.

- Năm 2020:

+ Mô hình chăn nuôi gà lông màu giống gà Ri lai quy mô 2.200/8 hộ tham gia, triển khai tại xã Tân Việt huyện Thanh Hà. Đàn gà sinh trưởng phát triển tốt, không mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, tỷ lệ nuôi sống trung bình đạt 96,5%, khối lượng xuất bán trung bình đạt 2,3 kg/con, tiêu tốn thức ăn 2,70kg/kg tăng trọng.

- Năm 2021:

+ Triển khai mô hình chăn nuôi gà thịt lông màu tại xã Dân Chủ huyện Tứ Kỳ quy mô 2.400/8 hộ tham gia, đàn gà sinh trưởng phát triển tốt sau 02 tuần tuổi tỷ lệ sống trung bình đạt 96%. Hiện khối lượng trung bình đàn gà đạt 0,7 - 0,9 kg/con.

+ Mô hình Chăn nuôi gà thịt tại phường Văn An, thị xã Chí Linh quy mô 2.000 con/5 hộ tham gia. Đến nay, sau 2 tuần tuổi đàn gà sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ nuôi sống đạt 95%.

3.2. Đánh giá chung

- Mô hình chăn nuôi gà ATSH tạo ra hướng đi mới, khuyến khích bà con nông dân phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, ổn định và bền vững cung cấp sản phẩm thịt gà sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ sức khỏe người dân.

- Thông qua mô hình đã chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi gà an toàn sinh học để người chăn nuôi biết và áp dụng, đồng thời tuyên truyền, khuyến cáo nhân rộng, hướng tới mở rộng vùng chăn nuôi gà tập trung, đảm bảo an toàn sinh học, tạo đà chăn nuôi gà phát triển.



**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Giúp các hộ nông dân tiếp cận được việc áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, cách quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa gia cầm và mầm bệnh. Với việc áp dụng kỹ thuật chăn nuôi mới, gà phát triển tốt, tỷ lệ sống hơn 95%, ít bệnh, sau 3 tháng đã có thể xuất bán.

- Hạn chế nhiều loại dịch bệnh, chi phí đầu tư giảm rất nhiều so với phương pháp nuôi truyền thống. Đặc biệt, thông qua việc ứng dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật giúp giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường mùi hôi và khí độc trong chuồng nuôi hầu như không còn.

Có thể nói, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi theo hướng ATSH đang dần trở thành hướng sản xuất hiệu quả, thúc đẩy ngành nông nghiệp của các địa phương phát triển theo hướng bền vững, góp phần làm thay đổi tư duy, thói quen sản xuất của bà con nông dân. Nuôi gà theo hướng ATSH hạn chế nhiều loại dịch bệnh, chi phí đầu tư giảm nhiều so với phương pháp nuôi truyền thống, mang lại hiệu quả kinh tế cao bởi người nuôi có thể kiểm soát quá trình sản xuất cũng như hạn chế dịch bệnh, việc xử lý chất thải chăn nuôi dễ dàng hơn, hạn chế ô nhiễm môi trường chăn nuôi. Do đó, tỷ lệ hao hụt chỉ còn 2 - 7%, cho xuất chuồng sớm từ 10 đến 15 ngày, giảm ngày công lao động; hiệu quả kinh tế tăng từ 15 đến 20% so với chăn nuôi theo phương pháp truyền thống. Đồng thời, tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường.

3.3. Thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang có một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi cho người dân như:

+ Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

+ Nghị quyết số 17/2019/NQQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

+ Quyết định số 3917/QĐ-UBND ngày 8/11/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Danh mục các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

+ Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Các chính sách hỗ trợ bao gồm : hỗ trợ chi phí thuê tư vấn xây dựng các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp, kinh phí thực hiện các mô hình trình diễn, kinh phí tập

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

huấn, đào tạo nghề, kinh phí hỗ trợ chuyển giao khoa học và công nghệ, hỗ trợ giống, vật tư và bao bì nhãn mác thực hiện các mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

- Là một trong những tỉnh đứng đầu trong cả nước về chăn nuôi gia cầm, người dân có kinh nghiệm, kỹ thuật trong chăn nuôi gà.

- Nhu cầu đối với sản phẩm thịt gà lớn, nằm trung tâm của các tỉnh thành phố lớn, nên thị trường tiêu thụ thuận lợi và lớn.

b) Khó khăn

*** Về tổ chức sản xuất:**

- Các khâu trong sản xuất còn thiếu tính liên kết, chưa gắn sản xuất với giết mổ, chế biến thị trường.

- Hiệu quả chăn nuôi chưa cao, giá nguyên liệu, điện, vật tư đầu vào cho sản xuất chăn nuôi như con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y cao làm tăng chi phí đầu tư dẫn tới giá thành sản xuất còn cao vì vậy khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm và giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Biến đổi khí hậu toàn cầu, dịch bệnh diễn biến phức tạp trên quy mô rộng. Đàn gia cầm xuất hiện cúm gia cầm H₅N₁, H₅N₆... Các bệnh dịch này, gây thiệt hại lớn và trực tiếp cho sản xuất, một số loại bệnh của gia súc, gia cầm có nguy cơ lây lan sang người. Tình trạng ô nhiễm môi trường là nguyên nhân tiềm ẩn nguy cơ phát sinh dịch bệnh, ảnh hưởng đến sản xuất chăn nuôi và sức khỏe cộng đồng.

*** Về khoa học công nghệ:**

- Việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong khâu sản xuất giống còn thấp, sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường.

- Tình hình tiêm phòng chưa đảm bảo, áp dụng chăn nuôi ATSH còn chưa nhiều, chưa chặt chẽ. Việc nhận thức và áp dụng quy trình VietGAHP trong chăn nuôi gà ở nông hộ còn nhiều bất cập, tỷ lệ hộ nông dân nuôi theo quy trình này còn rất ít. Sản phẩm chăn nuôi an toàn, sản phẩm sạch chưa có chỗ đứng vững trên thị trường vì người tiêu dùng chưa có khả năng phân biệt được sản phẩm an toàn với sản phẩm không an toàn. Các sản phẩm chăn nuôi không an toàn vẫn có thể trà trộn với các sản phẩm an toàn trên thị trường.

*** Về thị trường tiêu thụ:**

- Công tác thông tin thị trường, dự báo còn rất hạn chế, cho nên luôn bị động trong sản xuất.

- Sản xuất còn thiếu ổn định về cung cầu, chưa có đánh giá, dự tính, dự báo đúng về nhu cầu thị trường, vẫn chăn nuôi theo phong trào. Thị trường tiêu thụ sản phẩm bấp bênh, không ổn định, tiếp cận thông tin thị trường còn hạn chế, tiêu thụ vẫn chủ yếu qua



khâu trung gian, tăng giá thành sản phẩm. Sản phẩm gà chất lượng, an toàn với sản phẩm không an toàn, kém chất lượng vẫn bị đánh đồng.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sức mua của thị trường giảm sút ảnh hưởng rất lớn đến phát triển chăn nuôi. Diễn hình là thời gian qua, dịch bệnh Covid- 19 diễn biến phức tạp, các bếp ăn, trường học và nhà hàng ngừng hoạt động là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ thịt và trứng gia cầm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GÀ ATSH TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Định hướng

- Mục tiêu giai đoạn tới là chuyển đổi phương thức chăn nuôi nhỏ, phân tán trong nông hộ sang chăn nuôi tập trung quy mô lớn, trên cơ sở quy hoạch khu chăn nuôi tập trung cách biệt khu dân cư theo từng địa phương để khống chế dịch bệnh và tạo môi trường sạch trong nông thôn.

- Đổi mới và phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng trang trại, công nghiệp và chăn nuôi thả có kiểm soát. Đến năm 2025, tổng đàn gia cầm đạt 14,5 triệu con trong đó đàn gà 11,5 triệu con, sản lượng thịt gia cầm 38.000 tấn. Phân đầu đến năm 2030, tổng đàn gia cầm đạt 15 triệu con, sản lượng thịt gia cầm đạt 48.000 tấn. Có trên 95% trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; số cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGHAP là 300 cơ sở.

- Tập trung chủ yếu vào đàn gà, phân đầu đàn gà thịt chiếm 70% tổng đàn tập trung chủ yếu phát triển gà đồi Chí Linh và gà thả vườn tại các địa phương có truyền thống để tạo ra đủ số lượng gia cầm có năng suất chất lượng cao được thị trường ưa chuộng; gà chuyên chứng đạt 30%.

4.2. Giải pháp

a) Về quy hoạch

Tiếp tục rà soát quy hoạch phát triển chăn nuôi, ưu tiên bố trí quỹ đất để hình thành vùng chăn nuôi chủ lực đủ diện tích, sức hút của tập đoàn, doanh nghiệp lớn, có đủ khả năng đầu tư các dự án lớn hình thành chuỗi khép kín, có vai trò dẫn dắt, hỗ trợ các trang trại chăn nuôi vệ tinh, sản xuất theo chuỗi gắn với thị trường, tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

b) Nhóm giải pháp về kỹ thuật

*** Giải pháp về giống:**

- Tiếp tục đẩy mạnh đột phá trong khâu giống, nâng cao chất lượng con giống. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống sản xuất và cung ứng con giống có chất lượng cao.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Bên cạnh đó tiếp tục nhập giống tốt, chất lượng, năng suất cao từ các cơ sở giống của Trung ương và doanh nghiệp tư nhân ngoài tỉnh.

Quản lý chặt chẽ chất lượng con giống, không sử dụng gia cầm thương phẩm làm gia cầm giống bố mẹ; thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng giống theo quy định.

** Giải pháp về quy trình chăn nuôi:* Tăng cường áp dụng quy trình, các biện pháp tổng hợp trong chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, tuân thủ quy trình tiêm phòng vắc-xin cho đàn gia cầm, quy trình vệ sinh tiêu độc khử trùng, áp dụng công nghệ vi sinh trong nâng cao sức đề kháng, xử lý môi trường trong chăn nuôi,...

** Giải pháp về quản lý:* Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở ấp trứng gia cầm, sản xuất và cung ứng giống. Tăng cường công tác quản lý và biện pháp bảo vệ môi trường trong khu vực chăn nuôi, buôn bán giết mổ.

** Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ:* Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi, ưu tiên cho nâng cao năng suất, chất lượng, xử lý chất thải chăn nuôi, phát triển chăn nuôi công nghệ cao, chăn nuôi hữu cơ.

c) Giải pháp về liên kết, tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, dự báo thị trường.

- Tiếp tục hỗ trợ, xây dựng các mô hình điểm chăn nuôi theo chuỗi liên kết, củng cố phát triển các hình thức liên kết chăn nuôi giữa các doanh nghiệp và trang trại, nhất là liên kết giữa các doanh nghiệp, chủ cơ sở chăn nuôi với các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng con giống, sản xuất thức ăn, thu mua, giết mổ, chế biến và tiêu thụ, giảm bớt các khâu trung gian nhằm tăng thu nhập và ổn định đầu ra cho người chăn nuôi.

- Xây dựng một số chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gà gắn với quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm heo hướng “chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ” tại các địa phương có điều kiện thuận lợi.

- Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý sản phẩm gắn với việc kiểm soát chất lượng sản phẩm ngay từ cơ sở sản xuất nhằm cung cấp các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho thị trường.

d) Giải pháp tuyên truyền

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu để tạo đầu ra ổn định cho các sản phẩm chăn nuôi. Phối hợp các doanh nghiệp xây dựng chương trình, tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại các sản phẩm chủ lực, đặc trưng thông qua hội chợ, triển lãm hoặc các chương trình phối hợp với các tỉnh./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH HẢI DƯƠNG



TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN CÓ CHỨNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Phú Thọ

Phú Thọ là tỉnh có nhiều lợi thế cho ngành chăn nuôi và thủy sản phát triển, với điều kiện khí hậu có nhiều tiểu vùng sinh thái khác nhau, địa hình đa dạng, giao thông thuận lợi kết nối với các tỉnh trong vùng. Theo số liệu thống kê gần đây nhất, toàn tỉnh hiện có tổng số trang trại chăn nuôi là 1.318 đơn vị, trong đó 704 trang trại chăn nuôi lợn, 478 trang trại chăn nuôi gia cầm, 100 trang trại chăn nuôi bò và 35 trang trại chăn nuôi trâu. Tỷ lệ đàn lợn chăn nuôi tại các trang trại chiếm khoảng 35% tổng đàn; tổng đàn gia cầm chăn nuôi tại các trang trại đạt 25% tổng đàn.

Những năm gần đây, ngành chăn nuôi của tỉnh Phú Thọ đã từng bước chuyển dịch theo hướng tập trung hàng hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất, hình thành một số vùng chăn nuôi tập trung tại các huyện Tam Nông, Phù Ninh, Thanh Sơn, Cẩm Khê, Lâm Thao, thị xã Phú Thọ... với sự tham gia của nhiều trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi lớn. Hầu hết các trang trại đã áp dụng phương thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp; ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi (chuồng lạnh, khép kín, có hệ thống điều hoà nhiệt độ, độ ẩm, thông gió, hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động); thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường. Chăn nuôi an toàn sinh học (ATSH) không chỉ kiểm soát được dịch bệnh, bảo vệ đàn vật nuôi, mang lại lợi ích cho người chăn nuôi mà còn góp phần bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cơ cấu Nông nghiệp tỉnh nhà; Đồng thời tạo ra sản phẩm an toàn, có chất lượng cao phục vụ nhu cầu thị trường.

I. THỰC TRẠNG, THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN CÓ CHỨNG NHẬN TẠI PHÚ THỌ

1.1. Thuận lợi

- Theo báo cáo của UBND tỉnh Phú Thọ, tính đến tháng 6/2021, tổng đàn lợn của tỉnh đạt 681,1 nghìn con, đứng thứ 3 so với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Đàn gia cầm đạt 15,78 triệu con, đạt 99,8% so với kế hoạch năm 2021. Đàn bò đạt 105,1 nghìn con, đạt 93,1% so với kế hoạch năm 2021. Đàn trâu đạt 56,7 nghìn con, đạt 96,3% so với kế hoạch năm 2021. Các trang trại chăn nuôi quy mô lớn đều ứng dụng biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, một số trang trại đã thực hiện ứng dụng các phần mềm quản lý sản xuất gắn tem truy xuất nguồn gốc trên sản phẩm...



***Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”***

- Hiện nay, toàn tỉnh đã có 27 cơ sở chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận An toàn dịch bệnh, trong đó có 22 cơ sở chăn nuôi lợn và 5 cơ sở chăn nuôi gà. Có 3 cơ sở chăn nuôi đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn thực phẩm tại 3 huyện: Tam Nông, Thanh Sơn và Cẩm Khê với các sản phẩm chính là: thịt lợn, thịt gà và trứng gà.

- Đã có nhiều doanh nghiệp chăn nuôi lớn như Tập đoàn Hòa Phát, Công ty Dabaco, Công ty TNHH Công nghệ sinh học Cosmoss... đầu tư vào chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; các trang trại, gia trại quy mô lớn cũng đã hình thành và phát triển đã góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian tới.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm tại một số địa phương trong tỉnh đã trở thành một trong những nghề sản xuất chính trong sản xuất nông nghiệp, góp phần làm thay đổi cơ cấu các ngành sản xuất trong nông nghiệp, giúp xóa đói giảm nghèo bền vững. Đối với các liên kết chuỗi gà thịt, gà trứng, thu nhập bình quân/lao động dao động trong khoảng từ 4,0-5,0 triệu đồng/lao động/tháng.

- Thực tế trong chăn nuôi, việc áp dụng những yêu cầu về chăn nuôi ATSH đã làm tỷ lệ dịch bệnh giảm nhiều. Thông qua chăn nuôi ATSH, người chăn nuôi đã có những biện pháp xử lý chuồng trại, thú y, thức ăn, vệ sinh môi trường cũng như xử lý sau chăn nuôi cũng được triển khai bài bản, đúng kỹ thuật. Ngoài ra các cơ sở áp dụng những biện pháp trong chăn nuôi ATSH làm cho môi trường chăn nuôi ở từng cơ sở được sạch sẽ, giúp người nuôi có thói quen thực hiện tốt những điều kiện về vệ sinh chăn nuôi, yêu cầu vệ sinh ATSH trong chăn nuôi. Với những cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt ATSH, ngoài việc giảm chi phí đầu vào, còn tạo ra sản phẩm chăn nuôi sạch hơn, an toàn hơn tới người tiêu dùng, tạo thói quen chăn nuôi cẩn thận, tránh tồn dư mầm bệnh.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm ATSH sử dụng các công nghệ chế phẩm sinh học BALASA N01, ủ phân compost... giúp việc xử lý chất thải chăn nuôi dễ dàng hơn, hạn chế ô nhiễm môi trường chăn nuôi, vật nuôi lớn nhanh, xuất chuồng sớm từ 10 đến 15 ngày, giảm ngày công lao động; hiệu quả kinh tế tăng từ 15 đến 20% so với chăn nuôi theo phương pháp truyền thống.

1.2. Khó khăn

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nông hộ vẫn chiếm tỷ lệ cao, người chăn nuôi vẫn làm việc theo thói quen, kinh nghiệm lâu năm nên không tích cực tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật, khi bị “khép” vào những quy trình, quy định bắt buộc thì tỏ ra lúng túng...

- Kiểm soát xử lý môi trường chưa thường xuyên nên ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi ở một số nơi khó kiểm soát. Năng suất hiệu quả chăn nuôi thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao, thiếu liên kết, chưa tạo dựng được thương hiệu, đầu ra không ổn định. Người chăn nuôi chủ yếu bán sản phẩm thô (cân hơi) cho thương lái, giá thành sản xuất khá cao, sức cạnh tranh kém.



**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Đặc biệt, trong 6 tháng đầu năm 2021, sản xuất chăn nuôi của tỉnh Phú Thọ gặp rất nhiều khó khăn. Dịch bệnh Covid-19 cũng đã ảnh hưởng lớn tới tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; Với tổng đàn trên 681.000 con lợn; 15,7 triệu con gia cầm trên toàn tỉnh thì việc tiêu thụ hiện đang gặp nhiều khó khăn. Giá con giống đầu vào (thời điểm tháng 2, tháng 3) cao, cộng với giá thức ăn chăn nuôi tăng, các trang trại nuôi quy mô từ vừa đến lớn chỉ còn lãi với mức độ nhẹ hoặc không có lãi; người chăn nuôi nhỏ lẻ đã bắt đầu có dấu hiệu thua lỗ.

II. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN CÓ CHỨNG NHẬN

Thứ nhất: Về chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi.

Tiến tới áp dụng công nghệ cao trong xây dựng chuồng trại chăn nuôi: Chuồng lạnh, chuồng kín, tự động hóa các công đoạn chăm sóc nuôi dưỡng (cho ăn, cho uống, phòng bệnh...) để giảm chi phí nhân công, nâng cao năng suất, chất lượng... giảm giá thành sản xuất.

Thứ hai: Đối với con giống.

Nên nhập con giống có nguồn gốc rõ ràng từ cơ sở sản xuất giống uy tín, được cấp giấy kiểm dịch đối với giống mua ở ngoài tỉnh.

Thứ ba: Quản lý nguồn thức ăn, nguyên liệu sử dụng làm thức ăn.

Sử dụng thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn cho gia cầm có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng, an toàn. Nên mua thức ăn từ nơi sản xuất và đưa về trại chăn nuôi, không qua nhiều đại lý và các trại khác để hạn chế tối đa lây nhiễm nguồn bệnh.

Thứ tư: Tăng cường vệ sinh an toàn dịch tễ trong trang trại.

Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, đảm bảo chuồng nuôi luôn khô ráo, thoáng mát. Kiểm tra nguồn nước uống, đảm bảo nước uống không bị nhiễm nguồn bệnh. Người vào khu chăn nuôi phải được tắm, sát trùng, thay quần áo, giày dép trước khi vào trang trại chăn nuôi; hạn chế tối đa người ra vào trại và khu vực chăn nuôi; phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh xung quanh chuồng nuôi. Sử dụng máy móc, thiết bị và các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi, giải quyết ô nhiễm môi trường, tăng thu nhập từ sản phẩm phụ của chăn nuôi (máy tách, ép phân, bẻ bioga, độn lót sinh học, nuôi giun...).

Thứ năm: Công tác thú y.

Tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin cho gia súc, gia cầm nuôi theo đúng quy trình; Có biện pháp bao vây xử lý ổ dịch kịp thời, không để lây lan rộng; áp dụng các biện pháp KHKT vào công tác chẩn đoán, cảnh báo dịch bệnh.



Thứ sáu: Sử dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi.

Áp dụng công nghệ vi sinh trong thức ăn để tăng tỷ lệ tiêu hóa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Khuyến khích việc áp dụng công nghệ để tự phối trộn thức ăn từ các nguyên liệu sẵn có tại địa phương nhằm giảm chi phí giá thành sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm; sử dụng các loại thức ăn thảo dược, chế phẩm sinh học trong khẩu phần ăn của vật nuôi, giúp nâng cao sức đề kháng, giảm dịch bệnh.

Thứ bảy: Giết mổ, chế biến và thị trường.

Xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, chế biến thực phẩm đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm. Đồng thời, tổ chức kiểm soát chặt chẽ hoạt động giết mổ tại các cơ sở giết mổ đủ điều kiện theo quy định, hoạt động kinh doanh, buôn bán thịt và sản phẩm từ thịt,... Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, quản lý các hoạt động chăn nuôi, giết mổ, tiêu thụ sản phẩm. Truy xuất nguồn gốc bằng tem gắn mã QRCode.

Thứ tám: Công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo huấn luyện.

Cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền để nhiều người chăn nuôi hiểu được bản chất của chăn nuôi ATSH từ đó tự áp dụng cho gia đình, tổ chức và doanh nghiệp của mình. Tăng cường đào tạo huấn luyện cho cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông cơ sở, để phối hợp đồng bộ trong hoạt động này. Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người chăn nuôi gia cầm hiểu rằng việc áp dụng chăn nuôi ATSH sẽ mất thời gian, công sức, ghi chép, truy xuất nguồn gốc so với chăn nuôi tự do, tuy nhiên việc này không tốn kém, quan trọng là cần thay đổi thói quen chăn nuôi.

Hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất chăn nuôi tạo điều kiện thuận lợi về nguồn lực đầu tư sản xuất theo quy hoạch nhằm phát triển chăn nuôi tập trung, tăng quy mô tạo ra số lượng sản phẩm lớn, gắn với thị trường tiêu thụ tạo sự ổn định cho đầu ra và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Chăn nuôi theo phương pháp an toàn sinh học mang lại lợi ích bền vững và hiệu quả kinh tế cao, vừa giúp sản xuất an toàn, vừa tạo ra sản phẩm có chất lượng, an toàn cho người sử dụng. Không dừng lại ở đó, áp dụng phương pháp sinh học đã giúp việc xử lý chất thải chăn nuôi dễ dàng hơn thông qua công nghệ chế phẩm sinh học tránh xả thải trực tiếp gây ô nhiễm môi trường. Với những lợi ích, hiệu quả mà phương pháp này mang lại, trong thời gian tới hy vọng sẽ có thêm nhiều địa phương trong tỉnh sẽ xuất hiện nhiều hơn các mô hình chăn nuôi, vùng chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái ở địa phương./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH PHÚ THỌ

TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI VÀ THỰC HIỆN AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Gia Lai

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI TRONG TỈNH

Trồng trọt và chăn nuôi là hai lĩnh vực chính phát triển ngành Nông nghiệp. Tuy nhiên với đặc điểm đất đai là tư liệu sản xuất không thể thay thế, trong điều kiện diện tích đất canh tác ngày càng giảm và thu hẹp thì việc phát triển ngành Trồng trọt sẽ ngày càng khó mở rộng. Vì vậy trong những năm gần đây ngành Nông nghiệp của tỉnh đang quan tâm chú trọng đến việc phát triển ngành chăn nuôi, để tăng tỷ trọng ngành Chăn nuôi trong nông nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay người chăn nuôi phải đối mặt với nhiều khó khăn trong công tác phòng chống dịch bệnh, gây thiệt hại lớn cho người sản xuất. Để bảo vệ đàn vật nuôi an toàn, người chăn nuôi cần chủ động thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, tạo ra các sản phẩm có chứng nhận VietGAP, chứng nhận OCOP tại tỉnh là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh Gia Lai.

1.1. Số lượng đàn gia súc, gia cầm

Trong những năm gần đây ngành chăn nuôi của tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực, khẳng định được vai trò, vị trí quan trọng trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm ngày càng cao trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Toàn tỉnh hiện có 81.503 hộ nuôi trâu, bò; 42.353 hộ nuôi heo; 129.920 hộ nuôi gia cầm. Trang trại chăn nuôi có 420 trại gồm: 86 trại bò, số lượng 36.720 con; 248 trại heo, số lượng 143.597 con; 86 trại gia cầm số lượng 965.483 con¹. Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, trang trại chiếm 22%.

Ước tổng đàn gia súc, gia cầm 9 tháng đầu năm của tỉnh: Đàn trâu 14.200 con, đạt 99% KH, tăng 2% so với cùng kỳ; đàn bò 423.000 con, đạt 97% KH, tăng 7% so với cùng kỳ; đàn heo 431.790 con, đạt 93% KH, tăng 35% so với cùng kỳ; đàn gia cầm 3.900.000 con, đạt 98% KH, tăng 26% so với cùng kỳ. Sản phẩm chăn nuôi ước đạt: Thịt trâu, bò hơi 31.540 tấn, đạt 70% KH, tăng 2% so với cùng kỳ; thịt lợn hơi 42.582 tấn, đạt 71% KH, tăng 4% so với cùng kỳ; thịt gia cầm hơi 8.000 tấn, đạt 98% KH, tăng 3% so với cùng kỳ.

¹ 420 trại chăn nuôi, trong đó: 18 trại quy mô lớn (9 trại bò, số lượng 31.479 con; 9 trại heo, số lượng 55.712 con); 192 trại quy mô vừa (46 trại bò, số lượng 3.819 con; 134 trại heo, số lượng 79.075 con; 12 trại gia cầm, số lượng 118.000 con); 210 trại quy mô nhỏ (31 trại bò, số lượng 1.422 con; 105 trại heo, số lượng 8.810 con; 74 trại gia cầm, số lượng 847.483 con).

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

Ngoài ra, tính đến nay toàn tỉnh có: 79.036 đàn ong với sản lượng 3.150 tấn mật, 712 nhà yến với sản lượng 2.600 kg tổ yến, sản lượng sữa tươi đạt 26.000 tấn. Ước thực hiện năm 2021 vượt kế hoạch, đạt 100% so với kế hoạch Covid-19.

Cơ sở sản xuất giống vật nuôi: Tỉnh có 01 Trung tâm Giống vật nuôi (thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT), là đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ duy trì chăm sóc, nuôi dưỡng đàn gia súc giống với tổng đàn có mặt thường xuyên hơn 1.300 con. Trong đó đàn heo cụ kỵ, ông bà, bố mẹ 280 con (nái sinh sản 250 con, đực khai thác tinh 30 con), bò hạt nhân 250 con; ngoài ra có 43 cơ sở sản xuất giống heo trang trại hộ gia đình, số lượng 1.457 heo nái. Bên cạnh đó, đến nay tỉnh đã thu hút được 74 dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất giống vật nuôi, trong đó có 72 dự án nuôi heo với quy mô 428.585 con (3.700 con heo nái cụ kỵ, 6.400 con heo nái ông bà, 414.150 con heo nái bố mẹ, 4.335 heo đực giống) và 02 dự án sản xuất giống gia cầm, quy mô 40.000 con gà trứng giống bố mẹ, 19.200 con vịt đẻ trứng; hiện đã có 05 dự án sản xuất giống vật nuôi đã đi vào hoạt động¹, với số lượng 10.573 con heo (1.306 con heo nái cụ kỵ, 7.731 con heo nái bố mẹ, 1.295 con heo hậu bị, 241 con heo đực).

Liên kết trong sản xuất chăn nuôi: Hiện trên địa bàn tỉnh có 135 trại chăn nuôi liên kết với các công ty nuôi gia công theo hình thức liên kết chuỗi giá trị: Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam có 104 trại (82 trại heo, số lượng 65.200 con; 22 trại gà, số lượng 275.000 con); Công ty TNHH một thành viên Chăn nuôi Bình Minh có 14 trại gà, số lượng 135.574 con; Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam có 17 trại, số lượng 337.509 con. Bên cạnh đó, có 7 hợp tác xã liên kết với các hộ sản xuất theo chuỗi: 4 hợp tác xã liên kết nuôi dê, 1 hợp tác xã liên kết nuôi ong, 1 hợp tác xã liên kết nuôi vịt, 1 hợp tác xã liên kết nuôi và giết mổ heo, gà.

Sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP: Đạt tiêu chuẩn VietGAP có 3 cơ sở gồm: Công ty cổ phần Nông nghiệp Navifarm, quy mô 10.000 con heo thịt, sản lượng ước đạt 1.000 tấn thịt/năm; Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhất Trần, quy mô 10.000 thịt, sản lượng ước đạt 1.000 tấn thịt/năm; Hợp tác xã Mật ong Phương Di, quy mô 79.036 đàn, sản lượng trong năm đạt khoảng 3.150 tấn mật/năm. Đạt tiêu chuẩn GlobalGAP có 1 cơ sở: Công ty CP Chăn nuôi bò thịt, bò sữa Cao Nguyên (Nutifood), quy mô 10.000 con bò sữa, 2.000 con bò thịt, sản lượng đạt 35.000 tấn sữa/năm.

Sản phẩm OCOP trong chăn nuôi: Hiện trên địa bàn tỉnh có 18 sản phẩm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và hộ kinh doanh đạt chứng nhận OCOP trong lĩnh vực chăn nuôi gồm: 7 sản phẩm bò khô (2 sản phẩm đạt 4 sao, 5 sản phẩm đạt 3 sao); 8 sản

¹ Công ty CP Chăn nuôi xanh GIC, Công ty TNHH Chăn nuôi Bách Mộc Phát, Công ty TNHH MTV Phúc Huy Gia Lai, Công ty CP Tập đoàn Mavin, Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

phẩm mật ong: (2 sản phẩm đạt 4 sao, 6 sản phẩm đạt 3 sao); 3 sản phẩm heo một nắng đạt 3 sao.

Ngành Chăn nuôi của tỉnh đang phát triển theo hướng chuyển dịch dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp, áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín đến nay toàn tỉnh có 8 cơ sở được chứng nhận an toàn dịch bệnh:

Bảng. Danh sách cơ sở an toàn dịch bệnh

TT	Loài	Loại hình	Tên cơ sở ATDB	Tên xã/ phường
1	Bò	Trang trại	Trại giống vật nuôi la Khươl thuộc trung tâm giống vật nuôi tỉnh	Xã la Khươl
	Heo	Trang trại	Trại Giống vật nuôi la Khươl thuộc trung tâm giống vật nuôi tỉnh	Xã la Khươl
2	Heo	Trang trại	Trạm Truyền giống gia súc Biển Hồ thuộc Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh	P. Yên Thế
3	Bò	Trang trại	Trang trại Chăn nuôi bò thịt Kông Chro thuộc Công ty cổ phần Diên Hồng Gia Lai	Xã An Trung
4	Bò	Trang trại	Công ty CP Chăn nuôi bò thịt - bò sữa Cao Nguyên	Xã Đăk Yă
5	Heo	Trang trại	Trại Chăn nuôi heo nái sinh sản la Pa thuộc Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Xã Pờ Tó
6	Heo	Trang trại	Trại Chăn nuôi heo hậu bị - thịt Navifarm thuộc Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Xã Pờ Tó
7	Heo	Trang trại	Trại chăn nuôi heo hậu bị - thịt Nhất Trần thuộc công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam	Xã Pờ Tó
8	Bò	Trang trại	Trang trại Chăn nuôi bò thịt Kbang thuộc Công ty cổ phần Diên Hồng Gia Lai	Xã Tơ Tung

1.2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư trong chăn nuôi

Tính đến ngày 07/9/2021, trên địa bàn tỉnh có 151 dự án chăn nuôi đang được các Nhà đầu tư quan tâm với tổng diện tích 4.510,87 ha, tổng vốn đầu tư 21.460,65 tỷ đồng, với quy mô dự án gồm 44.569 con bò (34.569 con bò thịt, 10.000 con bò sữa), 2.989.735 con heo (3.700 con heo nái cụ kỵ, 6.400 con heo nái ông bà, 414.150 heo nái bố mẹ, 12.000 heo nái hậu bị, 2.549.150 con heo thịt, 4.335 con heo đực giống), 40.000 con gà trứng giống bố mẹ, 19.200 con vịt đẻ trứng. Trong đó:

- Có 32 dự án đã được UBND tỉnh Gia Lai cấp quyết định chủ trương đầu tư với tổng diện tích 1.425,94 ha, tổng vốn đăng ký 4.613,38 tỷ đồng, quy mô dự án gồm: 43.300 con bò (33.300 con bò thịt, 10.000 bò sữa), 330.900 con heo (3.700 con heo nái cụ kỵ, 4.000 con heo nái ông bà, 132.100 heo nái bố mẹ, 12.000 heo nái hậu bị, 178.000 con heo thịt, 1.100 con heo đực giống), 40.000 con gà trứng giống bố mẹ, 19.200 con vịt đẻ trứng.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Có 36 dự án đã được UBND tỉnh Gia Lai đồng ý chủ trương nghiên cứu, đề xuất dự án, với tổng diện tích 1.197,88 ha, tổng vốn đăng ký 7.318,83 tỷ đồng, quy mô dự án gồm: 1.390.185 con heo (2.400 con heo nái ông bà, 127.550 heo nái bố mẹ, 1.259.050 con heo thịt, 1.185 con heo đực giống).

- Có 83 dự án đang triển khai các thủ tục để trình UBND tỉnh đồng ý chủ trương nghiên cứu dự án, với tổng diện tích 1.887,05 ha, tổng vốn đầu tư 9.528,44 tỷ đồng, quy mô dự án gồm: 1.269 con bò thịt, 1.268.650 con heo (154.500 heo nái bố mẹ, 1.112.100 con heo thịt, 2.050 con heo đực giống).

Hiện có 12 dự án đã đi vào hoạt động với số lượng: 37.310 con bò (11.483 con bò thịt, 16.457 con bò cái, 63 con bò đực, 2.126 con bê, 7.181 con bò sữa cho sản lượng sữa tươi đạt 1.757,90 tấn/tháng); 52.424 con heo (1.306 con heo nái cụ kỵ, 7.731 con heo nái bố mẹ, 1.295 nái hậu bị, 26.267 con heo thịt, 241 con heo đực giống, 7.865 heo con theo mẹ, 7.719 heo con cai sữa).

Thực hiện Quyết định số 3485/QĐ-BNN-KHCN ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt Dự án Khuyến nông Trung ương bổ sung thực hiện từ năm 2021. Trong giai đoạn 2021-2023 (3 năm), Trung tâm Khuyến nông Gia Lai chủ trì, triển khai thực hiện dự án Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn bản địa thương phẩm an toàn sinh học dưới hệ thống điện mặt trời với quy mô 696 con.

1.3. Tình hình dịch bệnh

Hiện nay ngành chăn nuôi trong tỉnh vẫn xảy ra một số dịch bệnh như bệnh lở mồm long móng, bệnh cúm gia cầm, bệnh lợn tai xanh, nhưng 9 tháng đầu năm 2021 đang có một số dịch bệnh như:

- Viêm da nổi cục ở trâu, bò:

Tính đến tháng 9/2021, toàn tỉnh có 20.570 con/12.323 hộ/949 thôn, làng/161 xã, phường, thị trấn/14 huyện, thị xã, thành phố có bò mắc bệnh viêm da nổi cục (VDNC), có 2.275 con chết, tiêu hủy; số con khỏi 17.797 con; số con còn bệnh 498 con/56 xã, phường, thị trấn (đã có 105 xã của 14 huyện, thị xã, thành phố không còn gia súc mắc bệnh, trong đó có 21 xã của 6 huyện, thị xã, thành phố (Đak Đoa, Kbang, Phú Thiện, Tx. Ayun Pa, Chư Sê, Tp. Pleiku) đã ban hành Quyết định công bố hết dịch theo quy định

- Dịch tả lợn châu Phi:

Tính đến tháng 9/2021, có 517 con lợn mắc bệnh tại 71 hộ/19 thôn/05 xã thuộc huyện Ia Pa, toàn bộ số lợn mắc bệnh dịch tả lợn châu Phi (DTLCP) trên đã tổ chức tiêu hủy theo quy định, khối lượng 35.384 kg.



II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

- Ngành Nông nghiệp tập trung hướng dẫn các địa phương, hợp tác xã, doanh nghiệp, nông dân đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo tiêu chuẩn, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, công nghiệp gắn với an toàn dịch bệnh.

- Liên kết với các Viện, các tổ chức Khoa học để chuyển giao những tiến bộ trong chăn nuôi vào tỉnh bằng những mô hình, dự án để nâng cao hiệu quả sản xuất. Khuyến cáo người chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, gia súc, gia cầm.

- Xây dựng các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh, ứng dụng khoa học tiên tiến để sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý, có khả năng cạnh tranh trên thị trường và đảm bảo an toàn thực phẩm./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH GIA LAI

TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TẠO SẢN PHẨM AN TOÀN CÓ CHỨNG NHẬN TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai

An toàn sinh học trong chăn nuôi là việc áp dụng các biện pháp tổng hợp nhằm bảo vệ đàn gia súc, gia cầm, hạn chế sự tấn công của các tác nhân gây bệnh như: Vi-rút, vi khuẩn, nấm mốc, ký sinh trùng... xâm nhập vào đàn gia súc, gia cầm và ngược lại, ngăn không cho các loại mầm bệnh từ trại chăn nuôi phát tán ra môi trường bên ngoài. Để thực hiện được điều này, người chăn nuôi cần phải chấp thuận hàng loạt sự thay đổi về thái độ và hành vi của mình để giảm nguy cơ lây nhiễm trong tất cả các hoạt động liên quan đến gia súc, gia cầm và các sản phẩm gia súc, gia cầm. Các biện pháp An toàn sinh học cần được chú trọng và coi là một phần công việc hàng ngày của người chăn nuôi.

I. THỰC TRẠNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Đồng Nai là tỉnh có ngành chăn nuôi phát triển khá mạnh; giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2020 đạt 22.546 tỷ đồng, chiếm 51,62% cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản của tỉnh. Hiện nay, tổng đàn lợn khoảng 2,4 triệu con (chăn nuôi trang trại chiếm hơn 90% tổng đàn với 1.297 trại, chăn nuôi nhỏ lẻ chiếm gần 10% tổng đàn, với khoảng 7.700 nông hộ); tổng đàn gà khoảng 24,5 triệu con (chăn nuôi trang trại chiếm khoảng 91% tổng đàn với 419 trang trại, chăn nuôi nông hộ chiếm khoảng 9% tổng đàn, với khoảng 22.800 nông hộ). Ngoài lợn và gà là vật nuôi chủ lực của tỉnh, còn có các vật nuôi khác như: bò (khoảng 86.000 con), trâu (khoảng 3.700 con), dê (khoảng: 277.000 con), vịt, ngan, ngỗng (khoảng 2,5 triệu con) và chim cút (khoảng 6,8 triệu con). Sản lượng sản phẩm vật nuôi đều tăng so với cùng kỳ: thịt trâu, bò tăng 3,5%; thịt lợn tăng 1,43%, thịt gà tăng 11,19%, trứng gia cầm tăng 13,71%, đảm bảo cung ứng cho tiêu dùng.

Với tổng đàn chăn nuôi lợn, gà khá lớn, cùng với sự đa dạng về các loài vật nuôi và quy mô chăn nuôi; việc quản lý chăn nuôi khá phức tạp, cần thiết phải áp dụng những quy định cụ thể hóa Luật Chăn nuôi và văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi, tạo hành lang pháp lý để quản lý tốt hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống ngày càng phát triển, người dân ngày càng quan tâm hơn tới thực phẩm sạch và an toàn. Sớm nhìn nhận được vấn đề này Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan tới vấn đề quản lý, phát triển ngành Nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi nói riêng. Trong đó chú trọng tới việc phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo hướng

hữu cơ, tạo sản phẩm an toàn, có chứng nhận. Trong đó phải kể đến Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND, ngày 11/9/2020 về ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 25/02/201 về việc phê duyệt mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND, ngày 19/7/2021, ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/4/2021 về việc phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 5637/KH-UBND ngày 25/5/2021 kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai...



Đàn gà thịt nuôi theo quy trình An toàn sinh học ở huyện Trảng Bom

Việc Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 (Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 01/6/2021) là 1,5 đơn vị vật nuôi trên 01 ha đất nông nghiệp (đơn vị vật nuôi là đơn vị quy đổi của gia súc, gia cầm theo khối lượng sống, không phụ thuộc vào giống, tuổi và giới tính; mỗi đơn vị vật nuôi tương đương với 500kg khối lượng vật nuôi sống) làm cơ sở để xác định số lượng, khối lượng vật nuôi trên diện tích đất nông nghiệp, góp phần quản lý tốt hoạt động chăn nuôi, môi trường chăn nuôi và phòng dịch bệnh trên đàn vật nuôi; đồng thời, là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư chăn nuôi trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, đảm bảo quy định trong lĩnh vực đầu tư hoạt động chăn nuôi, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái của tỉnh.



Chuồng lợn nái đẻ của trang trại lợn an toàn sinh học tại huyện Long Thành

Các chủ trương chính sách nêu trên đã được triển khai tới từng người dân và đã nhận được sự đồng lòng nhất trí từ cấp tỉnh tới cấp huyện, thành phố, tới cấp phường xã, được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng và tích cực tham gia. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Đồng Nai cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc, cụ thể như:

- Dịch Covid-19 làm ảnh hưởng tới mọi hoạt động sản xuất của ngành Nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi nói riêng. Giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, trong khi đó giá sản phẩm gia súc, gia cầm lại giảm thấp, người chăn nuôi thua lỗ, cắt giảm chi phí dẫn tới việc không đảm bảo an toàn sinh học chăn nuôi, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm có nguy cơ tăng, từ đó dẫn tới việc mất an toàn thực phẩm.

- Cũng do dịch Covid 19, nhu cầu tiêu thụ giảm, lưu thông khó khăn nên sản phẩm chăn nuôi bị quá lứa, ứ đọng sản xuất, khó tái đàn. Giá tiêu thụ sản phẩm rất thấp, đặc biệt là gà công nghiệp trắng của Đồng Nai chỉ dao động từ 6-10 nghìn đồng/kg (giá thành 27-29 nghìn đồng/kg). Hiện nay một số doanh nghiệp lớn về gà công nghiệp trắng chỉ tiêu thụ khoảng 5-10%, có tới 50% gà công nghiệp trắng quá lứa trên 3,8 kg/con, gà lông màu tiêu thụ được khoảng 50-70%, lợn tiêu thụ được khoảng 70-80%. Sự tồn đọng này vừa tốn kém chi phí vừa khiến nguy cơ bùng phát các dịch bệnh trên đàn.

- Bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò đã bắt đầu xuất hiện trên địa bàn tỉnh từ cuối tháng 5 tới nay, cùng đó là dịch dịch tả lợn châu Phi quay trở lại tại một số địa phương làm cho ngành chăn nuôi của tỉnh thêm phần khó khăn, dịch chồng dịch, gây tâm lý hoang mang cho người sản xuất lẫn tiêu dùng.

II. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

2.1. Giải pháp

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định của Luật Thú y, Nghị định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

***Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”***

Xử lý dứt điểm các ổ dịch, không để lây lan và phát sinh dịch bệnh; đối với các bệnh đã có vắc xin, cần khẩn trương bố trí kinh phí mua vắc-xin và tổ chức tiêm phòng ngay để chủ động phòng chống dịch; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tổ chức sản xuất chăn nuôi, vận chuyển và cung ứng vật tư đầu vào (vắc-xin, thuốc thú y, hóa chất,...), kể cả tạo điều kiện trong xuất nhập khẩu.

Tăng cường hướng dẫn chủ vật nuôi thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; khuyến khích họ đăng ký bản quyền, giấy chứng nhận sản phẩm chăn nuôi đạt chất lượng an toàn thực phẩm.

Kiện toàn, củng cố và tăng cường năng lực cán bộ Thú y theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đẩy nhanh xây dựng và ban hành kế hoạch, bố trí kinh phí thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh để chủ động triển khai thực hiện trong năm 2022.

Các sở, ban ngành của tỉnh tăng cường phối hợp, kết nối với các doanh nghiệp, lưu thông, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm chăn nuôi đạt chất lượng an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi.

2.2. Kiến nghị và đề xuất

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tạo điều kiện để tỉnh Đồng Nai được tăng cường khâu lưu thông hàng hóa, giúp tiêu thụ sản phẩm, gia tăng lợi nhuận cho người chăn nuôi.
- Xây dựng và kết nối các đầu mối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nói chung và sản phẩm ngành chăn nuôi nói riêng.
- Sớm hướng dẫn thực hiện chương trình giám sát chủ động, bị động trên các đối tượng cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, chợ và môi trường đối với bệnh dịch tả lợn châu Phi và các biện pháp xử lý.
- Hướng dẫn lấy mẫu xét nghiệm virus SARS-CoV-2 trên động vật và biện pháp xử lý khi phát hiện động vật dương tính.
- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng mức hỗ trợ: Người tiêm phòng vắc-xin và người trực tiếp tham gia phòng chống dịch bệnh động vật như tiêu hủy, tiêu độc khử trùng, trực chốt phòng chống dịch được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với công lao động hiện nay./.

TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC TẠI TỈNH AN GIANG

Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang

Ngành Chăn nuôi cả nước nói chung và Chăn nuôi ở An Giang nói riêng dù thường xuyên gặp nhiều khó khăn như giá thức ăn chăn nuôi tăng liên tục, giá sản phẩm chăn nuôi không ổn định, do thời tiết, do biến đổi khí hậu, do dịch bệnh, do cạnh tranh ngày càng lớn của sản phẩm nhập ngoại... nhưng vẫn là một trong các ngành đóng vai trò quan trọng trong ngành Nông nghiệp.

Theo thống kê 6 tháng đầu năm 2021 tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang (BC số 566/BC-CTK) đàn gia cầm có gần 5 triệu con, bằng 102,79% (tăng 135 ngàn con) so cùng kỳ; đàn dê có khoảng 8,2 ngàn con, bằng 98,2% so cùng kỳ...

Vì vậy, việc phát triển chăn nuôi cũng được quan tâm, đặc biệt vấn đề đảm bảo vệ sinh môi trường trong chăn nuôi được chú trọng. Các chương trình, dự án thực hiện các mô hình như:

- Dự án “Phát triển chăn nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh môi trường” được thực hiện tại các huyện, thị từ năm 2018-2020 điển hình:

Năm 2019 với 3 loại mô hình là chăn nuôi gà thịt trên đệm lót sinh học (giống gà ta lai); chăn nuôi vịt siêu thịt trên đệm lót sinh học (giống vịt thương phẩm Super M2) và chăn nuôi vịt siêu trứng trên đệm lót sinh học (giống vịt TC, vịt trứng Triết Giang).
Kết quả:

+ Thực hiện 9/9 điểm mô hình gà thịt, khối lượng trung bình 01 kg-1,5 kg/con, nuôi trong 03 tháng đến khi xuất chuồng, tỷ lệ sống đạt 95,11%, tiêu tốn thức ăn là 2,79kg, lợi nhuận dao động 3.930.000-8.340.000đ/100 con.

+ Thực hiện 9/9 điểm mô hình vịt thịt, khối lượng trung bình 1,8 kg-2,5 kg/con, nuôi trong thời gian 02 tháng đến khi xuất chuồng, tỷ lệ sống 93,33%, tiêu tốn thức ăn là 2,59 kg, lợi nhuận dao động 2.970.000-6.570.000đ/100 con.

+ Thực hiện 4/4 huyện (Châu Phú, Châu Thành, Phú Tân, Chợ Mới) mô hình vịt trứng, trong thời gian 12 tháng, tỷ lệ hao hụt 05% vịt đang vào giai đoạn đẻ trứng, sản lượng trứng 240 - 280 trứng/tuần.

Năm 2020 thực hiện nhân rộng các mô hình chăn nuôi gà thịt trên đệm lót sinh học (giống gà ta lai); chăn nuôi vịt siêu thịt trên đệm lót sinh học (giống vịt Grimaud).
Kết quả:

+ Chăn nuôi gà trên đệm lót sinh học đạt kết quả khá cao tỷ lệ sống đến xuất chuồng đạt 94,56%, khối lượng trung bình 1,2 kg/con, tiêu tốn thức ăn là 2,79kg, lợi nhuận bình quân từ 2.387.000-6.003.800đ/200 con.

Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”

+ Mô hình chăn nuôi vịt Grimaud trên đệm lót lên men sau thời gian 02 tháng nuôi khối lượng bình quân vịt đạt 3,1kg/con, tỷ lệ sống đến khi xuất chuồng đạt 88,3%, lợi nhuận trung bình 3.380.000đ/100 con.

+ Mô hình chăn nuôi vịt xiêm trên đệm lót lên men thực hiện tại Châu Thành, Châu Phú, An Phú và Chợ Mới, tỷ lệ sống đến xuất chuồng cũng khá cao 93,75%, khối lượng bình quân 3,0kg/con, lợi nhuận bình quân từ 4.210.000-5.962.000đ/100 con.



Hình 1. Mô hình gà thịt trên đệm lót sinh học



Hình 2. Mô hình vịt siêu trứng trên đệm lót sinh học

- Mô hình chăn nuôi dê sinh sản được thực hiện tại 02/02 huyện, thị xã là Châu Phú và Tân Châu, mô hình ứng dụng các chế phẩm vườn sinh thái chăn nuôi, EM tỏi vào thức ăn, nước uống cho dê, giúp giảm tỷ lệ mắc các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nâng cao tỷ lệ nuôi sống một cách đáng kể. Sản phẩm thịt dê tạo ra an toàn cho người tiêu dùng, do không có dư lượng kháng sinh, hóa dược, lợi nhuận trung bình 7.864.000đ/MH/02 con.



Hình 3, 4. Mô hình chăn nuôi dê sinh sản

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

- Mô hình chăn nuôi vịt xiêm Pháp hướng thịt kết hợp chế phẩm sinh học hạn chế ô nhiễm môi trường thực hiện tại 03 huyện, thành phố là Châu Đốc, An Phú và Tri Tôn. Sử dụng chế phẩm Balasa N01 giúp vật nuôi tăng trọng nhanh giảm chi phí thức ăn; tăng sức đề kháng chống chịu dịch bệnh hạn chế việc sử dụng kháng sinh, làm giảm mùi hôi do chất thải trong quá trình nuôi gây ra. Giảm tác động gây ô nhiễm môi trường ít ảnh hưởng đến các hộ ở lân cận, tỷ lệ nuôi sống đến khi xuất chuồng đạt kết quả khá cao 87,7%, khối lượng trung bình 3,2kg/con, lợi nhuận từ 5.050.000-11.032.000đ/200 con.



Hình 5. Mô hình chăn nuôi vịt xiêm Pháp hướng thịt kết hợp chế phẩm sinh học hạn chế ô nhiễm môi trường



Hình 6. Cán bộ tiêm vắc-xin viêm gan cho vịt

* **Thuận lợi:** Qua thời gian thực hiện các chương trình, dự án, nhìn chung các chương trình, dự án đã đạt được mục tiêu và kế hoạch đề ra ban đầu. Có được thành tích đó là nhờ sự đôn đốc nhắc nhở quan tâm của lãnh đạo và sự nỗ lực của cán bộ khuyến nông từ tỉnh đến huyện, sự nhiệt tình ủng hộ của các UBND các xã, phường, thị trấn, tạo điều kiện mở các lớp tập huấn, thực hiện mô hình. Đặc biệt, là sự đồng thuận của các hộ nông dân, luôn tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật của cán bộ khuyến nông, nên các mô hình đạt hiệu quả cao.

- Trong quá trình thực hiện mô hình hộ nông dân tuân thủ đầy đủ lịch tiêm phòng, sử dụng đệm lót ứng dụng chế phẩm sinh học Balasa N01, các chế phẩm sinh học, EM tỎi theo hướng dẫn nên ít bệnh, nhẹ công chăm sóc.

- Chăn nuôi theo phương thức an toàn sinh học giúp giảm tỷ lệ mắc các bệnh đường tiêu hóa, từ đó nâng cao tỷ lệ nuôi sống và tăng năng suất một cách đáng kể, giảm mùi hôi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**Diễn đàn KN @ NN trực tuyến: “Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
tạo sản phẩm an toàn có chứng nhận”**

*** Khó khăn:**

- Mặc dù nông dân địa phương rất quan tâm đến các mô hình, tuy nhiên giá sản phẩm có khi xuống thấp ảnh hưởng đến tâm lý cũng như việc đầu tư cho mô hình; chi phí đầu tư thức ăn cao; ảnh hưởng thời tiết đến sức khỏe vật nuôi.

- Do mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ nên các sản phẩm chăn nuôi đều tiêu thụ tại địa phương và qua các thương lái nên lợi nhuận của nông dân không cao.

- Đối với mô hình chăn nuôi vịt sử dụng đệm lót sinh học nên tránh để bị nước làm ướt đệm lót. Để khắc phục khó khăn này thì nên xây dựng chuồng nuôi có khoảng sân rộng để vịt được làm khô trước khi vào nền đệm lót.

*** Đề xuất kiến nghị:**

- Thông tin và tuyên truyền rộng rãi cho những hộ chăn nuôi thực hiện theo an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ vào chăn nuôi và giải quyết ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi.

- Thành lập THT, HTX để tạo liên kết để tạo liên kết chuỗi từ sx đến tiêu thụ, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi nông hộ.

- Tìm kiếm và xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm thịt, trứng lâu dài để giá bán được ổn định giúp người chăn nuôi yên tâm về giá thành sản phẩm, từ đó mô hình được sản xuất mang tính bền vững.

- Đề nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia giới thiệu rộng rãi các Mô hình ATSH hiệu quả để các tỉnh được tham khảo học tập./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH AN GIANG

